# nghệ thuật

2

NGUYỄN VĂN TRUNG
NGUYỄN SĨ TẾ
HOÀNG ANH TUẤN
NGUYỄN SA
THẠCH CHƯƠNG

KÍNH-BIẾU

Lybs vol#2
(8/x - 15/x)

TUẦN BÁO VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
RA NGÀY THỨ BAY

chọn một đêm kia

# ĐOẢN VĂN

của nhiều người viết

TRUYỆN NGẮN THANH NAM

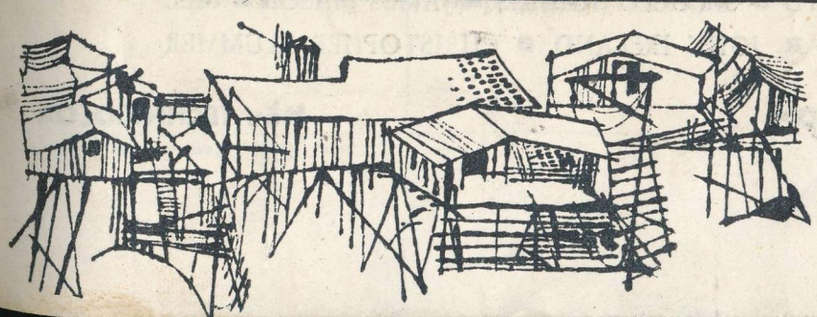

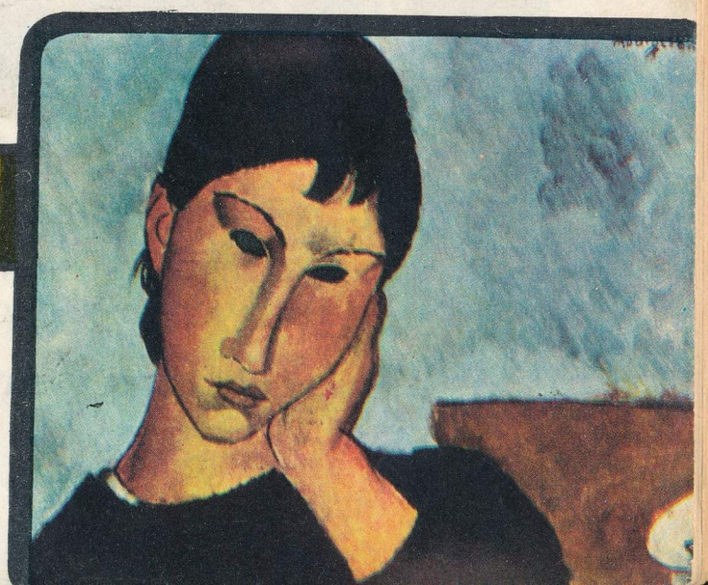

ĐỜI TƯƠI NHƯ HOA
NHỜ UỐNG THUỐC BỔ
Ai Cúc

# nghệ thuật

TUẦN BÁO VĂN HỌC NGHỆ THUẬT RA NGÀY THỨ BẢY

2

Giá 7 đồng



**1** VẤN ĐỀ — QUAN ĐIỂM — NHẬN ĐỊNH

- Diễn đàn này đứng về phía cái Mới — NGHỆ THUẬT
- Ngôn ngữ Kịch — NGUYỄN VĂN TRUNG
- Nghệ thuật Việt Nam (tiếp theo) — NGUYỄN MẠNH CÔN
- Mỗi tuần, chân dung một tác giả — MADELEINE CHAPSAL

**2** TRUYỆN NGẮN

- Bãi cỏ — NGUYỄN ĐÌNH TOÀN
- Cái nóp — DUY THANH
- Con nai vàng (tiếp theo) — BÌNH NGUYÊN LỘC
- Chợ Lớn một đêm kia — VIÊN LINH
- Thư gửi người cha không biết mặt — THANH NAM

**3** THƠ

- Điếu tang Nguyễn Duy Diễn — NGUYÊN SA
- Đêm Việt Nam — TRẦN DẠ TỪ
- Việt Nam mai — ĐỖ QUÝ TOÀN
- Thơ văn xuôi — NGUYỄN NGHIỆP NHƯỢNG

**4** TRUYỆN DÀ

- Vạch một chân trời — SƠN NAM
- Viên đạn đồng chữ nổi — MAI THẢO
- Anh Meaulnes — Nguyên tác : ALAIN FOURNIER Bản dịch MẶC ĐỖ

**5** VÀ NHỮNG MỤC THƯỜNG XUYÊN

- Văn nghệ và cuộc sống — VŨ KHẮC KHOAN
- Vừa xảy ra, đang nói tới — NGHỆ THUẬT
- Đoản văn nhiều người viết : VĂN NGHỆ VÀ NHÀ NƯỚC — VĂN QUANG — MỘT CÂU CHUYỆN RẤT NGẮN — ERNEST HEMINWAY — HÀ NỘI NÂU VÀ ĐEN — NHỊ — ĐỀ ĐỨA CON NUÔI NHỚ — DƯƠNG NGHIỄM MẬU.


Hình bìa : Họa phẩm của Modigniani


NGHỆ THUẬT NĂM THỨ NHỨT • SỐ HAI • TUẦN LỄ TỪ 8 - 10 ĐẾN 15 - 10 - 1965

| Tòa soạn, Trị sự | CHỦ NHIỆM, CHỦ BÚT | TỔNG THƯ KÝ TÒA SOẠN | TRỊ SỰ, QUẢN LÝ |
|---|---|---|---|
| *233, Phạm Ngũ Lão Saigon*<br>Điện thoại : 25.861 | **MAI THẢO** | **THANH NAM** | **TỪ NGỌC TOẢN** |

Trình bày, kỹ thuật : Đằng Giao

mỗi tuần

MỘT VẤN ĐỀ

# NGÔN NGỮ KỊCH

KỊCH LÀ GÌ ? Có lẽ hơn cả thơ, tiểu thuyết, thật khó mà định nghĩa ngay được một cách hoàn tất thế nào là kịch. Dĩ nhiên ở đây chỉ xét kịch như một hình thức nghệ thuật, một cách biểu hiện. Nếu hiểu theo nghĩa rộng chỉ thị bất cứ cái gì biểu hiện (nói chung) và bất cứ ngành nghệ thuật nào (nói riêng) thì có thể nói có một ngôn ngữ kịch, nhưng ngôn ngữ kịch là gì ? Có khác biệt với ngôn ngữ của văn chương hay của các bộ môn nghệ thuật khác như hội họa, âm nhạc, ca vũ không ? Sở dĩ khó định nghĩa kịch là vì chính kịch phân hóa thành nhiều loại rất phức tạp ; nhạc kịch, ca vũ nhạc kịch, kịch nói, kịch câm, kịch phim, kịch vô tuyến truyền thanh, kịch vô tuyến truyền hình, tiểu thuyết kịch... Qua những loại kịch trên, người ta thấy kịch vay mượn hầu như toàn thể các ngành nghệ thuật khác. Vậy kịch chỉ là một thứ nghệ thuật «tạp pí lù» tổng hợp vay mượn do đó không có sắc thái, cá tính riêng hay kịch là một nghệ thuật độc lập, tự trị, có yếu tính đặc trưng khác biệt hẳn với các ngành nghệ thuật, nhất là khác hẳn với văn chương. Về điểm sau này, các người làm hay suy nghĩ về kịch ở Âu châu đã tranh luận rất nhiều. Đó là một vấn đề không thể tránh được, vì sự kiện có những « sáng kiến » mới như kịch phim, kịch vô tuyến, và gần đây, có nhà văn đã tung ra « tiểu thuyết kịch » không thể không đưa người ta đến chỗ phải tìm hiểu « yếu tính » của kịch. Hay nói cách khác, kịch có yếu tính không, có những đặc trưng xác định nó là một cách biểu hiện độc đáo, riêng biệt so với những cách biểu hiện nghệ thuật khác không ?

Thiết tưởng không thể giải đáp thích đáng vấn đề trên bằng những định nghĩa tiên nghiệm, nhưng là bằng cách *mô tả* sự hình thành một vở kịch từ khởi điểm đến chỗ nó được thực hiện trọn vẹn.

Sự mô tả đó dựa trên hai nhận xét sau đây :

I) Sự phân loại kịch dựa vào những yếu tố trội bật vay mượn ở các ngành nghệ thuật khác và không phản ảnh những đặc trưng của yếu tính, nhưng phản ảnh những đặc trưng của mỗi loại kịch.

II) Có những yếu tố tổng quát, thường xuyên phản ảnh những đặc trưng của mọi loại kịch, của kịch hiểu như một bộ môn nghệ thuật *khác biệt*.

Ở giữa ngành kịch, và trong nhiều loại kịch kể trên, người ta còn tìm thấy có thể *có nhiều* quan niệm xây dựng kịch dựa vào những phạm trù kịch và những kỹ thuật khác nhau. Đó là hai vấn đề lớn, đối tượng tìm hiểu của chương này ?

●

## A. Phân biệt nhạc kịch, tuồng chèo, kịch nói.

Kịch có nhiều loại khác nhau ở chỗ mỗi loại nhấn mạnh vào một hay hai yếu tố cấu tạo trên chẳng hạn :

**Nhạc kịch** một số ca nhạc kịch phương tây như đại nhạc kịch (opéra) nhạc kịch nhỏ (operette) nhạc kịch nhẹ (vaupeville) tuy gọi là kịch, nhưng thực ra là một thể loại của âm nhạc. Nó chỉ vay mượn hình thức sân khấu để hỗ trợ cho việc phát triển đến mức độ cao nhất của âm nhạc. Phương tiện diễn tả của loại ca nhạc kịch nầy thuần túy là ca nhạc : đơn ca, song ca, hợp ca, phối hợp với giàn nhạc giao hưởng. Những động tác của nhân vật cũng đều được biểu lộ bằng âm nhạc và do âm nhạc quyết định. Nói cách khác, động tác (múa) nhân vật không phải là động tác nhân vật của sân khấu.

**Tuồng chèo** Trong tuồng chèo cũng có hát múa, nhưng vai trò của ca nhạc, vũ trong tuồng chèo khác hẳn vai trò của chúng trong nhạc kịch tây phương. Một đàng chủ đề là âm nhạc, ca múa và động tác chỉ là phương tiện biểu hiện, một đàng động tác là chủ đề và ca múa, nhạc là phương tiện biểu hiện. Chẳng hạn múa trong tuồng không nhằm thể hiện một chủ đề âm nhạc mà nhằm thể hiện một động tác : múa lên xe, múa đi ngựa, múa uống rượu, múa vuốt râu, múa chào nhau — Múa thay vì làm những điệu bộ thường và tự nhiên.

Nhạc trong tuồng chèo giữ một vai trò đệm, bổ xung cho hát, múa động tác và nhất là giữ vai trò thực hiện *tiết tấu* bằng bộ gõ trong đó phải kể trống là bộ phận chủ yếu ; không trống khó mà mở miệng ra tuồng — trò nào trống ấy ».

Hát là một phương tiện khác để thực hiện động tác trong tuồng, chèo. Nhưng cũng như múa ở trên, hát tuồng không phải là một bài ca được xây dựng một cách chặt chẽ theo đúng những quy luật của âm giai. Trái lại hát tuồng mang nhiều tính chất ngâm, *xướng* hơn là ca, dựa vào những đặc điểm đa thanh của tiếng Việt. Ngâm xướng vâng theo những quy luật về âm thanh của giọng nói ; đó là nguyên tắc ngữ khí trong tuồng. Hát tuồng đòi hỏi phải phát âm đúng dấu, đúng vần (tròn vành, rõ chữ) và phải tránh những *cầu* (cùng dấu không hát giống nhau) *mắc* (lấy lên hoặc lấy xuống mà nghịch gọi là mắc) điệp, trùng (tránh cùng một cao độ).

Diễn viên phải biết vận dụng nghệ thuật *ngữ khí* (cường độ, sắc thái của giọng) để có thể diễn tả được giọng nịnh, khác với giọng trung, giọng trẻ khác với giọng già, và mọi tình cảm phức tạp (buồn mà không ai oán thất vọng khác với buồn mà ai oán thất vọng).

Tuồng chèo dầu có hát, nhưng hát quan trọng hơn trong chèo ; vì thế người ta thường nói *xem* hát tuồng, *nghe* hát chèo, vì trong tuồng chủ yếu là động tác ; khán giả chú ý nhiều hơn về điệu bộ và xiêm giáp của diễn viên, trái lại, trong chèo, chú ý tới *nghe* hát nhiều hơn.

Hát liên quan đến văn thơ. *Lời nói* trong tuồng chèo thường không phải là lối nói hằng ngày ; lời nói xuôi, mà là lời nói có *xây dựng ngôn ngữ* có tính chất thơ.

Văn tuồng gồm ba thể chính :

Văn suôi trong *lời hướng* (Nhưng câu bí chú chỉ nói chứ không hát nhằm làm cho câu thơ ý rõ hơn)

Văn vần (biền ngẫu) trong lời nói *lối*

Thơ đủ thể trong *lời hát*

Thơ văn giữ một vai trò quan trọng trong tuồng chèo, vì khán giả vừa xem tuồng chèo, nghĩa là thưởng thức nghệ thuật diễn hình hóa nhân vật qua những động tác được vũ điệu hóa vừa *nghe* hát tuồng chèo, nghĩa là thưởng thức ý thơ lời kịch qua tài diễn đạt ngâm xướng hát của những diễn viên.

**Kịch nói** là một loại kịch không còn chú trọng đến ca, xướng nhạc, vũ mà chỉ chú trọng đến động tác, lời nói thường nhằm diễn tả một cảnh thực. Câu chuyện lấy ở cuộc đời, không phải ở thần thoại dã sử. Trang trí cũng có sắt thực và lời nói giống với lời nói hằng ngày Trong kịch nói, *đối thoại* giữa các nhân vật trên sàn khấu là một yếu tố chính, trổi bật. Thứ kịch này mới có ở Việt Nam khoảng 40, 50 năm nay... Trước đó chúng ta chỉ có tuồng chèo rồi cải lương.

Những vở kịch nói đầu tiên được viết ra vào quãng 1921 (chén thuốc độc 1921) Tòa án lương tâm (1924) của Vũ đình Long Hoàng mộng Điệp, Kim Tiền (1928) của Vi huyền Đắc ; ông Tây Annam (1930) của Nam Xương... Những vở kịch này còn nặng về luân lý. Từ 1930 những vở kịch của Vũ trọng Phụng. Đoàn phú Tứ, Khái Hưng đã chú ý nhiều hơn tới khía cạnh xã hội, tâm lý. Quãng từ 1940, kịch lịch sử (dưới hình thức thơ hay văn xuôi) được phổ biến với những Nguyễn huy Tưởng. Huy Thông, Thao Thao...

Điều đáng để ý là với loại kịch nói. người ta thấy có *tác giả* soạn thảo, *kịch bản* hẳn hoi, nhưng nhiều khi những vở kịch đó lại không được trình diễn hay chỉ trình diễn một hai lần. Vì thế phần lớn những vở kịch trên chỉ *tồn tại* như một *bản văn*.

Nêu lên sự kiện trên đề đưa ra một số vấn đề sau : nếu lược tóm những yếu tố cấu tạo kịch, người ta có thể phân chia kịch thành hai phần lớn : kịch bản và sự trình diễn (trình diễn gồm trang trí, sân khấu, khán giả, diễn viên, dàn cảnh, nhạc vũ, ánh sáng... Vậy phần nào là chính *cốt yếu* trong kịch ? Trong kịch, kịch bản là cốt yếu hay sự trình diễn. Nói cách khác, kịch là một loại thể văn chương hay là một bộ môn nghệ thuật riêng biệt ? Và do đó, *tác giả* vở kịch là quan trọng hay nhà dàn cảnh, diễn viên, Trong trường hợp coi tác giả là quan trọng, điều đó cũng còn có nghĩa chỉ tác giả vở kịch mới có quyền sáng tạo, còn nhà dàn cảnh, diễn viên chỉ là người *thừa hành*, đóng vai trò diễn xuất (interprétation) và lý tưởng là phải làm sao trung thành với kịch bản. Trong trường hợp coi nhà dàn cảnh, diễn viên là quan trọng, tất nhiên cũng phải công nhận họ có quyền sáng tạo và không buộc phải tuyệt đối trung thành với bản văn.

●

Những vấn đề trên (kịch bản, trình diễn) thực ra không đặt ra trong kịch cổ điển (tuồng chèo chẳng hạn) vì tuồng chèo, tuy rất chú

nguyễn văn trung

ý tới văn thơ, nhưng là văn thơ được trình diễn trên sân khấu. Tuồng chèo là kịch để *xem, nghe*, chứ không phải để đọc.

Vấn đề tranh luận chỉ đặt ra khi có thoại kịch. Hình như vì hai hiện tượng song song và trái ngược nhau. Một đằng kịch mới được soạn thảo hẳn hoi thành một bản văn ; có một *tác giả* nhất định rõ rệt của vở kịch. Đôi khi kịch bản được viết ra với tất cả nghệ thuật viết văn của tác giả và do đó được coi như một tác phẩm văn chương hoàn tất, trọn hảo *trước khi* trình diễn và nếu có trình diễn, thì đó chỉ là việc phụ ? Kịch vô tuyến truyền thanh chỉ để *nghe*, không còn phải để xem. Đến tiểu thuyết kịch thì kịch cũng không còn phải để nghe nữa ; mà chỉ còn để *đọc* như tiểu thuyết.

Đàng khác khuynh hướng đề cao sự trình diễn lại do sự xuất hiện của nhà dàn cảnh. Việc xây dựng sân khấu hiện đại, cũng như xây dựng phim ảnh đòi hỏi có một nhà dàn cảnh (metteur en scène và trong thực tế xây dựng, phải công nhận vai trò của nhà dàn cảnh thật là quan trọng.

Vấn đề này đã được thảo luận nhiều trong các giới suy nghĩ hay làm kịch ở Tây Phương. Theo rõi lý luận của những phe đối lập người ta thấy *cách* đặt vấn đề của họ không thể giải quyết gì được vì nó là một vấn đề giả tạo. Đào sâu tìm hiểu *tại sao* họ tranh luận với một tinh thần phân biệt, rồi đề cao yếu tố này hay yếu tố kia, người ta mới thấy tinh thần đó dựa trên một nhân bản, bắt nguồn từ một ý thức hệ và vấn đề là thử hỏi xem nhân bản đó, ý thức hệ đó là gì, có còn đúng hay không, nghĩa là có hợp lý hay không ?

Trước khi trở lại cuộc tranh luận trên, thiết tưởng có thể nhận định qua tuồng chèo để thấy rằng vấn đề không đặt ra với loại kịch xưa cũ này.

### B. Tuồng chèo chủ yếu là một trình diễn

Về tuồng, chèo, dĩ nhiên ai cũng thấy sự trình diễn là quan trọng. Nói cách khác, vở tuồng, vở chèo không quan trọng bằng *vai* tuồng, vai chèo. Trong tuồng, chèo thường không có tác giả kịch bản. Hay nói cho đúng, tác giả là tập thể hoặc không coi tác kia là quan trọng lắm. Sự kiện trái ngược hẳn với kịch mới hiện đại. Từ 40 năm nay; khi nói đến thoại kịch, là người ta nhắc tới tên những tác giả như Vi huyền Đắc, Đoàn phú Thứ, Vũ đình Long, và nhớ tới tên họ hơn cả tên vở kịch, nhất là hơn những diễn viên gánh hát đã trình diễn những vở kịch của họ. Tuy nhiên sự nhắc nhở này không phải hoàn toàn vì lý do coi tác giả của vở kịch là quan trọng, mà trái lại có lẽ vì trình diễn quá ít hay không có trình diễn gì cả ; nên người ta chỉ có thể căn cứ vào *kịch bản* để nhắc nhở tới, hoặc để phê phán trong công trình biên soạn văn học Sử.

Trái lại trong tuồng chèo — thường một nho sĩ chỉ soạn cái « cốt kịch », rồi các gánh tuồng chèo dựa vào đó mà biến chế, rõ biến mãi mãi. Cho nên tuồng chèo thường không có tác giả, rõ rệt, hay là vô danh. Sự kiện đó chứng minh quan niệm cho rằng tác giả không phải là quan trọng trong tuồng chèo. Vở chèo, vở tuồng thường chỉ là những sườn, « thân trò » mà cũng không được ghi chép cẩn thận, chỉ truyền miệng, nhằm phác họa những điểm nét chính và dành cho vai tuồng chèo quyền tự do tùy tiện ứng diện vô hạn định ; theo khả năng nghệ thuật trình diễn của mỗi diễn viên, theo phong cách, khả năng sân khấu của từng địa phương và sau cùng theo nhu cầu, sở thích của quần chúng từng vùng.

Sự tự do ứng biến, thích nghi trong tuồng chèo, không những áp dụng trong lời hát, điệu múa mà cả trong những chi tiết thuộc về tích trò. Cùng một tích trò, phường chèo địa phương này có thể diễn không giống về rất nhiều điểm với phường chèo ở một địa phương khác, chính vì thế mà diễn viên trong tuồng, chèo giữ một vai trò quan trọng Vai tuồng, vai chèo là một nghệ sĩ thực sự theo nghĩa phải biết *sáng tạo*. Nhiều đoạn, phần trong tích tuồng, chèo không được ghi chú hay dặn dò cẩn thận về lời, sự việc, mà chỉ được dặn : tùy ý.

**xem tiếp trang 30** ■

# ĐỨNG VỀ PHÍA NHỮNG CÁI MỚI

**Vai trò người làm văn học nghệ thuật tiến bộ và ý thức, trước thực trạng bi đát của văn họcnghệ thuật Việt Nam hiện nay phải là một vai trò tiền phong mở đường. Giá trị cũ lần lượt sụp đổ. Thần tượng cũ nhất loạt tan vỡ. Khuôn vàng thước ngọc thuở nào thôi đã hết là khuôn vàng thước ngọc hôm nay.**

**Những bước chân sáng tạo của chúng ta bởi vậy chỉ có thể là những bước chân thủy triều tiến về trước mặt. Cuộc hành trình trí tuệ của người cầm bút bởi vậy chỉ có thể là cuộc hành trình bắt gặp những chân trời trước mặt mênh mông.**

**Văn học nghệ thuật Việt Nam vẫn thiếu vắng thật nhiều những lượng không khí mới, những đỉnh núi cao, những vùng biển rộng, những thí nghiệm can đảm, những khám phá táo bạo nhưng cần thiết. Phải làm cái việc hồi sinh văn học. Phải tiêm vào cái hình hài xanh sao nhọc mỏi là thực trạng nghệ thuật miền Nam nước Việt bây giờ, những lượng máu đầy làm thành sự sống mãnh liệt rút ra tự nguồn sinh lực vô tận của thực tế đất nước thiên hình vạn trạng.**

*Diễn đàn này đứng về phía những phá vỡ và những mở đường.*

**Cái mới. Những cái mới. Muôn vàn. Bốn phía. Bên trong ta những mầm hạt đang sôn sao cựa mình. Bên ngoài ta, cả một xã hội phải được thay thế bằng một xã hội khác, tốt đẹp hơn. Phá toang những giam nhốt siêu hình. Chặt đứt những lưu đầy quá khứ. Không thèm đi nữa trong những khuôn mòn nẻo thuộc. Trên những vang bóng một thời còn thấp thoáng, đã tấm đẫm nhiều rồi, hãy thôi đừng nhỏ nữa, những giòng lệ tiếc thương. Cái mới. Những cái mới đang đợi chờ được chuyên chở, bằng những chuyên chở tràn đầy, vào văn học nghệ thuật chúng ta. Kể làm sao cho hết những cái mới. Thời đại chúng ta là thời đại của con người chinh phục và chế ngự đời sống, đòi lại cái vai trò chủ động, đang đi ra chỗ đứng dưới mặt trời.**

*Diễn đàn này đón đợi những mặt trời.*

**Cho nên, song song với chủ định khởi đầu là triệu tập, liên kết, thực hiện một họp mặt đông đảo chưa từng thấy giữa tất cả những người làm văn học nghệ thuật chân chính ở miền Nam, diễn đàn này còn muốn đặt mình là đất thí nghiệm cho những tài năng mới, điểm khởi hành cho những lên đường mới, nơi phát xuất và hình thành những chứng tích rực rỡ về thế nào là tâm trạng, khát vọng đích thực của xã hội thời đại chúng ta, phản chiếu qua tâm hồn thể hiện qua ý thức chúng ta.**

**Đi vào đời sống. Hòa nhập tận cùng vào thực tế đất nước. Vận dụng ý thức như một mũi nhọn khơi đào xuốt thấu tới những tầng đáy xâu thẳm cho lộ nguyên hình chân tướng sự thật. Đó là thái độ của những người đến họp mặt với nhau ở đây. Để lên đường.**

*Từ một họp mặt đến những lên đường, và diễn đàn này đã đứng ở phía đó, phía những cái mới.*

# bãi, có

Tôi vẫn có ý nghĩ một cách không xấu rằng, việc Phượng mời tôi lên ở trên đồn điền của Thiện này, 6 tháng sau ngày chồng nàng mất, có một ngầm ý là nàng muốn nối lại cuộc tình mà chúng tôi đã bỏ lỡ trước ngày Phượng lấy chồng. Phượng gầy yếu xanh xao nhưng hai mắt sáng ngời và các buổi sáng lúc nắng mới lên hai má nàng vẫn rạng một chút máu hồng như hầu hết các người đàn bà bịnh phổi khác. Tôi thích những người đàn bà hơi bệnh một chút, không hiểu sao những người đàn bà bệnh, thường cho tôi cảm giác ham muốn về xác thịt. Phượng vui cười trong sự buồn bã của một người hình như đều bắt đầu như một sự lỡ dỡ và chấm dứt một cách oan khiên. Như cái chết của chồng nàng. Như căn bệnh nàng mang trong ngực. Những tiếng ho cố che dấu của Phượng tôi nghe thấy trong những buổi sớm, lúc xế trưa, buổi chiều, và thỉnh thoảng trong đêm khuya, khiến tôi thấy sót sa, Phượng sẽ chết như thế sao ? Nhưng cũng những buổi sáng đứng trên phòng tôi, nhìn qua cái sân trồng đầy hoa mai, hồng bạch, hồng nhung và mận, thấy Phượng đứng ngả người trên thành cửa sổ phòng nàng nhìn ra cánh rừng trà xanh biếc bên kia núi, hoặc vươn vai làm một vài cử chỉ hô hấp yếu ớt sau lần ốm mỏng, tôi không tin, hay nói cách khác tôi không muốn tin, không muốn nghĩ rằng Phượng sẽ chết Phượng sẽ chết như thế nào ? Thay vì đáng lẽ tôi phải có lần nói thẳng với Phượng điều đó thì tôi lại bảo với nàng bằng giọng đùa cợt và trong sự bùi ngùi sót thương rằng, nhìn Phượng anh thấy rằng, muốn làm người yêu, muốn biết làm người yêu người ta bắt buộc phải là góa phụ, bắt buộc phải có điều kiện có một người đàn ông đã chết trong đời mình. Phượng bảo với tôi : anh không kính trọng gì em hết. Tôi nói, lúc còn bé đi học, anh có kính trọng một người, đó là cô giáo anh, về sau anh cũng khám phá ra là anh yêu cô ấy. Phượng nói, chính vẽ bạt tử của anh khi xưa làm em khiếp sợ. Khi xưa. Đó là những ngày tôi học cùng lớp với Thiện, Thiện là anh ruột Phượng. Hình ảnh tôi nhớ về Phượng là một cô gái hơi gầy, ăn mặc rất khéo, lúc nào cũng có vẻ yếu ớt, nhưng luôn luôn hai con mắt sáng trong. Một bửa tôi nhận ra Phượng khỏe mạnh trong ngay cái vẻ yếu ớt của nàng, Phượng chạy mưa từ ngoài cổng vào trong nhà, nhà đứng cao trên thềm cửa trước hiên, giơ tay phủi những hạt mưa bám trên quần áo và trên mặt, da mặt nàng hồng hào, ngực nhỏ và nhọn dưới chiếc áo sợi dệt màu xám tro. Đó cũng là ngày đối với tôi Phượng không chỉ là em Thiện mà nàng còn là cô gái.

Tôi nói, anh bắt đầu có những ước mơ nho nhỏ đối với Phượng. Nàng hỏi, như thế nào ? Bởi anh không biết rõ nó thế nào, nên không thể nói với em, và do đó,. Em mới lấy chồng phải không ? Phượng tiếp. Không, không phải anh định nói như thế đâu. Phượng anh hiểu em như thế nào ? Em định nói, anh hiểu tình yêu như thế nào phải không ? Phượng mở to hai mắt nhìn tôi. Đằng sau nàng, những cành lá của cây mận có hoa trắng rung rinh và bám đầy những giọt sương trong vắt. Nó cũng giống như đời sống anh, anh không thể dàn xếp làm sao cho có một ý nghĩa nhất định được. Anh cũng không hiểu thực ra nó có nghĩa như thế nào. Em hay đời sống ? Cả hai Yêu một người nghĩa là thế nào ? Là những nỗi khát khao, xa nhớ, gần chán ? Là lời nói anh yêu em hay ngược lại ? Hay là những ngày tháng buồn, trống trải, khi em lấy chồng? Hay nỗi vui mừng tàn nhẫn và không hẳn như thế khi hay tin em tự do trở lại ? Tự do trở lại, đó là tiếng hét vở trong im lặng và âm vang lan xa trong thinh không, một thứ âm vang tan tành chỉ mình anh hay mình em nghe thấy. Tất cả những lời anh nói với em là để cho vừa lòng em, cho vừa lòng anh hay chính những tiếng nói đó cũng đang cần, đang tìm một ý nghĩa cho chính nó ?

Một buổi chiều lúc sương mù sa xuống trên các luống trà và gió lạnh từ dưới thung lũng thổi lên, Đứng với Phượng ở ngoài vườn Phượng bảo với tôi, cứ nghe anh nói thì đời sống chỉ có thể có được một sự thực đó là sự không có ý nghĩa gì hết. Tôi nói, như thế em hiểu tại sao anh đã không chọn nổi cho mình một cái nghề. Tôi cũng nói, anh định nói với Thiện chia bớt những công việc của anh ấy cho anh làm, trông nom việc trồng và hái trà chẳng hạn. Phượng hỏi, tại sao anh chọn Điêu khắc ? Và nàng nói thêm, anh có thể tạo ra bất cứ hình thù gì với những khúc gỗ, những tảng đá, thạch cao của anh. Nhưng nếu nó giống một người đàn bà nào thì người đó chỉ có thể là em mà thôi. Ừ, nếu lúc nào anh cũng thấy em đẹp nhất. Điêu khắc không phải là nghề của anh sao ? Mỗi lần cầm cái đục và cái búa cày vào mặt đá anh lại tự hỏi như thế. Thế tại sao anh vẫn tiếp tục tạc tượng. Có lẽ là để trả lời với chính anh câu hỏi em vừa hỏi đó. Mỗi ngày Phượng dành cho tôi một giờ hay hơn thế ngồi làm mẫu cho tôi hoàn thành bức tượng bán thân nàng. Tôi đẽo gọt trong bụi bặm và mồ hôi. Nhiều hôm Thiện rảnh việc đem chai rượu xuống ngồi yên lặng xem tôi làm việc. Anh rót cho tôi những ly lớn. Phượng nói, coi chừng anh uống nhiều quá sẽ không còn nhìn ra em nữa. Tôi quệt ngang tay áo giọt rượu rớt ra ngoài cằm và mồ hôi trên trán bảo, được, tôi nhìn cô ra cái gì tôi sẽ tạo thành cái đó. Cơn say đã khiến bức tượng có gò má và hai con mắt trũng hơn người mẫu một cách xấu xí Nhưng nó đã khiến tôi sung sướng vô ngần Tôi đã có cảm tưởng đục được da mình trên bức tượng. Nhưng điều này tôi không nói với Phượng, có lần Thiện hỏi tôi, sao hai người không lấy nhau từ trước khi Phượng lấy chồng ? Tôi bảo Thiện, anh không có điều gì trách tôi bây giờ chứ ? Thiện nói qu'en penses-tu ? Tôi cũng nói với Thiện điều tôi nói Phượng, tôi thấy muốn ở lại đây ít lâu và xin anh cho tôi việc làm. Thiện bảo tôi nghĩ thế là quấy lắm. Mày có thể ở lại đây bao lâu mày muốn, nhất là khi Phượng nó còn ở lại đây. Tôi nói. tôi cũng muốn làm công việc gì ? Thiện cười, đẽo đục cả ngày chưa đủ mệt sao? Tôi nói, mắt tôi độ này kém quá có nhiều lúc chẳng nhìn thấy gì cả. Phượng lên thị trấn mua một chiếc kính trắng, theo số mà nàng dự đoán. Số 3. Cảm tưởng của ngày thứ nhất mang chiếc kính lên mắt bệt như người say sóng, tôi nhìn vật gì cũng rõ rang, mọi thứ

đều nhỏ lại nhưng có cạnh nét rất sắc và không khí trong suốt một cách kỳ dị trong cái lao đao của một thứ nhãn quan mới, những núi trà phía xa như nhìn thấy trong một giấc mơ một đời mới.

Chiếc kính cũng cho tôi nhìn thấy một điều kỳ lạ hơn nữa là Phượng đẹp hơn tôi vẫn nhìn thấy trước nhiều. Tôi không ngờ mắt tôi yếu đến thế. Tôi nói lại điều này với Phượng, Phượng bảo, vậy mai anh đổi kính lên số 5 để thấy em đẹp nữa nghe không. Nàng nói và bụm miệng ho rủ rượi. Tôi đỡ Phượng ngồi xuống chiếc ghế tựa. Nàng thở dốc sau cơn ho. Phượng nói, anh đừng thở gần hơi em như thế

Chiều ở cao nguyên có những hôm sương mù dày đặc, chúng tôi ăn cơm với nhau dưới ngọn đèn măng-sông lớn soi sáng cả căn phòng rộng. Sau bữa cơm tôi và Thiện uống cà phê,

Phượng dùng trà. Bên ngoài trời tối rất mau, gió rét thổi ào ào trên các bụi hoa và các cây mận. Thiện nói đến ngày anh có đủ tiền lấy vợ anh sẽ lấy vợ. Phượng cười hỏi, theo anh thì có bao nhiêu tiền thì anh cho là đủ để lấy vợ. Thiện cười bảo, cứ mỗi lần tôi có được gần đủ số đã định thì tôi có cảm tưởng phải có thêm nữa. Phượng nói với tôi, anh ấy bị người ta chê nghèo lấy chồng khác nên bực mình bây giờ chỉ lo kiếm tiền. Và nàng quay sang Thiện. Thế anh không nhớ là dù bây giờ anh có bao nhiêu tiền chăng nữa cũng đã muộn rồi à ?

Thiện nhướng mắt nuốt một ngụm cà phê rồi nhồi thuốc vào ống điếu bảo, nếu có tiền người ta cũng có thể đi nhanh lắm. Phượng hỏi, làm chủ một đồn điền trà lớn chừng nà y anh chưa cho là đủ à ? Hai anh em nói chuyện với nhau. Họ khích bác trong sự đùa cợt. Tôi ngồi lặng yên nghe. Thiện không phải là người đàn ông chỉ biết kiếm tiền, điều ấy đã hẳn. Nhưng anh còn muốn gì, nhìn thấy được những gì bên kia việc làm của mình ? Sao tôi sống giống như một kẻ mù vậy. Có một buổi tối trời gió lớn lắm, Phượng bị cơn bệnh hành không thở được. Thiện có việc sang nhà người bạn ở đồn điền bên cạnh cách nhà hơn mười cây số. Tôi không biết xoay sở thế nào. Tôi kê gối cao sau lưng cho Phượng ngồi. Nàng thở hết sức mệt nhọc. Mệt đến nỗi tôi cũng cảm thấy tức ngực theo từng mỗi cơn thở của nàng. Nàng ho từng tiếng đục và ngắn. Thỉnh thoảng giơ tay lên day ngực. Ý nghĩ có lẽ Phượng sẽ bị thổ huyết làm tôi hoảng sợ. Cơn bệnh làm Phượng mệt lả hai ngày sau đó. Tôi bàn với Thiện đưa nàng về một bệnh viện nào đó để họ trông nom cho. Thiện bảo rằng chính bác sĩ điều trị cho Phượng khuyên nên mang Phượng lên đây dưỡng bệnh tốt hơn. Nhưng dầu sao, anh nói, nếu mai nó không đỡ cũng đến phải mang về. Ngày hôm sau đó, Phượng khoẻ trở lại. Nàng đứng dậy đi lại và đã có thể xuống vườn chơi. Trời gió Phượng trở lại nhà với màu xanh rớn trên da mặt. Phượng khó ngủ và có vẻ cáu kỉnh như trẻ con. Nàng cũng nói với tôi, nàng tưởng mọi sự khó khăn nàng nghĩ đến trong thời con gái sẽ có thể giải quyết bằng cách lấy chồng. Nhưng nàng đã hoàn toàn thất bại. Nàng không yêu được chồng, không phải vì chồng nàng không đáng yêu mà vì nàng là nàng với sự khó khăn có sẵn ở bên trong. Tôi cũng hỏi Phượng, Phượng muốn nói đến sự khó khăn nào cơ ? Nàng nhìn tôi hai mắt sâu, sâu đúng như đôi mắt của bức tượng tôi lỡ tay đục bữa say rượu trước, nói, anh mà cũng không biết sự khó khăn ấy mang tên là cái gì ư ? Tôi bảo thôi Phượng ngủ đi cho đỡ mệt. Nàng chảy nước mắt bảo tôi, anh nói gì với em đi cho em ngủ. Tôi kể lại cho nàng nghe một bài thơ không biết tôi đọc được từ bao giờ. Bài thơ nói đến hai con sên đi đưa đám ma một chiếc lá vàng. Đưa từ mùa Thu đến mùa Xuân mới tới huyệt. Và vì cho mãi tới mùa Xuân mới tới nơi, nên chiếc lá lại xanh trở lại, Phượng bảo anh vẫn coi em như là trẻ con ư ? Trời rét. Phượng ngủ ngồi trên chiếc ghế tựa kê ngoài thềm cao hiên nhà trông xuống vườn. Nàng cuốn quanh mình chiếc chăn len mỏng. Đêm dịu dàng ánh trăng lạnh đông cứng lại thành từng lớp mỏng. Sương trắng xóa trên núi và các rừng thông phía xa. Mùi thơm của đêm và các bụi hoa dưới vườn phảng phất trong hơi thở. Em muốn nói gì với anh khi em nói em không yêu được chồng ? Tôi để Phượng nằm một mình trở về phòng làm việc. Gở tấm vải trùm trên bức tượng tôi nhìn thấy cái chết nằm trên đá. Tảng đá lạnh và sần sùi. Tôi gõ nhẹ nhàng mũi sắt trên niềm kiêu hãnh khốn nạn. Tôi có cảm tưởng đã tự đục trên con ngươi mình. Một con ngươi vô tri giác. Một con ngươi đá hay đã hóa đá.

Mùa Thu hết cùng với những đàn chim sáo chiều chiều bay qua khoảng trời giữa sân về phía Nam. Khu rừng thông bớt xào xạc mà hút từng trận như xé rách đêm. Những niềm mơ mộng cũ cũng rụng theo với những cành mục và lá úa. Thiện phải trở về Sàigòn để thanh toán một vài công việc gấp. Ngủ trưa dậy Phượng đòi đi bộ chơi một lúc trong rừng. Tôi hỏi, Phượng mệt không. Nàng đáp, nàng muốn đi lắm. Và Phượng cứ mặc đồ trong nhà đó đi xuống cánh rừng. Tôi lười biếng nằm lại trên giường lấy thuốc lá hút, hết điếu nọ đến điếu kia. Khói thuốc làm cho trí óc tôi mờ ám. Tôi ngủ thêm một giấc dài mặc dầu bị điếu thuốc cầm ở tay cháy tận da và làm thức dậy lúc đầu giấc. Bức tượng đã xong được khuôn mặt. Chỉ còn cần làm lại mái tóc. Nhà trên, nhà dưới im lặng khác thường khiến tôi nhớ ra Phượng vào rừng chưa về. Chiều bắt đầu xám lại và gió lùa qua lối đi trong các luống trà trước nhà nằm trong buồng cũng nghe tiếng. Tôi trở dậy thay quần áo xuống thung lũng tìm Phượng. Trong tiếng gió rì rào thổi dài, rất dài qua những ngọn trà thấp dưới lưng, quấn quanh mấy ngọn núi và thung lũng, tôi có cảm tưởng nghe thấy cả tiếng tí tách của những búp lá non trồi ra khỏi nhánh. Màu xanh xậm của các luống trà đặc quanh dưới chân. Phượng ngồi ở cuối một thửa trà chỗ bìa rừng. Những sợi nắng mỏng cuối cùng còn bay trên các ngọn thông trên cao. Không nghe thấy gì ngoài

● xem tiếp trang 29

# văn nghệ và cuộc sống

## những ghi nhận hàng ngày của Vũ Khắc Khoan

NGUYỄN TUÂN mặc áo gấm đề thi bơi. Nhắc lại lời phê bình này, tôi không mỉm cười. Và tôi chắc Nguyễn Sơn cũng vậy. Vì tôi nhận thấy đó là một thực tại. Quả thực, Nguyễn Tuân đã mặc áo gấm đề tham dự cuộc thi bơi 1946-1954. Nguyễn đã cố gắng vừa nhập cuộc vừa giữ chặt lấy cái « tôi » của mình. Nhưng rồi, từng sải một, Nguyễn đã mỗi lúc mỗi thấy thấm mệt, để rồi đến một ngã quặt nào đó, chợt nhận thấy rằng áo gấm tuy đẹp nhưng không tiện chút nào — mà lại có hại nữa — cho việc thi bơi. Nguyễn cởi phăng áo gấm. Nguyễn trở thành một thứ văn công.

---

Tôi nhớ lại một đoạn văn viết từ 1955. Một đoạn văn trong một thiên truyện kể lại sự-tích Trương Chi. Xin phép ghi lại nơi đây.

« . . . Bắt đầu thì bao giờ cũng là những danh từ quyến rũ : Cách-Mạng, Lực-Lượng-Đi-Lên... Ôi là cái chất ma-túy của những danh từ ! Và trong cơn đam-mê của tuổi hai mươi, ông đã vội vàng không thèm nghĩ mà nhận ngay cái vai trò đẹp nhất trong một tấn kịch mới mở màn đầu. Một vai hiệp-sĩ phong-lưu sảng-khoái, cả đời chỉ chuyên vào việc cứu - khốn phò - nguy. Trong mỗi con người, nhất là chúng ta, bao giờ mà chả tiềm tàng một Don Quichotte ? Chúng ta đã lên yên. Chúng ta lại có thêm một ngọn giáo Làm gì mà chúng ta chả lăn xả vào một cái cối xay ! Nếu chỉ có thế cũng không sao. Nhưng ngọn giáo đã lao đi, chúng ta lại bị cái đà lý-luận của họ mà lao theo ngọn giáo. Thế rồi, dần dà, từng bước, từng chặng đường, qua từng giai-đoạn, chúng ta cứ theo đà mà bước, từ cuộc phiêu-lưu này tới cuộc phiêu-lưu khác. . Một hôm chợt thấy quãng đường còn dài mà chân đã mỏi, nhưng dừng bước là lùi, chúng ta vội vàng trút nốt cái phần nhân-tính để lại ven đường, hòng lẽo-đẽo chạy theo cho kịp những người đi trước. Từ địa vị một chàng hiệp-sĩ phong-lưu, chúng ta trở nên một con sĩ-tốt, cúi đầu chịu lệnh một vị tướng vô-hình... »

Nhắc lại chuyện cũ, tôi không đặt vấn-đề phê-bình. Tôi chỉ ghi một hiện tượng. Hiện tượng lột sác.

Nhắc lại chuyện cũ, tôi nghĩ đến Nguyễn Sơn và Nguyễn Tuân. Một người cầm súng và một người cầm bút. Tôi liên tưởng đến những người cầm súng và những người cầm bút ở đây. Tôi có một số bạn thân trong đám người trên. Tôi lại thuộc về đám người dưới. Cho nên đã có nhiều dịp chúng tôi nói chuyện với nhau. Về nhiều vấn đề. Và dĩ nhiên về thời cuộc. Và dĩ nhiên, nhiều lần, khá nhiều lần, chúng tôi bất đồng ý kiến. Đại khái như sau.

Người cầm bút :

— Giặc đến nhà, đàn bà phải đánh. Huống hồ là các anh. Trong giai-đoạn hiện tại, không ai là cần thiết — trừ người cầm súng — không việc nào là việc cần-thiết, trừ việc cầm súng.

Người cầm bút :

— Chiến tranh hiện tại là chiến tranh toàn diện. Giặc tấn công ta không chỉ ở chiến trường mà còn ở khắp mọi địa hạt — kinh tế, xã hội, văn hóa. Cầm súng không chưa đủ.

Người cầm súng :

— Nói ngay các anh, những người làm văn học và nghệ thuật...

Người cầm bút :

— Nói ngay chúng tôi, những người làm văn học và nghệ thuật. Chúng tôi bắn đâu giỏi bằng các anh ? Nhưng chúng tôi có thể làm những công việc mà các anh không thể ôm đồm. Chúng tôi đang xây dựng cái mà các anh đang bảo vệ : Văn hóa dân tộc. Chúng tôi giữ vững một thứ chiến tuyến dài vô tận, ngoắt ngoéo vô lường bởi nhiều khi ăn sâu cả tới chiều thứ tư của sự vật. Đó là chiến tuyến của văn học và nghệ thuật. Chúng tôi hàng ngày phải chống lại nhiều đợt tấn công của địch, những đợt tấn công mà phi-cơ B-57, xe M-113, súng trường và súng ngắn của tất cả các nước bạn trong toàn thể mặt trận thế giới tự do cũng không thể giúp ích chống đỡ. Bởi những đợt tấn công đó là những đợt tấn công bằng thơ, bằng nhạc. Bởi khí giới chống đỡ của chúng tôi là thơ, là nhạc.

Những cuộc đối thoại tương tự vẫn thường diễn ra, đôi khi kéo dài tới giờ giới-nghiêm kém năm. Cho mãi đến hôm nay.

---

**28-9.**

---

Lễ kỷ niệm một ông Tàu, người nước Lỗ, chết đã tới trên dưới 25 thế kỷ. Dân-tộc Việt-Nam xứng đáng là một dân-tộc có bốn ngàn năm văn hiến.

Ngồi dự lễ kỷ-niệm Phu-tử, Khoan tôi chợt nhớ lại một câu chuyện cũ có liên-lạc tới đời tư Phu tử. Câu chuyện tôi nghe được đã lâu, hồi còn đi học. Do một nhà nho kể lại — Cái thứ nhà nho yêu Bồ Tùng Linh hơn Mạnh Tử, mê thơ nhà Đường hơn sách Luận-ngữ. Ông ta kể lại như sau :

---

— Trong đời Phu tử, có nhiều việc ngang trái. Có cái điều Phu-tử thường không lý tới. Duy có một việc... Phu tử tuy không nói ra nhưng chắc vẫn lấy làm khổ tâm. Đó là việc tề gia. Bác nhớ Phu tử có một người em lớn tuổi hơn ngài — vì là con người thiếp — Người em, bác quên mất tên, không đẹp — mặt như mặt lừa, chân lại thọt — tính tình lông bông, thường hay nay đây mai đó. Thật khác xa Phu tử, cái con người mà ngay từ nhỏ đã chỉ biết chơi những trò chơi nghiêm chỉnh ! Cháu có biết Phu tử chơi gì không ? Phu tử chơi trò tế lễ.

Còn người em thì lại chỉ thích ca thích hát, thích đàn và địch. Có điều, hắn rất giỏi đàn, tiếng tơ trầm bổng tỉ tê đêm đêm thường lọt vào tai nhiều người phụ nữ. Trong số có vợ Phu tử. Và rồi một đêm, nàng đã quên đạo lý chạy theo tiếng đàn bất chính. Phụ nhân nan hóa. Bác cũng quên không biết câu chuyện rồi sau ra sao. Nhưng bác chắc rằng có lẽ cũng một phần vì thế mà Phu tử đã soạn lại kinh Nhạc.

Không biết truyện trên có đúng hay không. Chỉ biết rằng gần đây, anh bạn Hiếu Chân khi trở lại Việt Nam sau một chuyến Tây du có kể lại cho tôi nghe tương tự truyện trên. Anh còn nói đến nhan đề một cuốn sách của một tác giả bên Âu châu. Le drame de Confucius. Theo anh thì « tấn kịch Phu-tử » chính là câu chuyện tôi vừa nhắc lại, chợt nghĩ tới, khi ngồi dự lễ kỷ niệm Phu-tử.

Và tôi thấy gần Phu tử hơn — Khổng - Khưu, một ông Tàu, người nước Lỗ, Khổng-Khưu, một người. Như tôi, như anh. Như Vũ Hoàng Chương, khi Vũ hạ bút giữa cơn binh lửa vừa qua :

Phu tử cũng bàn hoàn làm vậy
Huống hồ ta điên bái hề chi ?

Nghĩa là đã từng đau khổ.

Và tôi hiểu rõ giá trị bài học kinh-nghiệm bản thân. Và tôi hiểu rõ tại sao Phu-tử đã thành công, tại sao nhân-loại đáng tồn tại. ●

---

## Jacques Prévert

ÔNG cho tái bản tập : HISTOIRES ? JACQUES PRÉVERT ; Vâng, lần này có thêm vài truyện mới, những truyện cho trẻ em, ta đoản văn, nhiều thứ...

— Ông bắt đầu viết từ hồi nào ?

J.P.— Tôi ư ? Rất muộn. Tôi viết vì Michaux. Hồi đó tôi từ Hoa Kỳ trở về. Michaux hỏi tôi — « Trước kia, hình như ông có viết lách gì đó, phải không nhỉ ? » Tôi đáp — « Có ». Ông ta nói :

— « Tại sao bây giờ ông không viết nữa ? » tôi trả lời — « Tôi không biết ». Ông ta nói :

— « Ông lầm đấy ». Tôi nói — « Hả..! » Ông bảo tôi :

— « Cần phải viết. Ông viết đi rồi ông cho tôi biết sau là ông viết gì.. » Thế rồi tôi viết. Khôi hài, hả ? Ông Michaux muốn tôi viết vì ông ấy, vì nỗi thích thú riêng của ông, bởi vì ông ta thích thấy tôi viết.

— Và việc làm đó thành công ?

J.P — Một thành công lớn. PAROLES bán được ngay và bán được nhiều. Cần phải nói rằng tôi có một nhà xuất bản, ông René Bertelé, là một nhà xuất bản biết cách chế tạo một quyển sách. Cũng hiếm có. Chính ông Bertelé muốn ấn hành sách của tôi.

— Người ta không thấy có sự hiện diện của ông trong giới văn nghệ sĩ ?

J.P.— Tôi cóc cần biết có những chuyện gì xảy ra trong giới văn nghệ. Ngoài Michaux ra, tôi không biết chắc tôi có còn quen một văn sĩ nào không. Tôi hoàn toàn dửng dưng với những ý kiến, những trường phái, những quan niệm của họ. Khi có người nói với tôi — « Những cái ông viết không phải là Thơ ». Tôi đáp — « Đồng ý. Ông nói đúng. Mãi đến bây

MỖI TUẦN

chân dung

MỘT TÁC GIẢ

*Mở đầu mục* **mỗi tuần chân dung một tác giả**, *chúng tôi giới thiệu dưới đây khuôn mặt một nhà thơ lớn của Pháp, rất quen thuộc với những người Việt Nam yêu thơ : Jacques Prévert. Bức chân dung bằng lời này là của nữ ký giả Madeleine Chapsal, thực hiện qua hình thức một cuộc phỏng vấn. Mười bốn cuộc phỏng vấn tương tự giữa Madeleine Chapsal và những tác giả tên tuổi nhất của văn chương quốc tế hiện đại đã được đăng trên tuần báo Express, sau đó được nhà Julliard in thành sách, dưới đề tựa* **Mười lăm nhà văn**. *Hãy nghe chính Madeleine Chapsal nói đến trường hợp cuộc phỏng vấn thi sỹ Prévert :*

*« Một hôm, nhà phê bình Maurice Saillet bảo tôi : « Dẫu sao bà cũng phải tìm gặp Prévert. » Dẫu sao, như thế có nghĩa là : Mặc dầu người ta quen Prévert, thuộc lòng tác phẩm, như tập Lời (Paroles) Chuyện (Histoires), cùng là những bài hát và thơ của ông, người ta vẫn chỉ biết thật mơ hồ về thi sỹ. Tôi đến gặp ông ta hồi cuối tháng ba 1963, tại căn buồng của ông ở Montmartre. Tôi đã thấy vợ, con thi sỹ, những công trình « cắt dán », sân thượng mà ông chia sẻ với Boris Vian, tôi đã nghe những đĩa hát, đọc những bài thơ mới làm của Prévert, tôi đã nhìn thấy Prévert sống, hút thuốc, vẽ, tôi đã đặt những câu hỏi theo đúng ý muốn, thế mà rốt cuộc tôi vẫn chẳng hiểu gì về đời sống Prévert. »*

giờ ông nói tôi mới biết đấy. Xong rồi, Để tôi coi ».

— Ông có viết một tác phẩm nào bằng văn suôi chưa ?

J.P.— Tôi có viết một cuốn sách lớn, nhan đề *De l'animosité des Animaux humains*, 52 bộ mỗi bộ 5.000 trang.

Còn một quyển khác nữa, quyển *Patailles de chien dans l'antichambre d'un dentiste* — Tên gợi cảm đấy chứ ?

— Còn hiện giờ ông đang làm gì ?

*J. P.* — Tôi đang viết chung một quyển với Họa sĩ Miro. Viết toàn bằng tay. Miro vẽ tranh, tôi viết lên tranh.

— Ông có yêu thích Sân khấu không ?

*J. P.* — Có hôm, tôi đã nói với Adamov — « Tôi yêu sân khấu lắm. Vì vậy, tôi không đi coi hát bao giờ... » Đúng. Kịch thuần túy thật hiếm. Chúng ta có những gì đáng gọi là kịch nào ? Có Roger Blin, Jean Vilar — Tôi yêu tác-phẩm Godot của Beckett. Tôi cũng yêu vở *Le Bâtisseur d'Empire*, của Vian.

— Và phim ảnh ?

*J. P.* — Lẽ tự nhiên là tôi thích phim ảnh, những phim Western. Trước kia, những phim đó được gọi là phim Cao Bồi. Ở rạp Xi-nê-ma Panthéon, thời phim câm, khi phim chiếu có một gã bận đồ cao-bồi đứng bên màn ảnh kể truyện phim từ đầu đến cuối. Bạn có thấy những chuyện gì xảy ra trong những phim Western hiện nay không ? Đó là bi kịch : khung cảnh vẫn là khung cảnh cũ, miền Tây — những quán rượu, ngựa nghèo — nhân vật cũng vậy — người hùng, tên gian — chuyện cũ, giống hệt như trong các bi-kịch.

— Theo ông, Thi Ca hiện đại ra sao ?

*J. P.* — Bạn biết đấy Thi Ca hiện nay đã trở thành một danh từ mà tất cả mọi người đều tưởng là mình hiểu, như những danh-từ « mặc cảm, trữ tình, văn nghệ » vv... Thi Ca, cũng như Siêu-hình học, trở thành những cái gì thời thượng, như những cái « Mốt » khi thì dài khi thì ngắn. Tuy vậy, thời nay vẫn còn có những thi sĩ. Có những nhà thơ - công - cộng. Ta không nên kể tên họ. Những ông này họ cho rằng họ có thể làm cho giá thi-ca tăng lên hay giảm xuống theo ý họ muốn. May sao cũng còn vài người là thi-sĩ thuần-túy, như Yves Bonnefon.

— Tại sao ông lại xuất bản muộn thế ?

*J. P.* — Không phải tôi xuất bản muộn, tại vì tôi viết muộn.

— Thế trước đó ông làm gì ?

*J. P.* — Khi ai hỏi, tôi trả lời ngay : chẳng làm gì cả ■

Jacques Prévert : một tâm hồn vĩnh viễn, và như bạn thân của thi sỹ là Picasso, một thể chất tráng kiện, đầy ắp sức sống màu hồng, mà thời gian chịu thua, thời gian không tàn phá được. Ông yêu thích sự yên tĩnh, thế giới ông sống và cho chính ông tạo dựng nên như một quê hương cho đời mình, là cái thế giới trẻ thơ sáng láng, không bao giờ có nếp nhăn của tuổi tác, sức nặng của tháng ngày, Không hề bao giờ lọt được vào cái thế giới của tài năng và trí tuệ này sự nhọc mỏi, sự buông thả lười biếng thiêm thiếp, sự đón chờ nhẫn nhục cái sẻ chiều đìu hiu, sự trí trệ của trí óc đã trùng những đường tơ sáng tạo. Khi Picasso kỷ niệm sinh nhật thứ 80 của đời mình, người ta nói về ông già tám mươi ấy như thế này : « Không phải Picasso đã tám mươi tuổi, chỉ là đã bốn lần ông đến tuổi hai mươi » Jacques Prévert cũng thế. Da thịt ông tắm đẫm nắng gió Địa Trung Hải. Tâm hồn ông là một vùng thênh thang thổi qua những thước không khí trong veo của thiên nhiên mênh mông và tạo vật bằng hữu. Nghệ thuật ở Prévert mãi mãi là một lên đường, Prévert thức giấy với hoa bướm với những mộng tưởng mới, những vui thú mới, tươi tắn như một đại hoa niên thiếu kẻ thù của Prévert là hoàng hôn tàn tạ, đêm giải tối tăm. Buổi sáng hát ca và nhảy múa mãi mãi bên Prévert hồi xuân liên tục ■

## giòng sông

*Đôi vú non em lấp lánh trong ánh trăng*
*nhưng nó đã ném*
*viên sỏi giá băng*
*hòn đá hờn ghen lạnh lùng*
*vào phản ánh*
*của thân thể em mỹ miều*
*đang khiêu vũ trăn trường trên giòng sông*
*trong vẻ huy hoàng của mùa hạ*

## những tình nhân phản bội

*Anh đã có một cây đèn*
*và em ngọn lửa*
*kẻ nào giữa đôi ta đã bán đi cái bấc ?*

## khi nào...

*Khi nào Sư tử con ăn mồi*
*Sư tử mẹ trẻ lại*
*Khi nào lửa đỏi nhóm lên*
*trái đất đỏ hỏi*
*Khi nào sự chết nói với anh đến tình yêu*
*cuộc đời run rẩy*
*Khi nào cuộc đời nói với anh đến sự chết*
*tình yêu mỉm cười.*

(bản dịch của Thạch Chương)

# RAYMOND ARON và "Vấn đề Tự do"

**phan lạc phúc**

NGƯỜI đọc ở Saigon biết nhiều đến Raymond Aron, giáo sư Xã hội học ở Sorbonne, qua hai cuốn « Dix huit leçons sur la société industrielle » và « La lutte des classes » (loại sách Idées NRF). Năm 1963, Raymond Aron được mời sang Mỹ diễn giảng tại các trường Đại học ở California. Những buổi nói chuyện ấy đều bắt nguồn từ vấn đề Tự do trong xã hội hiện đại. Mới đây Raymond Aron đã cho in những bài nói chuyện đó thành một tập mang tên « Essai sur les libertés »

Theo Raymond Aron, có thể chia thành hai « loại » tự do : tự do hình thức (libertés formelles) và tự do thực sự (libertés réelles). Trên một thế kỷ nay, người ta vẫn thường bàn cãi về những vấn đề tự do hình thức như quyền tự do đầu phiếu, quyền tự do ngôn luận, tự do tư tưởng v.v... những quyền năng mà một công dân trong một nước dân chủ có quyền được hưởng.. Nhưng khi thủ đắc những quyền năng đó, người ta vẫn không thấy tự do — người ta vẫn đi tìm một « tự do thật sự ». Đây là ý niệm về tự do thật sự của Raymond Aron.

« Tôi nghĩ rằng tự do thật sự là phải tiến tới một mức sống tối thiểu xứng đáng với sự hiện hữu của con người. Chắc chắn là sống dưới mức độ tối thiểu cần thiết đó, những thứ tự do, dù là tự do chánh trị hay tự do tri thức, đều không có nghĩa gì hết.

« Vậy theo tôi, mức sống cần thiết tối thiểu đó là định nghĩa tối thiểu của tự do thực sự. Nhưng bên trên sự định nghĩa tối thiểu ấy, cũng có những vấn đề phải nêu ra như tự do thực sự không phải là được đi đầu phiếu bốn năm một lần mà phải là sự *cảm thấy mình tự do* trong đời sống cụ thể hàng ngày ».

Sau đó, với tính cách một nhà xã hội học, Raymond Aron đã đề cập tới sự « mất tự do » trong đời sống cộng đồng. Vì tự do hiểu theo nghĩa tâm lý học, dưới khía cạnh phủ định, nghĩa là luôn luôn cảm thấy thiếu thốn ; người ta gọi là tự do những gì người ta khát khao những gì người ta chưa có.

Áp dụng ý nghĩ đó vào đời sống, Raymond Aron cho rằng những xứ Tây Phương đang cố gắng làm một thỏa hiệp giữa hai thứ tự do hình thức và tự do thật sự, và Raymond gọi thỏa hiệp đó là conformione démacratico-libéral.

---

mỗi tuần

TIẾNG NÓI MỘT TÁC GIẢ

# NGHỆ THUẬT VIỆT NAM ĐI ĐÂU ĐI ĐẾN ĐÂU

**nguyễn mạnh côn**

☐ **tiếp theo kỳ trước**

TÔI tiếp tục nghĩ tốt về những người cộng sản. Bỏ qua hết cho họ những sai lầm mà bất cứ chế độ nào cũng thường mắc phải, bỏ qua luôn cho họ những việc tàn nhẫn, độc ác mà người ta có thể cho rằng họ bắt buộc phải làm khi họ đã có một lực lượng và định dùng lực lượng ấy để tự vệ (theo nguyên tắc không tiến là lùi, và lùi là bị tiêu diệt), tôi vẫn thấy họ có bổn phận phải nhắm tới một tương lai lý tưởng, mà hiện nay họ không có tương lai lý tưởng đó.

Lẽ cố nhiên phe dân chủ tư sản cũng chưa tìm thấy con đường đi đến tương lai lý tưởng đó. Nhưng tôi đứng ở phe dân chủ mà không có mặc cảm nào. Bởi tôi không muốn đi vào con đường phá hoại trống trơn những căn bản giá trị cũ, để sau cùng, cả trước mặt cũng không có gì. Nhân loại đi vào cái thế ấy là đi vào tiêu diệt. Nên tôi chấp nhận đứng ở vị trí cũ, chấp nhận một số giá trị chưa hoàn toàn bị phá hoại, để nhìn vôi đến tương lai có cả THIỆN, cả MỸ

Trong ý niệm của riêng tôi, tôi cho rằng sự tiến bộ, nhằm thỏa mãn nhu cầu và trật tự xã hội, là thiện. Thiện không phải là làm điều lành, theo quan niệm luân lý cũ. Vì, như người ta đã biết, một cử chỉ bố thí cho người nghèo có thể có rất nhiều ý nghĩa, từ khoe khoang đến giúp đỡ, đến giải trừ một mặc cảm nào đó đã có từ lâu. Sự từ chối sát sinh cũng chưa chắc đã là thiện, nếu người ta chỉ có mục đích được lên đến Nát-bàn. Nhưng nếu hiểu cử chỉ bố thí, hay sự từ chối sát sinh, từ phía người nghèo được giúp đỡ hay con vật được tha chết, người ta sẽ hiểu « thiện » là bảo vệ đời sống. Tôi nghĩ THIỆN bao gồm mọi ý muốn (và hành động) nhằm mục đích (và có tác dụng) bảo vệ và cải thiện đời sống — đời sống thân thể — của mọi sinh vật trên Địa-cầu. Như vậy, tối cao điểm của THIỆN là tổ chức khoa học, kỹ thuật, kinh tế, y tế v.v... thế nào cho mỗi người, và mỗi sinh vật, được hưởng phần sống tối đa của nó. Trong trật tự và trong sự đầy đủ nhất.

Cộng sản có lỗi là không nghĩ về cái nhu cầu vui thích của đời sống. Cái nhu cầu mà tôi cho là nằm trong chữ « mỹ ». Mỹ là đẹp, nhưng không phải chỉ có vật chất mới đẹp. Người xưa định nghĩa chữ « mỹ » một cách mơ hồ : *đẹp là cái gì làm cho người ta thích thú*. Tôi muốn xác định cho rõ hơn là tất cả những gì làm cho ta khoan khoái đều là MỸ. Kể cả bát cơm thổi khéo, làm cho người ăn ngon miệng, cũng có tính « mỹ ». Kể cả tình yêu và sự giao hợp, cũng có tính « mỹ ». Với tất cả cái phương pháp nhắc lại (kể lại), hoặc bịa đặt ra, những điều có thể làm cho người đọc (nghe, nhìn) thấy khoan khoái là nghệ thuật. Như vậy, nghệ thuật có khả năng thể hiện cùng một lúc cả quá khứ, hiện tại và tương lai, trong mục đích xây dựng cái MỸ cho nhân loại. Và tự do, sự nhẹ nhàng về thể xác, sự yên ổn, buông thả trong tâm hồn, là điều kiện thiết yếu cho sự tạo thành và hưởng thụ cái « mỹ » ấy.

**6.** Cộng sản, hiểu theo nghĩa tốt nhất, chỉ nghĩ được phần vào đến cái THIỆN Nhưng Cộng sản tiêu diệt cái Mỹ bằng duy vật biện chứng và kỷ luật cao độ. Các chính khách lãnh tụ thế giới dân chủ cũng chỉ biết lo đến cái Thiện. Nhưng, dù chưa ý thức được hết tầm quan hệ của nó, họ cũng chưa làm gì hại đến cái Mỹ Tôi muốn nói đến cái « mỹ » tuyệt đối, bao gồm tất cả những xúc động mà, cho đến nay, chúng ta gọi là thiêng liêng nhất. Như tình vợ chồng, tình cha mẹ đối với con cái, mặc dù chúng ta chưa tìm hiểu được nguyên nhân của chúng, Tôi muốn nói đến

Hình thức này, không phải là nhầm lẫn nhưng vẫn có nhiều sơ hở. Ý niệm về tự do đã được tác giả La lut.te des Classes chuyển sang vấn đề tổ chức xã hội và trong một cộng đồng dân chủ, vẫn có những nhóm người không được tự do thật sự chiếu cố tới, đời sống vẫn nhem nhuốc: và vẫn có những người, tuy mang danh là tự do dân chủ, nhưng không có quyền quyết định gì, dù là quyết định cho số phận của chính họ.

Giai đoạn này, giai đoạn người dân đứng lên đòi quyền tham dự và hành xử công tác cộng đồng. Raymond Aron gọi là giai đoạn biện chứng của tự do (phase actu.elle de la dialalectique de la liberté).

Vì quan niệm xã hội tiến triển theo chu kỳ biện chứng, nên Raymond Aron cho rằng một cộng đồng luôn luôn có vấn đề giải quyết. Giải quyết xong lại có vấn đề khác hiện ra. Một xã hội muốn ổn định — cần phải sản xuất — muốn sản xuất đều đặn cần phải tổ chức — Tổ chức nào cũng bắt cá nhân trong cộng đồng đó cúi đầu trước một kỷ luật. Kỷ luật là một bổn phận của cá nhân trước cộng đồng — nhưng đồng thời nó cũng làm méo mó luôn tự do của cá nhân trong cộng đồng đó.

Vấn đề tự do của Raymond Aron, dù đặt trong bối cảnh xã hội, nhưng sau cùng vẫn trở lại tính cách triết học là xác định giá trị của con người và tìm hiểu vị trí của nó trong đời sống tập thể. Đó là một nỗ lực đáng ghi trong việc giải quyết vấn đề muôn thủa : cá nhân và xã hội.

□ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □

một cái « mỹ » tuyệt đối, bao gồm tất cả những ánh sáng và bóng tối, tất cả những dòng năng lực linh động và luân lưu từ trong vi-ti-vũ-trụ đến ngoài cực-đại-càn-khôn. Mặc dù, trong giới hạn sự hiểu biết hiện nay, chúng ta mới chỉ cảm ứng được phần nào. Tôi muốn nói đến cái « mỹ » tuyệt đối, bao gồm muôn hình vạn trạng của đời sống uyển chuyển và khác biệt trong nguyên tử, trong tế bào, trong hằng hà sa số những sinh vật trên mặt Địa-cầu.

Tôi tin chắc chỉ có người nghệ sĩ mới hy vọng có ngày thể hiện được cái đẹp bao la ấy ở chung quanh chúng ta. Tôi muốn nói rõ hơn nữa, rằng chỉ có người nghệ sĩ Việt-Nam mới có hy vọng ấy. (Xin bạn đọc đừng cười, bạn hãy xem cho hết đã !) Bởi cố nhiên không ai chống đối cái viễn tượng thế giới đại đồng để chấm dứt những cuộc phân tranh biên giới, nhưng tôi vẫn tin vào giá trị của quê hương. Tôi muốn ví dụ : trên mảnh đất Việt-nam này đã có bao nhiêu thế hệ chết đi, mỗi lần chết mỗi người lại tan vào phong cảnh, cho đến khi phong cảnh đào tạo lại được con người. Mỗi người chết cố nhiên không phải hết. Các nhà khoa học đời nay đều biết mỗi tế bào có một đời sống, một sức sống riêng biệt, tàng ẩn từ lâu ngày và xuất hiện trong vòng luân lưu của nhựa cây, màu đất. Nói một cách khác đi : con người chết nhưng tế-bào không chết, là cuộc sống không đứt đoạn, tế-bào nối liền chúng ta với quê hương. Ta thời đại của Hitler, người Đức coi tính chất trong sạch của giòng máu Aryen là quý. Họ đã nhầm. Sự thật thì ở giữa giá trị của số đông, chỉ có sự đổi thay, sự phối hợp nhiều lần mới quý. Tôi có thể nói rõ hơn : trong con người và quê hương chúng ta đã có thật nhiều dấu vết, nào giống Mélanésiens từ đại dương vào (đem theo tiếng gió nghìn năm trong vỏ ốc), nào giống Mông cổ từ cực Bắc giá lạnh xuống, nào giống Mã-lai ở dưới Nam lên. Người ta biết người ở bề mơ mộng, người ở phía Bắc thực tế, người dưới xích đạo huyền bí. Người Việt-nam có đủ các đặc tính căn bản đó. Bởi vì cái tế bào sinh sản bằng cách tự tách làm đôi, mỗi mảnh vẫn giữ nguyên bản chất. Cho nên, tôi nghĩ thế, chúng ta có thể lấy làm hãnh diện mà nghĩ rằng phải có bao nhiêu giống người từ những nơi xa xôi trái ngược hẳn nhau, đã tìm đến để phối hợp với nhau mà thành dòng giống Việt-nam. Tôi nghĩ chỉ có dòng giống Việt-nam mới có tâm hồn đủ rộng rãi để chứa đựng trong một người, đầy đủ các phần tinh hoa của Phật giáo, Nho giáo, của văn hóa phân tích Tây phương, của những ngẫu, bùa kỳ lạ. Tôi nhận thấy chúng ta đã chấp nhận được hết, mặc dù, trong đáy sâu của tâm hồn, chúng ta vẫn còn tìm kiếm một lẽ nào đó bao dung được tất cả mọi lẽ phải ở đời:

Tôi quả quyết sự hiện diện của dân tộc ta, trên quê hương Việt-Nam, là điều may mắn vô cùng cho nhân loại. Sự dao động tinh thần dưới triều Lê Phục Hưng (Trịnh Nguyễn phân tranh) đã tạo thành Nguyễn Du, nhà nghệ sĩ của muôn đời. Những nỗi niềm băn khoăn khi bắt đầu giao tiếp với Tây Phương đã tạo thành Nguyễn-Công-Trứ với quan niệm toàn bích về cuộc sống. Chúng ta không thể biết tương lai sẽ đưa dân tộc ta đến đâu.

□ xem tiếp trang 30

## bạn đọc hỏi

**Người hỏi :**
**Anh NGUYỄN LƯƠNG SƠN**
*Sinh viên Văn khoa*

■ **Bốn câu hỏi về thơ, thơ xuôi và thơ tự do :**

**1.** Muốn được biết một vài định nghĩa đầy đủ nhất về danh từ thơ. **2.** Tính chất thơ ở đâu trong những bài thơ mà hình thức gần như văn xuôi (thí dụ bài Thời gian của Trần thanh Hiệp và Cám ơn của Chinh Yên đăng trong Nghệ Thuật số ra mắt) Danh từ thơ xuôi có thể thay thế bằng một danh từ khác, thích ứng hơn không? **3.** « Tối nghĩa » có phải là một dụng ý của nhiều bài thơ tự do hiện thời. **4.** Thế nào là thơ tự do?

## TRẢ LỜI

Đây không phải là một vấn đề mới, chưa từng được chiếu sáng Chúng tôi trích dẫn ở lại đây một vài đoạn về thơ xuôi, thơ tự do, sự khó hiểu của thơ bây giờ trong mấy bài nhận định về thơ của nhà thơ Thanh Tâm Tuyền đã đăng trên tạp chí Sáng Tạo :

**Về nhịp điệu của thơ bây giờ :**

« Trong khi đề tựa cho tập thơ Quách Thoại, tôi đã tìm thấy trong thơ Thoại một thứ nhịp điệu mà tôi gọi là nhịp điệu của hình ảnh. Trong một bài thơ, giữa những tiếp nối của ý tưởng, bỗng nhiên xuất hiện hình ảnh, có khi là một mớ sô đầy nhau, tưởng chừng không ăn nhập gì vào bài nhưng chính thực ở đó tỏa ra một thứ ánh sáng, một thứ âm nhạc bao trùm làm rung động toàn bài. **Từ cái nhịp điệu của hình ảnh, dần dần tôi tìm đến được một thứ nhịp điệu của ý tưởng, cả hai thứ nhịp điệu trên chỉ là sự thể hiện của nhịp điệu** của ý thức, người ta sẽ thấy **hơn bao giờ hết các nhà thơ hôm nay** là những ý thức muốn biểu diễn bằng thi ca. Cần phải nhận định rõ cái nhịp điệu của ý thức diễn trong thi ca không thể có cái hình dáng của bất cứ một thứ lý luận nào, nên dù viết suôi hiền nhiên thơ xuôi cũng không phải là văn xuôi. Cái nhịp điệu của ý thức sinh ra nhịp điệu của ý tưởng, của hình ảnh nằm trong một mãi điệu hòa tự thân phức tạp, không có quy luật nhất định, nó tùy thuộc vào từng nhà thơ. Và bài thơ hôm nay nếu thành công, tôi nghĩ nó sẽ đạt tới một thứ nhạc khá mới lạ không phải chỉ là sự hòa hợp đơn thuần của bằng trắc mà còn ở trong sự chứa đựng của tiếng nói, của hình ảnh của ý tưởng diễn biến qua một ý thức sáng suốt tự do vươn tới sự thống nhất trong khi phải trải qua sự chia sẻ mãnh liệt. (**Nỗi buồn trong thơ hôm nay. Thanh Tâm Tuyền**).

« Trong thơ hôm nay vô số tiếng bỗng mất tích, một số khác biến dạng và vô số những tiếng lạ vật lạ làm nên cái thế giới riêng. Cái thế giới ấy kỳ quái với người đọc, người ta chưa hề quen thuộc, chưa nghe nói tới và ngỡ mình lạc tới một tinh cầu khác. Thơ hôm nay là một tinh cầu biệt lập xa vời với thơ hôm qua. Người ta không còn tìm được trên tinh cầu này những cảnh tượng, những sự vật trong trí người ta vẫn coi là vĩnh viễn không dời đổi của thơ. Không còn những bông hoa kiều diễm, những đêm trăng huyền ảo, những buổi chiều bâng khuâng, những mối tình thơ mộng dù tan vỡ, những nhớ nhung cách trở tự nhiên, những khúc đàn ca nhịp nhàng, người kỹ nữ bến Tầm Dương, tà áo tha thướt trong ánh nắng mùa xuân với giọng chim ca, mùa thu úa trong lá vàng, những cơn mưa buồn hiu hắt không thôi, cái tâm hồn của ngàn đời còn run hoài chưa hết những nỗi đau thương mơ mộng của một hình bóng, một cơn gió, một bóng mây.

Người ta lạc vào cái thế giới có những đêm tối nghẹn ngào, những ánh sáng lệ, liễu, những bệnh viện lạnh lẽo, những nấm mồ hoang vu, những thành phố đồ nát không hoa cỏ chim muông, chỉ những gạch ngói sắt thép rừng rưng, những tiếng kêu xé ruột gan trong tẻ nhạt, những nỗi lặng câm khắc khoải, những cặp mắt đen, như cú vọ, những hoảng kinh xô đẩy của bầy cầm thú chạy trốn thiên tai, những mối tuyệt vọng xâu thẳm không được cứu vớt, những hồn chết dần trong thèm khát tương lai, những ràng buộc vô lý vào cuộc đời lạ mặt với đám đông ồn ào nhung nhúc, những tầm thường khổ đau gọi ra tên tuổi, cái tâm hồn hôm nay chịu vùi dập bởi những khốn nạn tang thương đòi giải phóng ngay chính ở hiện tại.

(**Thanh Tâm Tuyền. Nỗi buồn trong thơ hôm nay**)

## nghệ thuật trả lời

# cái nóp

NGUỒN tin lan nhanh như vệt thuốc súng. Sẽ có một cuộc bán những đồ thừa thãi của Mỹ ở TAKAKWSTO. Và mọi người cùng đổ xô về làng, dài theo những nẻo đường rừng, từ bên kia những xưởng đóng tàu lại.

Họ đến, hoặc một mình, hoặc hai hay nhiều người, nhưng dù bao nhiêu, họ cũng chỉ nói, họ cũng chỉ nghĩ đến những món hàng sẽ được đem ra bán. Nhất định là những món hàng thật tốt. Những vật dụng của quân đội Mỹ. Những áo vét thật chắc, lót bằng da trừu. Những cái mền êm như lông cừu non. Những cái nóp để ngủ. Vâng ! Nhất là những cái nóp ! NESTORI giữa bao người, đang nhất định với riêng mình, sẽ mua một, trong những cái nóp ấy.

— Tôi muốn mua một cái ! Anh quả quyết thế vừa nở nụ cười, nhe cả hai hàm răng không hàng lối. Và để làm ra vẻ, anh nắm đầu ống điếu trong tay.

« Tôi muốn một cái nóp ». Ít ra lúc bấy giờ, trong đầu anh, không có chỗ nào cho thứ khác.

●

Người ta mời anh mua mền, các bạn cũng biết, những cái mền dịu như lông con cừu non mới sanh.

Nhưng anh không chịu mền.

— « Thì nhìn kỹ một chút xem có phải thật hết không. Dưới quầy ấy Làm sao cũng còn một cái nóp mà. Nhưng, không phải thứ dồn len bên trong đâu đấy nhé. thứ ấy thì không, phải một cái dồn lông Kìa, vải lót thứ thật chắc và trên đầu bẻ xuống được. Thứ đó thì thật hoàn hảo nếu mình muốn được ấm áp tránh được cả mưa, rét... Nhưng cô có thật chắc là không còn không ? Nhìn lại lần nữa xem, có còn cái nào dưới quầy không ? cả trong phòng lưu trữ nữa.

Nhưng cô bán hàng tóc đỏ hoe đi xem xong trở lại, lắc đầu. Không còn cái nào cả. Những lọn tóc cô lòa xòa trước mắt, đỏ như màu lửa. Cô có cái lối hất mái tóc ra sau rất duyên dáng. Nestori chỉ nghĩ đến cái nóp của mình. Nhưng cũng đừng tưởng mái tóc màu đỏ, những lọn lòa xòa như lưỡi lửa trên mặt nàng thoát khỏi mắt anh. Không, hình ảnh ấy sẽ trở lại ám ảnh anh mãi, một khi rời khỏi hiệu buôn. Hiện thời, anh đang van vĩ cô gái ráng tìm giùm lần nữa,

— Nhìn kỹ lại xem, tôi nhất định thế nào cũng còn một cái.

Anh cố nài nĩ trên thềm cửa dẫn vào phòng lưu trữ, dù cô gái đã gắng hết sức giúp anh, bất chấp cả luật lệ và khách hàng không được phép vào nơi trữ hàng.

Tuy nhiên, rõ ràng là nó rồi, đang nằm đấy, cái nóp của anh, chính nó, thật hoàn toàn có một không hai, cất riêng bên, như đặt biệt dành cho anh. Ông chủ hiệu không có ở nhà và dù rằng không có đính nhãn, cô bán hàng vẫn vui lòng nghe Nestori van vĩ.

— Để nó cho tôi đi cô, để cho tôi mang đi nhé. Thật ra, cô đã lắc đầu ra vẻ từ chối và thêm lần nữa ánh lửa đỏ rực lên làm khuôn mặt cô rạng rỡ. Nhưng Nestori đã ôm lấy món đồ, và từ chối một cách quyết liệt, không buông ra, cũng không để cho gói lại. Anh chỉ vội vàng cuộn tròn nó lại thật chặt và cặp vào dưới nách. Cám ơn ! Như vầy cũng được chán. Như đã nói, bây giờ nó là của tôi rồi nhé.

Và Nestori rút từ trong túi ra một tấm giấy bạc cũ đã nhàu nát, vuốt thẳng ra, đưa cho cô gái tóc đỏ.

— Không mắc đâu, được giá đấy. Cô gái nói. Anh vụt cười len, có lẽ cái cười không duyên dáng mấy, giống tiếng ồ ề của con quạ, lại còn ồ ề hơn thường lệ nữa.

Nhưng cô gái tóc đỏ cũng cười theo. Cô có vẻ hài lòng đã làm thuần được con người thô tục dù đồng thời, cô cũng hơi lo không biết phải giải thích với ông chủ cách nào về sự mất cái nóp không đính nhãn. Hừ ! Dù sao, nếu ông chủ muốn giữ lại, để riêng bên. dành cho một khách hàng nào, ông đã đính kèm một miếng giấy rồi, ít ra là phải làm như thế trong trường hợp đó, cô vẫn luôn nghe nói vậy.

●

Trên con đường nhỏ xuyên ngang rừng, ngồi dưới mấy vòm cây, Nestori mở nóp ra, ngắm nghía, từng chút một, nhìn kỹ từng đường may. Thật là một cái túi tuyệt đẹp, đúng cái anh hằng mong ước mua được. Nesteri nâng mảnh vải bọc trên mấy ngón tay sù sì, đo lường cái láng muốt, nhẹ nhàng của thứ vải

Nhưng bỗng dưng, anh lo ngại. cái túi có vẻ hơi nhỏ với một người vóc dáng to lớn như Nestori? Nếu rủi anh chui vào không lọt thì sao ? Anh nhích xa một tí dưới mấy vòm cây, và bắt đầu chui vào túi. Lúc đầu có vẻ hơi khó khăn anh phải cởi cả áo trong lẫn áo ngoài. Nhưng phút lo sợ bỗng biến ngay. Cái túi dãn rộng ra, bọc lấy người nằm trong ấy và cái mũ chụp trên vừa vặn như in. ôm lấy đầu anh. Cái «fermeture chạy suông sẽ, chỉ hơi hơi sượng một tí như dừng để lấy sức, rồi chạy trở lại thật nhẹ nhàng tiến dần cho đến mức cuối... Nestori nằm ngửa người trong cái nóp của anh và nhìn lên chót mấy ngọn cây. Thật là khỏe ru, chúa ơi ! Rồi anh nhún người thật mạnh làm mấy đường may

■ *Nguyên tác*
**TUUI REIJONEN**
Bản dịch của
**■ duy thanh**

muốn đứt tung, nhưng những mũi may thật chắc, không hề bấn gì trước sức mạnh, cuối cùng, Nestori ra khỏi túi, hơi ngạc nhiên vì phải dùng sức. Nhưng có lẽ sẽ chóng quen. Dù sao đi nữa, cái nóp đã là của anh và nó cũng không đến nỗi nào.

Nên nói qua rằng, khắp vùng ai cũng biết Nestori là người thợ mộc giỏi dắn nhất nhanh nhẹn và chắc chắn nhất. Từ làng này đến làng kia, từ giáo khu này đến giáo khu khác, người ta đều kêu anh làm. Thực ra, người ta cần xây cất lại nhà cửa ; như thế càng đỡ cho Nestori, đâu cần, anh đến ngay. Bất cứ cất nhà ở hay lều săn thỏ, gì cũng được, ai đến trước, anh làm trước. Nestori không phung phí vật liệu. Anh chăm chút công việc làm, hà tiện lời ăn tiếng nói, nhưng bắt tay ai thì mạnh lắm...

Hiện Nestori đang dành dụm tiền để cất một cái nhà. Trước tiên, phụng sự cho ai cần một mái nhà đã, sau đấy sẽ đến phiên anh. Vả lại, không đàn bà đề phiền lụy anh ! À ! gì chớ vấn đề đó thì không ! Đôi khi người ta cũng đùa anh về chuyện ấy, nhưng nếu họ nhìn thấy nét mặt anh lúc bấy giờ, y như, ngưng ngay tức khắc.. Nestori mím chặt môi, làm vẻ nghiêm nghị, mắt anh lừ lừ. Không ! Tốt hơn không nên đem chuyện đàn bà ra nói với Nestori... Đó là yếu điểm của anh, có lẽ đó là điểm cay đắng nhất cũng nên. Tuy nhiên, anh thừa biết cách chống trả. Anh đã từng biết đàn bà là thế nào, cuộc đời là thế nào, rượu chè ra sao. Nhưng không thứ nào làm anh mê mệt cả, và trở đi nhất định rồi cũng thế, không thứ nào vật được anh cả. Anh sẽ thành công xây cất một mái nhà cho riêng mình. Anh không cần phải có đàn bà xen vào, cám ơn, không ! Với anh thì không hẳn rồi.

●

Chính trong những chuyến đi từ thôn này đến thôn khác, người ta mới thật sự cần dùng đến cái nóp. Vì Nestori rất thích ngủ ngoài trời. Không khí phóng khoáng hơn, anh tin thế, là những căn trại lúc nhúc đủ thứ sâu bọ, hoặc những chỗ trú bằng ván ghép tạm trên những đống gạch đá vụn. Vâng, bên ngoài vẫn tốt hơn. Mình chỉ việc đóng đô ngay dưới gốc một cây thông cổ thụ, trên nền đất thật khô ráo. Điểm chính yếu là đừng bao giờ ngủ trên nền đất ẩm!

Anh thu tròn người trong bao, kéo « fermeture » và nằm ngắm trời, khi vần đục mây, khi trong sáng đầy những vì sao. Những ánh sáng xuyên ngang bầu trời, sáng như một biển lửa, lung linh đầy màu sắc. Xanh vàng và đỏ màu lửa y như mái tóc của cô gái nơi hiệu buôn, ngày mà anh mua cái túi ngủ. Cô ta cười và tóc lòa xòa rơi trước mắt. Những lọn tóc đỏ một màu đỏ có pha vàng, lẽ tất nhiên là cả vàng lẫn đỏ. Những lọn tóc không chịu nằm yên nơi và cô phải hất ngược ra sau. Cô ta lại có đôi mắt lúc nào cũng như cười. Đôi mắt tựa màu nước chảy, ánh mắt màu xanh cây. Và nghe tiếng cô cười, mình ngỡ như được khóm rong mát rợi ngay giữa mùa nắng hạ.

Giá anh có một người vợ như cô gái ấy, bên anh, anh sẽ bọc nàng trong cái túi êm ái này, sát bên anh, trong hơi ấm. Anh cũng có thể nhường cả cái túi cho riêng mình nàng cũng được.

Nhưng... ai đã ngủ trong cái túi này trước anh nhỉ ? Người ấy đã mơ mộng gì ? Những lúc ruồi người bên trong như anh đang nằm bấy giờ. Vả lại, một mùi gì là lạ xông lên. Không phải chỉ mùi lông khô thôi không ! Chính là mùi những giấc mơ không nghĩ, mùi chiến tranh. Cái mùi ấy, Nestori biết rõ lắm. Anh cũng đã từng đi trận. Nhưng tất cả những chuyện ấy, bây giờ xa xôi lắm rồi.

Những giấc mơ không thể biết được của người lính chiến đang xen lẫn vào với những giấc mơ của Nestori. Có lẽ người đó cũng vậy, hắn cũng đã gặp nhiều cô gái tóc đỏ. Hắn nằm trong cái túi này và hắn mơ mộng đến mấy người đẹp của hắn. Những mái tóc của các cô cũng thế, óng ả buông xuống hai vai, làm thành một lượn sóng duyên dáng, như đường cong của những cành cây dưới gió, như lượn sóng của giòng sông.. Hình ảnh gần gũi đến nỗi hắn cho tay ra khỏi cùng cái túi này để vuốt ve trong giấc ngủ. Và bây giờ đây, người chiến sĩ vô danh ấy chết rồi chăng ? Hay vẫn còn sống với cô bạn gái, trong những thành phố lớn, bên kia mấy đại dương ? Hắn có bao giờ nghĩ lại những ngày, nằm trong cái túi, hiện thời là của Nestori, mà mơ mộng ?...

Và Nestori bắt đầu nghĩ vẩn vơ đến tất cả những chuyện đã qua, cả những chuyện sẽ tới, đến chiến tranh, hòa bình và mọi sự. Nhưng dù sao những gì đã qua có nghĩa gì đâu ? Một bánh xe bé nhỏ trong guồng máy mênh mông của vũ trụ có đáng gì ?

Tất cả những gì nó có thể làm, cái bánh xe bé nhỏ ấy, là tiếp tục đoạn đường của nó, cố gắng làm cho hoàn hảo mọi việc, cố gắng xoay sở cách nào mà con người có thể xoay sở được. Trong cái tốt cũng như cái xấu, trong cái tốt với một ít phần may mắn thêm vào. Nhưng về điểm có quan trọng hay không con người trên thế gian này không nghĩ gì cả, dù nơi này hay nơi khác. Như trong cái thung lũng không xa mấy, mới mùa hè năm ngoái thôi, anh đã gặp hai thây người gần rữa nát. Chiến tranh qua đã để lại sau nó. Giữa những kẽ tay họ, hoa rừng mọc đầy, đỏ như màu lửa.

●

Nestori thiu thiu ngủ, vụt thức dậy, rồi ngủ trở lại. Anh ngỡ như những lọn tóc đỏ đang vẻ vuốt má mình. Anh thấy đôi mắt tươi cười nhìn anh. Anh bắt đầu nói lăm nhăm, cựa quậy mạnh và giấc ngủ biến đi...

Bao giờ xong công chuyện đang làm, anh có thể lại bắt đầu xây cất nhà riêng của mình. Anh sẽ ra tận bờ hồ, nơi anh có mua một khoảng đất và anh sẽ bắt đầu vào việc. Tốt hơn là nền móng nên xong trước khi thời tiết xấu trở về. Anh định dọn về đấy vào mùa hè, dịp lễ Saint Jean.

Từ mấy làng lân cận, người ta về kêu anh làm nhưng anh nhất định không đi. Mọi người sầm sì « Anh ta bắt đầu làm cao đấy, lúc này lại giở trò từ chối việc làm ».

Thật ra Nestori đang cặm cụi vẽ họa đồ nhà, ở bên bờ hồ. Lùm bụi quang đãng dần. Người ta nghe tiếng dội của những thân cây đổ trong rừng thưa. Toàn những cây thật tốt, thơm nức mùi nhựa thông Sau này khi có chút thì giờ, anh sẽ làm cho miếng đất ẩm ướt này trở nên khô ráo. Còn đất nào để cày tốt cho bằng ! Và đến ngày lễ Saint Jean, biết anh sẽ đem ai về nhà không ? Ai ? Nếu không là cô gái tóc đỏ ! Cô gái ở hiệu buôn chứ ai đâu xa lạ.

Và những bức tường cao dần, những lớp cây chồng chất lên nhau. Không dùng cây vớ vẩn, không thứ tạm bợ. Cho lần này phải thứ thật chắc, thật tối, phải thật vững vàng, thật bền lâu, ít ra cũng phải kéo dài đến ngày đứa cháu anh lên hai mươi tuổi. Và mảnh đất này, anh muốn thực thụ là của anh. Người ta đồn nhau trong vùng, là đất bỏ hoang sẽ trả thù. Miếng đất nầy nhất định sẽ không trả thù được anh Bởi vì nó sẽ phải đương đầu với một người đàn ông cứng cỏi. Nhưng nào phải chỉ riêng đất sống cho mình anh. Còn những người khác nữa chứ. Sau anh, còn con trai anh. Nó rồi cũng sẽ khéo tay lắm, thằng bé ấy, một người thợ giỏi dắn như cha và mái tóc đỏ hoe như của mẹ.

Anh cố quên khát bằng cách nhai đỡ những cây mồn nước, hái từ bờ hồ về. Anh muốn uống đại nước hồ, nhưng nó có vị bùn, rắn rít và đen ngòm .. như thuốc độc. Anh để mồn nước vào trong két. Mặt đất phủ dầy lớp vàng chói Giá chúng không phải là lá chết mà là tiền bạc. Có phải anh muốn xây cất cách nào lại chẳng được. Nhưng liệu có ích gì nếu chỉ một mình hưởng ? Không, chính là để cho thằng bé, bao giờ nó lớn lên. Vậy thì, một cái nhà thường cũng được chán. Vả lại, cũng không đến nỗi xấu. Sẽ có sàn gỗ trong gian chính. Cả trong làng, sẽ không ai thấy cái nào đẹp hơn được, ngay ở thành phố cũng thế. Trắng như xương, trơn tru và láng bóng, không một gút mắt. Và, bên trên, lại còn một lớp vẹt-ni nữa. Về vẹt-ni, anh sẽ đến hiệu mua, anh sẽ hỏi cô gái tóc đỏ, cô bán hàng xem có còn sót lại chút gì dưới quầy không ? hoặc ở trong phòng lưu trữ, y như cái nóp — như cô đã dành riêng bên, đặc biệt cho anh. Và gỗ sẽ có một màu đỏ nhàn nhạt thật bóng, thật đẹp, đều chưa ai thấy được bất cứ nơi nào giống vậy.

Và khi đi mua vẹt ni, anh sẽ thừa dịp hỏi cô gái xem có thích đến thăm ngôi nhà của anh không.

Rồi khi cô đến nhà, anh sẽ hỏi xem cô có thích ở luôn nơi đấy không ? Chắc chắn nàng sẽ ở lại. Điều ấy hiện rõ trên đôi mắt, nàng muốn ở lại. Anh cảm thấy nàng muốn ở lại Và anh không thể nào lầm được. Chao ôi, cô gái tuyệt làm sao !

Người ta bảo những cô tóc đỏ đều là những người dữ tợn. Nhưng với cô này, nhất định là không đúng. Chỉ cần thấy qua một lần đã biết, mặc dù tóc đỏ nhưng tính nàng tốt nhất đời, lại rất vui vẻ. Đôi mắt nàng như cười, tươi làm sao, cái ngày mà nàng trao anh cái nóp. Đôi mắt ấy như giòng nước óng ánh lôi kéo mãi anh.

Rồi những mảnh dăm bào bay tứ tung, nhẹ nhàng lượn theo gió, rơi rải rác khắp nơi. Nào cửa, nào khung, nào cửa sổ được dựng dần lên Lò sưởi sẽ được đặt nơi này và đàng kia là chỗ để giường. Một cái giường, êm tuyệt trần đời, anh sẽ đi mua những tấm chăn trải giường thật trắng, thứ trắng nhất ở thành phố Thời kỳ chiến tranh, không tài nào kiếm được, nhưng bây giờ hình như đã bớt hiếm hoi.

Trong những tấm chăn trắng như tuyết ấy, nàng sẽ ngủ trên tay anh. Tóc nàng trải trên gối như một ngọn lửa to. Và gian phòng sẽ có mùi cây mát rượi, mùi hồ và những cây mồn nước.

●

Rồi anh sẽ lấy cái nóp làm nệm vì anh không còn dùng đến nóp nữa khi đã có một mái nhà che mưa gió Vả lại, dù không nệm đi nữa, họ cũng ấm chán. Anh sẽ không đi nhận việc từ làng này đến làng nọ như từ trước đến giờ.

Anh sẽ đi nhặt những trái gòn, mọc trong những vùng sình lầy, dồn thêm vào cho êm hơn. Và khi đi mua chăn trải giường, anh mua thêm ít vải màu làm cái đắp chân. Mua đúng thứ vải chứ không mua hàng. Vì chỉ có thứ đắt tiền mới thật sự rẻ thôi, ai cũng biết vậy. Cả hai sẽ ngủ bên nhau, thu trong hơi ấm của chiếc giường, như những con chim trong tổ. Riêng chỉ hai người thôi.

Rạng đông ngày thứ bảy, Nestori lên đường đến TAKAKWSTO. Nóc đã lợp xong. Quảy bị trên vai, Nestori bước vào hiệu. Như mọi khi thứ bảy, hàng đông nghẹt. Nestori tìm cô bán hàng cô đứng đấy... Đúng như anh hằng tưởng tượng. Những cử động nàng nhẹ nhàng làm sao ! Nestori đợi phiên anh, không tìm cách len vào trước như có người đang làm. Anh có đủ thời giờ. Vả lại, càng tốt, anh được dịp tha hồ ngắm người đẹp. Nàng có vẻ vô tình không biết vì sao người khách đó đến đấy. Không, nàng bình tĩnh và khoan thai tiếp tục công việc mình, không cáu kỉnh. Thỉnh thoảng lại mỉm cười và đôi khi y như anh vẫn thường mơ thấy, nàng hất mái tóc ra sau.

À, kia rồi, nàng đã thấy anh, nàng đang nhìn anh, không ! Nàng nhìn đàng sau anh, nhưng, nàng đã trở lại nhìn anh, nàng thấy anh rồi...

Nestori chợt nghe mình nói lên tiếng « chào cô » bằng một giọng ồ ề trên dãy đầu khách đợi mua. Và nàng cũng chào lại. Rồi tiếp tục công việc. Nhưng mỗi lần đôi mắt nàng trở lại đặt lên anh, Nestori nghe tim mình se lại như một bàn tay ai đang bóp mạnh. Chưa bao giờ anh có tâm trạng ấy ngay cả cái ngày đầu tiên mà anh được ôm người đàn bà trong lòng. Thật là khó thở làm sao trong

**xem tiếp trang 32** ■

# để đứa con nuôi nhớ dương nghiễm mậu

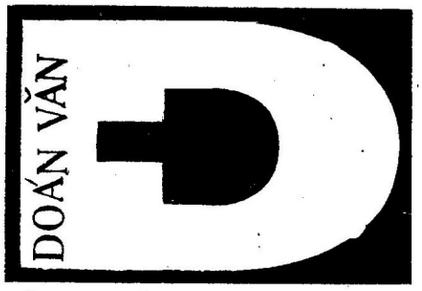


CỦA NHIỀU NGƯỜI VIẾT

THẰNG bạn hỏi : tại sao lại phải là : *Câu chuyện xảy ra trước ngày* .. ngó bộ sau đó thì đã khác hẳn, kể cả truyện trai gái nó « lẹo tẹo » với nhau hay sao, sau ngày... sau ngày... thì biết bao nhiêu cái sau ngày rồi, không nói ra được thì đừng nói, im đi không được sao mà phải than — Người ta bảo im lặng cũng là cách nói, lúc nào chẳng vậy. . Hắn cười, mình cũng cười. Thế là thành đồng lõa hết trơn. Mình cười nữa. Khó thật. Thằng bạn bước đi, nghĩ thế nào hắn quay lại : Đi với mình — Thôi, để cậu đi — Thế cậu đi đâu ? Không — Không, hay là... Có hẹn — Có hẹn, hẹn uống rượu với Từ Hải, hay hẹn đi ăn thịt chó với Kinh Kha ? — Không. Hắn ngừng lại một lúc rồi bỏ đi. Thôi cũng xong. Mình cười. Rồi thôi.

Mình ngồi lại. Nắng chiều còn chói, chiếu ngang mặt, kêu một chai la ve, cho cục đá đây nhỏ, chẳng còn Hải hay Kha, còn một mình, một mình. Hắn bảo với vợ, nựng đứa nhỏ chưa đầy tháng : em à, mình để thằng nhỏ làm con nuôi anh ấy, lớn theo bố nuôi đi nhậu la-ve. Thằng nhỏ nằm gọn hiền lành trong tay người cha chưa đầy ba mươi tuổi, nó chỉ lộ cái đầu, tóc xanh mượt, đôi mắt mở lớn ngộ nghĩnh, má đỏ. Nó sẽ lớn lên. Lúc đó chiến tranh đã hết, nó sẽ trở về quê mà có khi bố mẹ, chú bác nó không thấy lại. Lúc đó... Một đứa con nuôi mình cười thầm, nó nuôi mình hay mình nuôi nó. Mình cười. Thằng em sinh năm 45, đói, nó nhỏ tí, làn. Làm sao để nó có thể to lớn, khỏe mạnh, đẹp trai được trong một tình cảnh như thế. Mình bảo : được cho nó làm con nuôi đi. Bố đi lính, mẹ làm sở Mỹ, đứa nhỏ lớn lên ra đời mình mong cho nó to lớn đẹp trai. Mấy thằng bạn chơi với nhau đã nhiều năm bỗng mỗi đứa lựa chọn một cách, đứa nhập ngũ, đứa đi buôn, đứa xuất ngoại, đứa lấy vợ, đứa chẳng làm gì, đời sống rời từng lóng ngắn. Trình viết thư về hỏi : bây giờ ở nhà ra sao, kể chuyện đám cưới thằng Thu cho ta nghe. Thì cũng kiếm mấy gói bánh; kiếm mấy cái xe tới đón người bạn vẫn đi ăn, đi chơi lên đó, dẫn về nhà, ra nhà hàng ăn nhậu, quần áo cần thận, ăn uống, chúc tụng, xếp hàng cười toe toét chụp mấy cái hình, rồi họ dẫn nhau vào một cái giường... Thì cũng thế cả, có gì đâu mà kể. Chắc thằng ấy nó sẽ cười. Có gì đâu mà phải nghiêm trang. Phải không.

Bây giờ thì thằng con trai, mình có một thằng con nuôi. Mình cười Rồi mỗi đứa có gia đình, gặp nhau nói chuyện dưỡng thai cho vợ, cách pha sữa cho con, thuốc cho con uống, chuyện nhà ở trường học. Các bà vợ nói chuyện sinh hoạt, giá than, giá gạo, vải mới về... Lâu lâu chúng nó nói với nhau : ngày xưa hồi... Lúc mình còn đi học ở... Và sửa soạn ngày chết. Nói đùa cho vui đấy. Mình cười : *Người đời, ba mươi tuổi mà chưa cưới vợ, không còn muốn cưới ; bốn mươi mà chưa làm quan, không còn muốn làm quan ; năm mươi không ưng làm nhà, sáu mươi không ưng rong chơi ; còn có gì để nói.* Thị Nại Am viết tựa cho Thủy Hử vậy đó. Sao mà khôn vậy. Lấy vợ, làm quan, làm nhà, rong chơi Nhưng nếu không ?

Nhưng nếu không ? Mình hỏi vậy. Có người bảo : muốn làm Lão Tử, làm Quảng Ninh. Muốn làm trâu mà cưỡi thì phải có tiền, nhiều khi lại là trâu nhập cảng từ Thái Lan, trâu đó có vẻ hung hăng lắm, người ta dùng để thịt; sa mạc đâu còn bỏ trống như xưa, ở đó có khi là xưởng dầu lửa, hoặc thử bom nguyên tử, vào là mất mạng như chơi. Làm Lão Tử sao được. Rừng bây giờ là chiến trường, không canh tác được. Quảng Ninh không có chỗ dung thân. Lão Tử bơ vơ, Quảng Ninh cũng bơ vơ !

Men la-ve đã bốc lên, bụi nắng bay. Trung bảo : trông họ hớt hơ hớt hải, chạy lên chạy xuống mà tội nghiệp. Mình cười. Làm sao được. Nếu nghĩ cho cùng. Lại cái chữ nếu này.

Những người đi qua, những người đi qua. Một người tóc bạc trắng, người gặp lại, một người tóc hoa râm. Hai vạt áo đầm nước mắt. Một chiếc quan tài. Ông nó chết lúc hai mươi tuổi. Cha nó chết lúc hai mươi tuổi. Nó chết hơn hai mươi tuổi chưa kịp lấy vợ. Bà và mẹ nó chôn nó. Đầu đạn ghim ngay ngực giữa một đêm giữ đồn. Nếu nó có một người vợ, mấy đứa con ? Biết nói gì nữa.

Tượng Chúa bị họ cột treo tòng teng dưới chiếc máy bay trực thăng bay trên thành phố, người công nhân, bầy trẻ vẫy tay; mấy cô gái tắm nắng trên sân thượng cũng đứng vẫy, chiếc trực thăng dừng lại, mấy thằng đàn ông ở trên ngó xuống, họ nói gì với nhau, còn cười nữa, có phải chúng nói tục không ? Con vật bị lôi lên khỏi biển không duyên cớ, bị lật ngửa tênh hếnh. Chẳng bao giờ còn trở về được với biển. Cô nhỏ được gọi là thiên thần, đứng bên kia lạch nước không xa vẫy tay gọi nhưng hắn không còn nhận ra, hắn chẳng bao giờ còn đến đó được.

Đất chẳng còn, trời chẳng còn.

Mình muốn nói với đứa con nuôi chưa nuôi một ngày : con biết không, tại sao bố viết...

Mình cười. Nó còn nhỏ chưa biết gì. Sau này nó lớn thì mình đã quên, có điều nó nhớ, nó sinh ra ngày...

**8-9-65** ■

# hà nội nâu và đen nhị

NƯỚC Đồng minh Gia Nã Đại bát ngát với những cánh rừng gỗ quý chạy dài từ biên thùy thiên nhiên Niagara tới chân vịnh Hudson, một buổi chiều tuần lễ trước, đã vượt nửa đường trái đất, để đến gặp chúng tôi, rất tình cờ, qua cái hình ảnh đôn hậu của một người bạn mới.

Mặt lốm đốm tàn nhang, to con, trẻ thơ vụng về như một đời sống tràn đầy sinh lực lớn bổng và đi vượt trước tuổi, anh bạn từ Gia Nã Đại ngàn dặm đến Việt Nam với tư cách một sứ giả hòa bình, Đại diện cho nước anh trong phái đoàn Ủy hội quốc tế kiểm soát đình chiến, anh bạn vừa tự Hà Nội vào đến Saigon. Anh đến, khi chúng tôi bắt đầu cầm đũa. Chiều Saigon mưa phùn lai rai. Khu Phú Nhuận chợt như khu phố Huế. Hà Nội trở về trong hồi tưởng với màn mưa lất phất nghiêng nghiêng tiếng nhớ mơ hồ. Bữa nhậu thanh đạm có món nộm rau chuối, làm sống lại đậm đà dư vị bếp nước thôn dã miền Bắc. Và chúng tôi ngà ngà say, đang đào xâu lại những nét đẹp của Hà Nội tiền chiến, khi anh bạn của nước bạn đi vào với Thạch Chương. Chúng tôi bắt tay nhau, thân mật tự giới thiệu và bỏ qua được mau lẹ mọi kiểu cách gìn giữ. Anh bạn cầm đũa Việt Nam khá thành thục, như nói tiếng Pháp khá thông thạo. Và ăn món nộm rau chuối ngon lành như hất cứ một người Việt-Nam miền Bắc nào. Tôi nhớ buổi chiều mưa phùn hôm đó; chúng tôi đã hỏi người bạn của ủy hội quốc tế này thật nhiều câu hỏi về ba mươi sáu phố phường, sau mười một năm giã từ, vẫn là hàng trăm ngã đường chói lọi đậm thắm trong trí nhớ từng người Hà-Nội.

— Anh ở Hà-Nội bao lâu ?

— Tám tháng.

— Thừa đủ để biết hết những ẩn dấu, những sự thật và những chiều xâu về Hà-Nội ?

— Đâu có. Một thành phố cộng sản nào trên thế giới cũng là một khép kín hằn học, một che dấu cần thận và tận cùng. Như Prague. Như Moscou. Chỗ nào cũng cấm thấy, cấm đến, cấm biết. Hà-Nội 1965 là một mặt phẳng lầm lỳ ngao ngán. Cọn người thì khép đóng thêm một lần khép đóng nữa của khiếp hãi thận trọng. Tôi có cảm tưởng đứng trước một tấm áo giáp khổng lồ, và da thịt và bộ mặt thực của Hà-Nội mất tâm sau tấm áo giáp khổng lồ ấy. Một thành phố cộng sản là một thành phố đeo mặt nạ. Hà-Nội cũng đeo cái mặt nạ của Hà-Nội.

— Cảm tưởng chung ?

— Một thành phố có thật nhiều vẻ đẹp, nhưng im lặng buồn rầu. Ban đêm, mọi sinh hoạt đều ngừng nghỉ. Một thành phố thiếu ánh sáng. Không hề thấy bóng một tà áo dài Việt Nam nào. Hà Nội là của những tà áo ngắn. Màu đen và màu nâu làm chủ trên vòm trời Hoàn Kiếm.

Trong những khoảnh khắc, chợt như pha lẫn trong cơn say bâng khuâng của buổi chiều. Saigon mưa bụi. những ảnh hình lung linh

## văn nghệ và nhà nước
## văn quang

TÔI đã đọc một đoạn văn của Phan Khôi, đại ý cố văn sỹ Phan Khôi nói đến sự chấp nhận của một người văn nghệ đối với chính sách văn nghệ của miền Bắc. Trong đó có một đoạn, tôi nhớ mang máng Phan Khôi viết.

— « Đồng ý, văn nghệ với nhà nước đã thỏa thuận cùng làm một việc, đó là việc tuyên truyền, nhưng anh phải cho tôi tự do, ít nhất một chút tự do — trong việc lựa chọn ».

Một đoạn ấy thôi, đủ tố cáo tất cả cuộc sống nội tâm khắc khoải của một tù binh văn nghệ Phan Khôi và từ một tù binh đến một hàng binh, không xa nhau là bao. Phan Khôi đã chịu hàng nhưng Phan Khôi không hề phục. Phan Khôi cũng không hề được yên ổn trong sự giơ tay bắt đắc dĩ ấy, người ta đã bắn một phát đạn cuối cùng xé toạc đầu óc Phan Khôi và người nho sỹ thâm trầm ấy trước khi biết mình chết đã thét lên, đã nói được sự chua xót của một dũng sĩ đã chịu bó giáo quy hàng song vẫn bị giết.

Tôi không làm công việc tố Cộng ở đây mà tôi chỉ muốn nêu lên một sự kiện đã từ lâu làm tôi băn khoăn. Tôi nghĩ đến những người anh em trong một thái độ dửng dưng, trong một sinh hoạt buồn não, trong một sự lãng quên chính mình một cách phí phạm, đáng lẽ họ làm được nhiều, song không làm gì hết hay nếu có làm thì cũng chỉ làm cho họ, cho đám người có thể nuôi họ sống, đôi khi cảm khái, cố làm một cái gì lớn, song không có can đảm, không có thì giờ, không có sinh khí. Họ im lặng, khoanh tay ngồi cười. Đừng vội nóng nẩy, vô ý thức, xuẩn ngốc đến nỗi chụp cái mũ phản kháng thụ động hoặc chống đối chế độ lên đầu họ. Họ hhông cần ai tội nghiệp song tôi muốn viết thật rõ hai chữ tội nghiệp. Tội nghiệp bởi họ sợ, sự an ninh của người viết lúc này vốn đã không có bảo đảm. Một cuộc khám xét tầm thường, người viết đã từng bị điệu lên xe cây, nhốt 24 giờ và... vô tội ! Trong khi đó những người có trách nhiệm lớn hơn cần họ vô cùng, yêu họ vô cùng.

Tôi muốn nói thẳng đến một liên lạc thân hữu giữa những người văn nghệ miền Nam và nhà nước — lẽ dĩ nhiên trên phạm vi ý thức — Những người làm văn nghệ không chống Cộng ư ? Những người làm văn nghệ đã được những gì ? Sinh khí ở đâu gieo mầm bắt rễ cho những hăng say ? Ai đã chú tâm lo lắng đến sức mạnh này. Ngay cả những người làm văn nghệ trong quân đội, trong bộ máy nhà nước, vẫn chưa làm được gì bởi không ai cần họ làm cả. Nói trắng ra người ta biết nó cần thiết nhưng không cụ thể nhìn thấy nó cần thiết ở đâu Có so sánh, có nhìn thấy sinh khí văn nghệ và ảnh hưởng của nó khi toàn dân chống thực dân, người ta mới thấy — một phần nào đó — của sự cần thiết ấy.

Tôi nói thêm một tỷ dụ nữa : Một Nguyễn Sơn hét ra lửa, nghênh ngang nhất trong hàng tướng lãnh cộng sản mà còn biết sợ sức mạnh của cây bút. Một Tố Hữu được trọng vọng nể vì không phải vì cái lon đại tá mà còn vì uy tín của cái tên Tố Hữu, vậy mà Tố Hữu còn biết sợ tiếng nói của anh em.

Chúng ta không thể có một chính sách văn nghệ, chúng ta cũng không hề mong có một Tố Hữu, song chúng ta mong có một sinh khí văn nghệ. Trước hết là cho tất cả những người anh em — cho chính chúng ta — được thở được làm, được đam mê. Như thế đủ rồi. Đủ cả cho chúng ta và đủ cả cho nhà nước vậy Đó là nội dung bức Thông Điệp thứ nhất. ■

---

chập chờn của một Hà Nội vắng khuất. Lòng tôi đầy ngậm ngùi. Phải hỏi một người bạn ngàn dặm tới đây về một thành phố của chính quê hương mình ư ? Thích hỏi, không dừng được thì hỏi, chứ cứ hình dung ra, Hà Nội đã hiện lên. Dãy phố buồn thiu. Vùng lưu đày âm thầm của những người con gái áo ngắn làm than trong lao động cực nhọc. Tôi nghĩ đến những bàn tay nổi tiếng là chau chuốt khắp ba miền đất nước của người thiếu nữ hàng Bạc, hàng Đào. Những bàn tay ấy không thể còn là cái hình thể dài vát của những búp ngà yểu điệu. Đèn phòng thủ bây giờ chiếu xuống những mái nhà cong trùng đụng lá mùa thu rơi của Hàng Quạt hàng Đồng thứ ánh sáng đục đỏ đầy kinh hoàng và phiền muộn. Và tôi chợt nhớ đến một vài người bạn gái ở lại. Mùa đông miền Bắc sắp tới rồi đó. Gió bấc trùng trùng từng cơn sắp từ bên kia Hồng Hà lạnh tanh phủ trùm lên Hà Nội tê cứng. Những tà áo ngắn mỏng manh. Hà Nội thiếu đủ thứ. Thiếu len, thiếu dạ. Thiếu lửa cho mùađông Thiếu mộng cho những tâm hồn mười tám. Người thiếu nữ nào của Hà Nội bây giờ cũng chỉ còn là một sầu nữ điển hình nghiêng thân liễu buồn trong thơ Lưu Trọng Lư tiền chiến.

Người bạn Gia Nã Đại hỏi chúng tôi:

— Người HàNội? có thể trở về

Chúng tôi đáp, thận trọng, như người ta thận trọng trước một vấn đề sinh tử:

— Chúng tôi nghĩ chúng tôi phải trở về ?

Trận mưa phùn buổi chiều bỗng ngớt đi cho sương xanh biếc dâng lên cùng bóng tối chập choạng.

Chúng tôi chia tay với người bạn Gia nã Đại ở đầu đường Chi Lăng. Trong khoảnh khắc ngắn ngủi chờ taxi, anh bạn của một xứ sở xa .với chỉ tay vào cái giòng ngườiSaigon tràn ngập khắp bốn ngả bùng binh Phú-Nhuận, hỏi lại tôi:

— Lớp dân chúng mấy triệu của thành phố này muốn gì ?

— Muốn thực hiện giấc mộng bình thường nhất của con người. Được sống hòa bình.

— Nhưng đất nước anh đang có chiến tranh.

— Không ai trong chúng tôi không biết sự thực đó.

— Người Việt-Nam muốn hòa bình bằng bất cứ giá nào ?

Tôi gật đầu :

— Bằng một giá nào đó.

Và lắc đầu :

— Không bằng bất cứ giá nào

— Thế thì hòa bình rồi sẽ tới

— Chúng tôi cũng nghĩ như thế.

Chúng tôi bắt tay nhau. Một tuần lễ sau, tôi được tin người bạn trẻ Gia Nã Đại đã về nước Anh gặp một người trong chúng tôi 24 tiếng đồng hồ trước khi ra phi trường Tân Sơn Nhất. Anh ta nói anh ta sẽ trở lại Gia Nã Đại chừng 4 tháng. Rồi sẽ sang Hambourg để học tiếng Đức. Tôi nhớ hôm gặp, tôi hỏi anh ta có biết, có học tiếng Việt không. Lắc đầu. Cười. Và nói là tiếng có nắm dấu bằng trắc của ta là một trong những tiếng khó đọc nhất thế giới ■

---

## một câu chuyện rất ngắn
## Ernest Hemingway

MỘT buổi chiều oi bức, tại Padoue, người ta đã khiêng chàng lên nóc nhà thương, trên đó chàng có thể ngó thấy khắp thành phố. Những chiếc én bay vút ngang trời. Màn đêm buông xuống và đèn điện bật sáng. Những người khác đã xuống, đem theo chai lọ. Luz và chàng nghe rõ tiếng họ ở phía dưới, trên bao lơn. Luz ngồi xuống giường. Trong nàng thật tươi mát và dịu dàng, giữa đêm tối nóng nực.

Luz đã nhận phiên làm đêm từ ba tháng, trước sự hài lòng của tất cả mọi người. Khi người ta giải phẫu chàng, nàng đã sửa soạn cho chàng trước khi lên bàn mổ. Họ nói bông đùa về sự huyền bí, và sự rửa ruột. Khi người ta đánh thuốc mê, chàng cố tập trung tư tưởng để đừng nói gì lảm nhảm trong cơn mê sảng. Khi đã có thể đi lại bằng nạng, chàng tự lấy nhiệt độ để tránh cho Luz khỏi phải thức dậy. Chỉ có vài bệnh nhân ; ai nấy đều hay biết và đều mến Luz. Khi chàng men theo những hành lang trở về phòng, chàng nằm trên giường mà nghĩ đến Luz

Trước khi chàng trở lại mặt trận, họ tới Duomo cầu nguyện. Trong ngôi nhà thờ tối tăm và lặng lẽ, có những người khác đang quỳ gối. Họ muốn lấy nhau, nhưng không đủ thời giờ để công bố hôn nhân, và cả hai đều không mang theo giấy khai sanh. Họ tự coi như đã là vợ chồng, nhưng họ muốn tất cả mọi người đều hay biết, để chắc chắn khỏi mất nhau.

Luz viết cho chàng rất nhiều thư mà chàng chỉ nhận được sau ngày đình chiến. Một gói mười lăm lá thư tới được mặt trận ; chàng sắp xếp thư theo ngày tháng và đọc lần lượt. Lá thư nào cũng nói tới nhà thương, nói nàng yêu chàng không biết chừng nào, rằng nàng không thể sống nếu không có chàng, rằng đêm tối nàng cảm thấy thiếu chàng ghê gớm.

Sau khi đình chiến, hai người quyết định là chàng phải trở về Mỹ kiếm việc làm để có thể kết hôn với nhau. Luz sẽ chỉ qua với chàng khi nào chàng đã có một địa vị vững vàng và có thể tới đón nàng tại Nữu Ước. Họ đồng ý với nhau là chàng sẽ không uống rượu và sẽ không đi thăm bè bạn hay bất cứ ai tại Hoa Kỳ, Kiếm một công việc làm ăn và lấy vợ. Chỉ có vậy. Trong toa xe lửa, từ Padoue tới Milan, họ cãi nhau vì nàng từ chối không chịu sang Mỹ ngay với chàng. Lúc chia tay ở sân ga Milan, họ hôn nhau, nhưng cơn gây lộn vẫn chưa dứt hẳn. Chàng đau khổ phải rời xa nàng trong tình trạng ấy.

xem tiếp trang 32 ■

■ tiếp theo kỳ trước

VĂN cười ha hả mà rằng :
— Con nai vàng ngơ ngác thật. Mấy năm trước tôi cũng buồn y như chị bây giờ khi mà tôi chợt thấy rằng thực tế đã cướp lần từng ngày những nàng tiên mộng tưởng của tôi, nhưng giờ thì tim tôi đã được thiết giáp rồi. Chị cũng như tôi, mà có thể chị không muốn cũng không được.

— Ừ, không muốn cũng không được. Từ hôm đi xin việc tới nay, tôi đã đánh rơi mất hết vài nàng tiên rồi đấy. Lớp tôi có khó khăn lắm không anh ?

— Tôi chưa biết chị có giờ ở những lớp nào. Riêng lớp nầy thì cũng thường thôi, không dữ lắm, cũng không hiền. Khổ một điều nầy là các em ấy hay hiểu lầm hay cố ý hiểu lầm thì không rõ. Các em làm chánh trị mặc các em, ta không xen vào. Nhưng các em không học, ta phải phạt họ chớ ?

— Ừ, rồi sao ?

— Nhưng hễ ta phạt các em về tội không học thì các em qui tội chánh-trị cho ta. Chỉ có cái điểm đó là khó nhứt, còn tinh nghịch hay đầu bò hay gì gì cũng không sao, không hại lắm, và vẫn khuyến cáo được nếu ta không vụng về lắm.

Văn xem lại đồng hồ rồi hốt hoảng nói :

— Đã tới giờ rồi, ta đi thôi. Ta nên thừa dịp anh Mạnh dạy toán đi ra, để vào ngay trong giờ xả hơi của các em, cho khỏi mất thì giờ của ta.

Trường không có chuông điện. Điện của thành phố nhỏ nầy là điện một chiều do một cái máy phát điện nhỏ, chỉ phát ban đêm thôi.

Hai người đi gần tới lớp thì trống mãn giờ đánh lên. Văn nói :

— Rủi ro cho chị lắm. Ở trung học thì Đệ Tam và Đệ Ngũ là hai lớp mà giáo sư sợ nhứt. Chị có bị lớp Đệ Tam nào không ?

— Đệ Tam II.

— Chết rồi !

Văn bước tới ngay trước cửa lớp rồi đưa tay lên đập mấy cái vào không khí ra hiệu cho học sinh đừng đi. Bấy giờ một vị giáo sư cũng trẻ tuổi từ trong ấy xách cặp bước ra :

— Anh Mạnh, giáo sư Toán — Chị Lan, giáo sư Việt ngữ.

— Hân-hạnh !

— Hân-hạnh !

— Xin lỗi chị Lan nhé, tôi bận việc cần đi ngay. Khi khác sẽ nói chuyện nhiều.

Văn bước vào lớp, Lan nối gót theo anh. Học sinh không đứng dậy để chào họ. Anh giọng-dạc nói lớn :

— Đứng dậy coi nào !

Giọng Văn và bộ tịch anh oai-phuông lẫm-liệt nên học-sinh bị xúc động, đứng cả dậy.

— Tôi thay mặt ông Hiệu-Trưởng đưa giáo-sư mới của các em tới đây. Các em chỉ có năm phút xả hơi thì hy sinh năm phút đó không hại gì, để biết giáo sư của các em.

Đây là cô Nguyễn thị Lan, nữ giáo-sư cử-nhơn. Và tôi cũng chuyển lời của ông Hiệu-Trưởng đến các em rằng em nào không ngoan sẽ bị nghiêm trị

... Tăng tăng tắng tắng...

Mấy tiếng nhạc từ một sợi dây kẽm căng thẳng phát ra để trả lời cái thỉnh được « truyền thanh » của ông Hiệu-trưởng.

Văn làm như không nghe thấy gì, day lại nói :

— Thôi, xin phép chị và xin chúc chị thành công.

Lan lặng lẽ bước lên bục gỗ và hỏi :

— Các em có bất mãn lắm hay không mà phải mất mấy phút xả hơi nầy ?

— Có. Rất là bất mãn.

— Tôi không muốn thế, chỉ tại ông Văn cũng bận dạy, không thể bỏ lớp của ông được mà giờ dạy đã tới rồi.

Tiếp theo lời nàng là một hồi trống.

— Thôi, các em ngồi xuống.

Lan lật sổ ra xem thì thấy lần trước, cách đây ba tuần lễ, vào đúng giờ nầy, lớp nầy học ám-độc, bài tả cảnh chùa Long-Giáng của Khái-Hưng.

Nàng lại lật sổ điểm, nhìn qua một lượt danh sách của hơn năm mươi học sinh, rồi gọi :

— Em Nguyễn-văn-Nhỏ, lên trả bài ám-độc.

— Thưa cô, không có !

— Không có cái gì ?

Hơn hai mươi học trò trả lời nàng, khiến nàng không nghe gì cả, nên phải vói lấy thước đập lên bàn cho chúng nó im đi.

— Em nào có gì nói thì phải đứng dậy mà nói, và chỉ một em là được nói thôi.

— Khó quá !

— Tàn ghê !

Lan cũng làm bộ không nghe như Văn khi nãy. Một em đứng lên :

— Thưa cô, cái ông hôm tháng trước là thầy giáo dạy đỡ, chớ không phải giáo sư.

— Ừ, rồi sao ?

— Ông hổng biết dạy.

— Chuyện đó không liên hệ tới tôi.

— Nhưng thưa cô, ám độc mà ổng cho văn xuôi, nên tụi em không học.

— Sao lại không học ?

— Vì ổng dạy sai. Ám độc đâu phải văn xuôi !

— Chớ ám độc là gì ?

— Ám độc là thơ.

— Ai dạy em như vậy ?

Trò ấy không trả lời được. Lan mỉm cười cắt nghĩa :

— Ám độc là bài học thuộc lòng, bất kỳ văn vần, văn xuôi hay văn biền ngẫu gì mà hễ học thuộc lòng là ám độc, các em hiểu chưa ?

— Chưa !

— Chưa !

— Em nào chưa hiểu đứng lên một em coi.

Một học sinh cao lỏng khỏng và ốm nhom, đứng lên, Lan hỏi nó :

— Em không hiểu ở chỗ nào ?

— Mấy ông giáo sư Việt ngữ khác, không có ông nào cho học văn xuôi hết.

— Như vậy không có nghĩa là văn xuôi không phải ám độc.

— Nhưng tại sao các ổng không cho văn xuôi ?

— Tôi có biết đâu. Nhưng thôi các em đã không học thì biết sao giờ. Nhưng từ nay tôi sẽ cho học văn xuôi thường hơn văn vần. Giờ thì chép

bài ám độc kỳ tới, và tôi sẽ dùng bài nầy để làm giảng văn luôn.

Lan phải dạy tới hai tiếng đồng hồ liên tiếp ở lớp nầy, giờ ám độc đã không dạy được thì nàng lợi dụng khoảng thời gian đó để bắt học sinh chép bài cho hết giờ. Giờ sau nàng sẽ dạy giảng văn bằng bài ám độc nầy.

Chưa biết chương trình, Lan đọc của một bài thơ mà nàng nhớ :

*Chẳng phải ăn đong, chẳng phải vay,*
*Lộc trời để lại, được ăn này.*

Nang đọc rõ ràng, chậm thật chậm, và giải thích chánh tả của những chữ khó !

— Tiếng « đong » viết không có dấu mũ ?

— Sao vậy cô ?

— Rồi các em sẽ biết. Ta phát âm sai, có dấu mũ hay không, cũng đọc y như vậy. Các em nên cố tập đọc cho đúng, y như các cụ ở nhà. Các cụ thì đọc đúng ghê lắm, đúng không kém người miền Bắc.

— Đâu có cô !

— Có! các em cứ về nhà lắng nghe lại thử xem. Các cụ đọc « báu » khác « bảo » « bau » khác « bào » « tay » khác « tai ».

Cứ như thế cho đến hết giờ, học trò ra chơi cả, nhưng Lan cứ ở lại vì phòng giáo sư xa qua, nàng lười đi xuống đo lắm.

Lần này học sinh chơi được mười phút.

Lan nhìn qua cửa sổ bên hữu của nàng, tức là nhìn ra phía sau trường. Vài dãy ruộng khô rồi một xóm nhà, rồi sau đó là rừng. Thì ra chỗ này, riêng chỗ nầy là đất cũ, chớ không phải là rừng mới khoét như ở chỗ cất tỉnh đường. Có lẽ ở đây là một cái làng lâu đời rồi cũng nên, vì các mái tranh ở trong kia mầu xám sậm, và cau ăn trầu mới trồng vài năm. Không thể cao đến thế.

Chi tiết này giúp Lan đỡ buồn, phần nào : Có làng mạc là có người mà có người là có sinh khí.

Học trò lại trở vào lớp. Lan bắt đầu giải nghĩa bài thơ. Sau khi phớt qua về vị trí của bài giảng văn trong tác phẩm của tác giả trong thời đại của tác giả, sau khi nói về thân thế của tác giả, nàng tập các trò đọc đúng giọng :

— Chữ « đong » không có dấu mũ, đọc là « đaong », còn chữ « đòng » có dấu mũ, đọc phải phùng má lên.

Cả lớp đều phùng má, để mà chơi và vài ba cậu xì ra cái hơi bị nhốt trong đó, kêu đánh rẹc một tiếng rồi cả lớp cười rộ lên.

— Im ! Em nào phá ?

Nàng thấy rõ mấy đứa nghịch, nhưng chỉ hỏi cho chúng nó sợ thôi, chớ không định xử án ai cả.

Quả mấy cậu ấy sợ thật, nên nín khe.

— Đong ở đây là đong gạo, à không nên nói tổng quát là lường chất lỏng hay hột, bằng một đơn vị đo lường. Thí dụ : người ta nói « đong gạo », « đong dầu » vân vân...

Các cậu bị chỉnh khi nãy hận lắm. Tự ái của các cậu bị va chạm, các cậu nghe rằng thế, vì các cậu đã sợ cô nữ giáo sư mới này.

Vì vậy mà các cậu quyết trả thù, để tỏ ra với chúng bạn rằng ta đây « không ngán ai hết ».

Những tiếng nhạc khi nãy bắt đầu nổi lên và thước sao mà cứ rơi mãi xuống gạch. Lan hiểu ngay là các cậu định gõ-gạc tự-ái đã bị sứt mẻ. Như vậy, nàng mà hách thì sẽ chạm phải một cuộc đương đầu công-khai vì chắc-chắn là các cậu sẽ không đầu hàng lần thứ nhì. Mà để như vậy thì còn gì trật tự, kỷ-luật và nhứt là tự-ái của nàng.

Mặc dầu thiếu kinh-nghiệm, Lan đã làm đúng cái gì phải làm, trong một trường-hợp như thế nầy :

— Em nào không muốn học hãy đi ra ngoài, để cho các em có thiện-chí được yên-ổn mà nghe tôi.

Câu nói của nàng chưa dứt hẳn thì có hơn hai mươi trò đứng lên, tức là một phần ba lớp học. Lan cắn môi vì nổi giận. Đây là một cuộc phản-đối ra mặt. Nắm vững bao nhiêu trò ngỗ-nghịch nầy, mất ít lắm cũng hai tuần-lễ !

Nhưng nàng cố trấn tĩnh, rồi an lòng được, nàng tiếp-tục dạy, không bận tâm về bọn phiến loạn nữa vì nàng đinh-ninh rằng mình đã hành-động đúng phép. Nàng nhớ ra rằng hồi nàng còn học ở Gia Long, các giáo sư cũng làm thế, mà nghe ra, trường nào cũng làm thế cả.

Người ta không muốn để cho giáo sư mất thì giờ vì những cuộc trừng-trị lôi thôi đối với những đứa đầu bò nên đặt sẵn giám-thị ở các hành-lang để rước lấy những trò bị đuổi ra khỏi lớp mà đối phó với.

Lan tiếp-tục dạy và lần nầy, nàng không có vẻ là một kẻ giảng đạo trong sa-mạc nữa. Những trò còn ở lại ngoan lắm và nghe giảng say mê lắm, với lại hợp-tác với giáo-sư bằng những câu hỏi thông-minh và ngộ-nghĩnh, khiến giáo-sư cứ tiếc rằng chỉ còn có mười phút nữa là hết giờ.

Thình lình có tiếng gõ cửa. Lan nhìn ra thì đó là ông hiệu-trưởng. Ông ấy nói :

— Mời cô Lan ra cho tôi nói chút việc.

Đoạn nhìn học trò, ông căn dặn :

— Còn có tám phút nữa là mãn giờ. Các em phải ngoan. Trò nào lộn xộn trong lúc giáo sư không có mặt, sẽ bị nghiêm-trị.

Lại nghiêm-trị. Thật là mỉa-mai. Nhưng cũng thật là may cho ông hiệu-trưởng vì anh nhạc-sĩ vô hình không còn ở đây nữa !

Lan ra hành-lang thì ông hiệu-trưởng nói :

— Tôi sợ lát nữa cô đi về luôn nên phải làm gián đoạn buổi dạy của cô.

Có non hai mươi học sinh tự do đi phá phách các lớp khác. Bắt chúng điều tra thì mới hay đó là học sinh mà cô đã đuổi ra khỏi lớp, giữa giờ học. Sao cô lại làm thế ? Nhưng thôi, từ rày cô đừng làm như vậy nữa, trật tự ở đây sẽ ra gì ?

— Tôi tin rằng tôi làm đúng lẽ phải. Đối với những trò bất trị, chỉ còn cách ấy thôi. Ông đã quên không khí trung-học rồi à ?

— Đó là phương pháp ở Saigon, mà đây không phải là Saigon. Ta không đủ giám-thị để làm cảnh-sát thì giáo-sư phải kiêm luôn cảnh-sát vậy.

— Trời !

— Cô đừng tưởng chỉ có thế mà thôi đâu. Ở những nơi hẻo lánh như vầy mà ta thiếu mọi phương tiện, giáo sư còn phải kiêm luôn nhiều chức vụ nữa, chẳng hạn...

— Nhưng thưa ông hiệu-trưởng nếu giáo-sư phải kiêm cảnh-sát thì tôi nghĩ trung-ương không nên gởi phụ-nữ đi tỉnh vì phụ-nữ không làm cảnh-sát được.

— Không được cũng phải được, vì đó là chén cơm của ta. Ta không thể yêu cầu trung ương làm việc hợp lý hơn, mà ta cũng không thể để cho kỷ luật đổ nát thì phụ nữ phải cố mà làm đủ thứ việc. Giáo sư thời loạn không thể là giáo sư thời bình.

Ông hiệu trưởng nói xong, xây lưng đi liền.

Con nai vàng ngơ ngác, ngơ ngác nhìn theo ông ta, rồi ngơ ngác mà nhìn cái viễn ảnh ghê rợn của đại dương trách nhiệm của một giáo sư thời loạn : nàng không phải là một nữ sinh viên vào đời một cách bình thường mà là một người lành như Bụt bị xô vào giữa một không khí mà kỷ cương chỉ còn treo bằng một sợi chỉ mong manh. Cứu vãn sự đổ nát là một nỗ lực quá sức người thường. Nàng có phải là một chính khách tài ba đâu !

B.N.L.■

■ nghệ thuật

NHỮNG SỐ TỚI

## TÙY BÚT của mai thảo

VÀO một ngày nào đó, em sẽ trở về, phải thế không em ? Vào một ngày nào đó, anh sẽ tìm thấy ở quê hương cũ của chúng ta, nơi mà em đang cách biệt này đây, những hạnh phúc anh đã mất, phải thế không em yêu dấu ? Anh tin tưởng rằng những gì anh hy vọng sẽ còn ở đó. Anh tin tưởng rằng chút ít sung sướng còn lại, một ngày kia sẽ lớn dần, dàn dụa như nước mắt anh đêm nay trên khuôn mặt nóng bỏng và háo hức. Anh tin tưởng nơi em như kẻ khốn cùng tin tưởng ở chút lương tâm còn le lói nơi nhân loại. Anh tin tưởng nơi em như kẻ tù tội chung thân tin tưởng ngày chính phủ đổ, y được ân xá. Anh tin tưởng nơi em, Cúc Hoa ơi, như tin tưởng mình sẽ không phải đi hết Chín Cửa Ngục lầm than đang chờ đợi. Trên chuyến xe đò về Cholon, xuống Tân An, trên chiếc bắc qua sông Saigon, về Giồng Ông Tố, trên chuyến buýt vào Bình Tây, qua Kinh Tàu Hủ, anh còn nhìn thấy em với khuôn mặt đầy đặn hiền hậu xót thương, anh còn nhìn thấy em với giọt lệ hiếm và trong suốt, với đôi môi chỉ nói điều lành, với tấm thân ấp ủ cho thời rét buốt của đời y khốn nạn. Chính ở quê hương mà anh xa lạ, chính ở nhà xưa mà anh mất tích, chính ở nơi đây mà anh cách xa. Tất cả những điều ấy, tất cả những khổ não ấy cho anh tin ở em, một đêm kia, Cholon, anh sẽ ngã xuống như được ngủ giấc êm ái nhất trong đời. Một đêm kia, Cholon, anh sẽ tan tác trong hoan lạc. Một đêm kia, Cholon, anh sẽ treo cánh tay trên cành thập tự của ái tình. Một đêm kia, em yêu dấu, kẻ lãng mạn sẽ được lùi về thời đại nước mắt, gã tình si sẽ được sống với tương tư, và anh sẽ được tái nhận vào đêm bàng hoàng hạnh phúc, quỳ xuống bên em, nghe đâu đây mở lại cõi đời hồng.

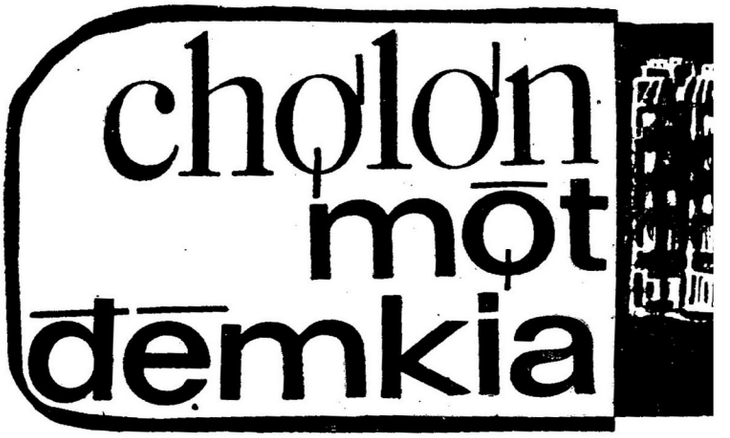


TRUYỆN NGẮN

Khi Cúc đi được sáu tháng, tôi quét dọn nhà cửa đàng hoàng và lấy vợ. Liên lừ mắt nhìn lên trong khi mái tóc thả tràn trề dưới chậu thau bồ kếp bóng đen :

— Anh kỳ lắm. Sao anh lấy vợ ?

— Anh ở không sáu tháng nay.

— Ở building thiếu gì gái chơi bời, việc gì anh khổ thế.

— Anh không thích tụi đó.

— Sì. Tui biết quá mà. Ông lấy vợ là kỳ lắm đó.

Mái tóc nhúng xuống, nổi bồng trong chậu thau. Làn da trắng xanh trên gáy người thiếu phụ cho tôi những nhớ nhung nồng nàn. Và tôi đã lấy vợ. Liên thì không thích thế. Như Cúc Hoa, Liên muốn đời tôi chỉ có một mình. Một mình và quá lắm thì có một đêm được lên lút sống trong khách sạn. Lên lút khi ấy, nhưng vào một lúc nào đó phải kể cho nàng nghe tôi đã làm những gì, đã tội lỗi như thế nào. Có tưởng đến ai trong khi ấy không. Tôi không dấu Liên những việc đó. Đôi khi tôi muốn nói tôi nhớ đến cả hai người họ cùng một lúc. Liên lừ mắt trước mỗi lần tôi định nói như thế. Nàng nhìn thấy trong đầu tôi những hình ảnh lấp liếm gian tham :

— Thôi nghe ! Thôi nghe ! Láo thế !

Tôi sung sướng điên lên nhưng sẽ rời rã sau đó. Tôi sung sướng đã chỉ sống đến đấy với nàng nhưng rời rã cũng vì chỉ tới đấy với nàng. Nhẹ nhẹ đợi nàng đẩy cánh cửa ngăn tôi ra, tôi đứng nhìn từng chút từng chút căn phòng khép lại.

Tôi bị đẩy ra ngoài hành lang và chân tay bắt đầu lúng túng. Khoảng tối kéo suốt hai đầu ngôi lầu, chỉ mở ra qua bốn khung cửa của bốn căn phòng hai bên. Tôi trở xuống bằng chiếc cầu thang nám bụi sền sệt, ra đường.

Vừa lúc ấy chồng Liên về tới. Y nói :

— Có gì lạ không ?

Tôi lắc đầu.

— Lên nhà chơi.

— Tao vừa ở trên ấy.

— Vợ tao có nhà không ?

Tôi gật đầu, tay ngoắc một chiếc xích lô đạp:

— Năm đồng lên chợ Bến Thành

— Thầy cho bảy đồng.

— Tôi vẫn đi có năm đồng

— Tăng giá hết rồi thầy.

Tôi ngồi lên xe, duỗi hai chân thẳng xuống.

— Có gì lạ không — Tôi hỏi người bạn. Y quanh xe vào ngõ, lắc đầu :

— Thường vậy, lên nhà chơi.

— Thôi tao đi có chút việc.

Ở Bến Thành, tôi xuống xích lô và gặp một người Mỹ, làm việc cùng sở. Ông ta tên là Bilchick, và có tên Việt là Nguyễn văn Hồ. Hồ dơ tay chào tôi :

— Đi chơi vui vẻ.

— Vui. Cảm ơn ông. Ông đi đâu đấy ?

— Hả ? Tôi hả ? Tôi vừa đi Huế về.

— À, thế hả, Huế có gì vui không ?

— Vui lắm.

— Ông có xuống thuyền sông Hương không ?

Ông ta cười lớn, cúi gò người xuống :

— Không có xuống thuyền. Tôi có nghe nói

— Gái Huế đẹp không ?

— Đẹp lắm.

— Mê gái Huế chưa ?

— Chưa, chưa mê.

— Thôi tôi đi nhé. Chào ông Hồ.

— Ông đi đâu thế ?

— Tôi lên Saigon.

— Đi có việc hả ?

— Không. Tôi đi chơi.

Tôi gật đầu, băng qua đường.

---

Và rồi anh sẽ gặp em, phải thế không em yêu dấu. Cho dù bây giờ hai ta cách nhau hằng triệu cây số đường vòng, cho dù bây giờ anh háo hức và chán nản, và em thì sống trong một không gian của đời sống rất no đủ, rất thanh bình, rất nhàn hạ, ngày có áo ấm trong trường, đêm có nhạc vũ ngoài phố là Mỹ Châu đó. Anh sẽ gặp em phải thế không, cho dù thân thể anh ngày một hao gầy, tâm trí anh ngày một mòn mỏi, và Quê Hương ta ngày một xa lạ với em, với những người cách biệt. Anh là Á Châu xát da, xát thịt, anh là Á châu thiếu ăn thiếu ngủ, anh là Á Châu ngày thiếu máy lạnh, đêm thiếu điện soi. Anh còn gặp lại em nữa không, Cúc Hoa của đời anh. Anh còn gặp lại em nữa không, khi em thành tài và anh vẫn chỉ suốt đời đeo đuổi một con đường hẹp, con đường có nhiều bạn nhưng ít tình thân. Anh vẫn rất tầm thường để nghĩ rằng nhà cao cửa rộng em với nhà anh lụp xụp là những điều đau khổ tủi thân Anh vẫn rất tầm thường để nghĩ rằng đại úy yêu em vẫn hơn anh binh nhì đêm ngày nâng giấc tận tụy bên giường, dù cho xưa tụi anh là bạn, từng ngồi bàn phiếm với nhau về tình hình thế giới. Cúc Hoa ơi, Chín Cửa Ngục của Diêm cung đằng đằng sát khí, anh sẽ ngoảnh lại chẳng như chàng Orphé đen đủi, để tan tành mộng tưởng trong niềm sợ hãi khốn nạn kia. Hôm nay mưa ở Saigon, mưa của rừng cao su Phú Thọ, mưa của hầm đạn ái ân, và ngày mai sẽ nắng đổi Prenn, sẽ hồng Cholon, sẽ lâng lâng như cõi lòng thơ. Anh hy vọng ôm quanh mình trăm ngàn giấc mộng, anh nôn nao tưởng tượng ngày gã trai trẻ là anh tung tăng đôi chân 18 trên phố phường ruột thịt, dẫu rằng khi ấy anh đã 30 tuổi có dư rồi. Anh hy vọng với nước mắt ràn rụa mỗi đêm khi nghĩ rằng một ngày kia anh sẽ được ôm chặt em để khóc, để cho cuộc đời bất toàn của anh hôm nay sẽ đầy đủ với người bạn đời tri kỷ. Vậy tại sao hôm nay anh lang thang ngoài phố. vậy tại sao hôm nay anh đến Liên, anh gặp Nguyễn văn Hồ tức Bilchick, và anh thả bộ lúc này, không nói đúng những gì anh nghĩ, chưa làm được những gì anh mông.

---

— É Hiệp, lại đây cậu.

— Kìa Trung úy.

— Đ.m, mày quên tên tao rồi sao ?

— Thiệp chộp.

Thiệp nghiến răng xiết tay tôi :

— A ha, ông là Thiệp chộp đây. Nó còn nhớ tôi các cậu ạ.

Thiệp nói với mấy người bạn ngồi cạnh, quanh chiếc bàn sắt lỗ chỗ trên lề một con đường của Saigon tấp nập không nhìn rõ ai đến hai lần vào mỗi chiều thứ bảy. Đám đông lố nhố chầy qua, đổi màu như một giòng nước bần chảy qua sân tiệc.

Thiệp hai mươi sáu tuổi, tám năm trước sống cùng tôi bên trường đua Phú Thọ, trong một dẫy nhà hoen ố. Mùa mưa tới, dẫy nhà nổi lên, rác rưởi của đô thành đổ xuống, dẫy nhà trôi nổi lênh bênh. Thiệp tưởng là mình sẽ thua nhiều mách ở đời, và đã chộp nhiều mách khác, để trừ nợ trước. Thiệp đã chộp nhiều con chó thả rông quanh trường đua bằng một sợi giây thòng lọng ngắn, với điệu bộ của một tay chăn bò miền Texas bắt ngựa hồng hoang. Nhưng Thiệp không cưỡi bò mà ngồi sau xe đạp của một người bạn, cứ ví dụ là tôi, dù tôi không biết ăn thịt chó, dù tôi sinh ra ở đồng bằng Bắc Việt. Thiệp đã chộp những canh xóc đĩa ngửa thay vì phải xấp, đã chộp một người đẹp thay vì phải xỉn, dù rằng lúc ấy mưa rào rào, và ở cuối một con ngõ ngoằn ngoèo. Tôi không biết Thiệp đã chộp những gì nữa kể từ khi tôi cách biệt hẳn. Nhưng cái tâm trạng của một kẻ cho rằng mình sẽ thua ở đời đã dạy Thiệp phải thắng trước khi đánh. Triết lý chộp trước của Thiệp có từ năm y 18 tuổi và Thiệp chộp con chó thả rông không phải vì nó là con chó, mà vì nó sẽ là con ngựa hoang dã ngoài cánh đồng bát ngát, mà vì Thiệp sẽ là kẻ chiến đấu cho lòng tự tin, tự lập.

— Hiệp, mầy nhớ thằng Sinh không ?

— Sinh nào ?

— Sinh Xóc Đĩa.

— Nhớ.

— Nó chết rồi.

Vậy ra cái thằng gầy gò ấy đã chết Sinh học gạo số một, ăn rất ít, mặc không tốn, và chỉ sống có thế.

— Nó đi lính đánh thắng lấy lừng. Rồi nó lấy vợ.

— Thế à, đứa nào vậy ?

— Một cô học trò của nó, Chính vì có vợ mà nó chết.

Tôi châm một điếu thuốc uống một ngụm bia để chờ nghe. Thiệp kể:

— Vợ nó sinh, đánh điện tín cho chồng. Thằng chó vội xin một cái phép 3 ngày và giữa đường thì pằng pằng pằng.

Thiệp dốc bia, kể thêm ;

— Vợ nó lúc ấy còn nằm trong nhà hộ sinh, thằng nhỏ giống nó lắm mày ạ Con ra đời không biết mặt bố đấy.

---

Em yêu dấu của đời anh, em cũng từng nghe anh kể về bạn bè anh, về Thiệp chộp, về Sinh Xóc Đĩa, về những thằng con trai lớn lên trong một nhà tạm trú khi chúng anh rời quê hương vào đây. Bình Cự đã có sáu con cách đây hai năm, hiện làm Tổng Giám Thị một mỏ than ngoài miền Trung Anh H hiện nay đã có cử nhân hai về triết, anh Ánh đã thành hôn với chị Văn, mở một nhà bán nhạc cụ ngày lãi 3000 đồng, Liễu đã chết vì phá thai lần thứ hai, anh Thọ đi biểu tình và hội thảo, Loan đã chết vì tai nạn xe hơi, Hùng được bổ dạy Triết ở một trường trung học miền Tây. Và Đ thất nghiệp Anh đã kể em nghe tất cả. Những

# VIÊN LINH

gì đã xảy ra trên quê hương từ khi em xa cách. Những năm vừa qua thật nhiều chuyện quá. Anh không kể những chuyện lớn vì chắc em đã biết cả rồi. Những cuộc đảo chính, một cuộc cách mạng, những trận đánh lớn, những hiện tại của Chiến Tranh và viễn ảnh của Hòa Bình. Em cũng đã biết tin về thiên tai bão lụt, nhưng không lẽ anh phải kể cho em nghe cả những người chết không phải là bạn mình, những trẻ ra đời không phải là con cháu của mình. Những kẻ thắng không phải là họ hàng mình. Không lẽ anh phải kể cho em nghe Saigon có thêm mấy trăm cái building, mở thêm bao nhiêu con phố, giải tỏa mấy con đường, đóng cửa mấy tờ báo, khai trương bao nhiêu Night Club, lập thêm bao nhiêu đài, phá đi từng nào tượng. Riêng tượng chiến sĩ trận vong của Pháp ở công trường Duy Tân thì anh phải kể cho em nghe, vì nơi ấy có liên quan tới chúng ta, vì anh đã từng hẹn em ở đó, vì em đã từng khóc ở đó, vì em hân hoan tươi thắm ở đó mỗi khi đi bộ dưới vòm cây xanh mát của lá me lăn tăn dưới dượi. Vì em thích ở đó nhìn lên mái nhà thờ chính Saigon. Em có biết ai đã dự phần phá đài chiến sĩ ấy không ? Anh Y đấy. Anh Y đã từng tặng em nhiều đóa hoa hồng, nhiều cánh thiếp giáng sinh, nhiều món quà lạ mắt. Anh Y đấy, bây giờ anh ấy làm chính trị, với tâm thành là muốn làm một cái gì cho thanh niên Vietnam, cho đất nước đang đau khổ, nhưng con người ấy nhu nhược lắm. Mà thôi nhé, anh không muốn nói tới chuyện này, anh kết luận : muốn làm cho tốt xã hội, chúng ta phải là cán bộ trước đã. Và chúng ta phải khổ với những cái servitudes chó má ở đời.

---

— È cậu, vợ con chưa ? Thiệp hỏi tôi.

— Rồi, một vợ một con

— Đ.m, bộ muốn mấy vợ mấy con hả ?

Tôi cười hề hề, tự mình nghe ra có vẻ đểu cáng. Tôi bắt qua những chuyện khác để hỏi người bạn cũ. Y kể huyên thuyên này nọ tôi không thể nhớ hết. Tôi chỉ kịp cười hì hà theo câu chuyện của y. Khi từ giã Thiệp, trời đã tối. Với những ngọn đèn đường ố vàng tôi muốn trở về nhà với vợ con, song chân bước hoang mang và lòng nhẹ tênh như bình khí rỗng.

— È xích lô — tôi bỗng kêu.

— Đi đâu cậu ba ?

— Cứ việc đi coi.

Chiếc xe chạy xuôi, đưa tôi về nhà Liên. Lên gác, gõ cửa, Liên kêu lên:

— Say mèm à.

— Chút xíu. Đi chơi với anh, Liên.

— Tối rồi.

— Thì tối, ăn thua gì. Tối trời anh buồn lắm.

— Xin xỏ tui đấy hả ?

— Thì cứ coi như vậy, được hông ?

— Hông

— Thôi được đi, mặc đồ đi vào Cholon với anh.

— Cholon hả — Liên reo, nhảy cỡn — Thế còn thằng chồng của tui thì sao ? Nó vừa đi nhưng sẽ về ngay đó.

— Kệ nó em.

— Dủ dê vợ người ta, coi chừng à!

Tôi bàng hoàng, nhưng lặng lẽ một mình. Một lát, tôi nói :

— Không nên nói thế, có người nghe thấy lại hiểu lầm chúng mình. Chẳng có gì hơn, phải không Liên ?

— Dạ.

Liên dạ ngon và bình thản mặc áo dài. Chiếc áo dài hàng đen chấm gót. Chúng tôi xuống thang, ra đường. Đêm mở mắt hoàn toàn, cuộc sống thao thức và lặng lẽ. Chẳng có gì hơn, chẳng có gì hơn. Thật vậy.

Tôi đưa Liên vào một ngõ hẻm đường Tổng Đốc Phương, nơi bán đủ các thứ chim đồng chim núi. Những con chim lớn xếp cánh ủ rủ, và những con chim nhỏ nghiêng hếch cái đầu luôn luôn dò chừng. Đôi tiếng hót tê nhạt, vài tiếng cánh lách chách. Liên không thích chim như Cúc Hoa. Đành vậy, thử dẫn nàng lên Cầu Ba Cẳng.

— È ông, đưa tôi đi đâu vậy ?

— Anh đưa em tới một chốn hẹn hò,

— Sì, tỉnh đi, say hoài.

Những bậc thang gạch dẫn lên cao, thấp thoáng hai bên hàng rào cong cong. Từ chính giữa nhìn xuống, Chợ Lớn là con kinh đen máng những chiếc thuyền xám xịt mờ đôi mắt đầu cá, con phố xe đò chạy băng băng, tiếng dộn dịp đều đều.

— Em thấy không. ngôi lầu rất cao kia, đó là nhà Cúc.

— Đi với tôi đừng nhớ đến ai khác, tôi về bây giờ cho mà xem.

— Đây là quê hương của Cúc Hoa. Đêm nay em phải là Cúc Hoa.

— Giả dụ như thế rồi sao nào?

— Anh sẽ đưa em đi dạo những con phố lát đá, xem những cột đèn cổ cong vuông mái, gặp những người lạ mặt hoàn toàn.

— Chỉ có thế thôi à ?

— Em còn muốn gì nữa : Nơi đây toàn dân Tầu, toàn những người xa lạ. Dễ chịu biết bao nhiêu.

— Không có gì nữa à ?

— Có. Anh yêu em. Anh sẽ yêu em. Anh sẽ yêu em giữa những người không bao giờ biết ta là ai hết.

Nàng mỉm cười ngó xuống chân thành phố. Mái tóc bay, tà áo cuốn, tấm thân đu đưa. Tay tôi ôm riết thanh sắt lan can. Tôi nói nữa :

— Anh sẽ yêu em bất cứ bao giờ cho đến khi em xua đuổi anh.

— Tôi la lên bây giờ.

— La đi,

---

Em yêu dấu của lòng anh, anh đã đi tìm em ở từng con phố, trên mỗi tàng cây, dưới giòng nước hắc ám, qua khuôn mặt bạn bè thân thuộc. Anh chỉ thấy em ở nơi nào vắng bóng tất cả. Anh chỉ thấy em khi đưa em về Cholon, không gian nào khác chỉ là những trắc diện giả hình. Vậy thì quê hương là phải gắn liền với anh, với em : sống đời nó là chia ly với mình. Vì vậy mà Chín Cửa Ngục khi cần qua cứ qua, năm giác quan khi cần đổi phải đổi, tấm thân này khi cần hóa là hóa : Tất cả để mình sống lại, tất cả để sống lại mình. Vĩnh biệt em, em yêu dấu. V.L.

---

## hai bài thơ về tình yêu thạch chương

### 1. Trăng Xanh

*Đêm bỏ tù tê hơn*
*đêm giam một mình*

*Công viên đại lộ lẻ loi*
*sương tra tấn tóc rủ rượi*
*cỏ vai quyến rũ*
*ngực đồi gợn mướt hai bàn tay*

*Người không thành trì người yếu đuối*
*đêm bao vây đêm làm thinh*
*Người không hào lũy người bại trận*
*giọt lệ rơi như trái phá*
*đôi mắt phóng như mũi tên*
*môi lửa*
*quàng tay xích*
*tràng cười ô-buy*

*Anh đầu hàng tôi đầu hàng nó đầu hàng*

### 2. Sặc Sỡ

*Đôi chân dài cong mềm*
*óng ánh mơn dục vọng*
*sặc sỡ ôi tình yêu ban đêm*
*trên giường*

*Hồ cầm da diết hai giờ khuya quán mù*
*người kéo hồ cầm di cư*
*tiếng đàn dướn lên không bay mất như chim*
*như giây phút*
*hay chính chim rơi vào đáy cốc*
*vào xoáy mắt em chờ đợi*
*hay bay đi với em cùng hơi thở*
*như cây cối lùi sau đáy gương xe hơi*
*như hồ cầm trên vai anh rực rỡ*

*mỗi giọng đàn lên một nỗi nhớ*
*da diết nỉ non*
*như chim én đi trốn mùa đông*
*et chacun de nous passe et repasse, traquant*
*inlassablement sa chimère, la tête*
*en calebasse au bout de son bourdon*

*Đôi chân dài cong mềm tình yêu cháy sặc sỡ*

*Như hoa lá cần ánh sáng mặt trời*
*như anh cần hơi thở ngực em*

*Em đừng nhìn đồng hồ*
*hãy ngó ngoài đêm trời đang mưa*
*em đừng nhìn đồng hồ*
*hãy đốt môi bằng lửa sưởi tay bằng hơi thở*
*bởi mỗi giây phóng tới tim anh là mũi tên độc*
*vạn em đừng nhìn đồng hồ*
*bởi thuốc độc làm máu đen bất cứ lúc nào*
*em hãy nghe giây phút ở đầu ngón tay*
*ở độ thuốc lá ở mực cà phê ở quãng xê*
*dịch lọ đường*
*từ em sang anh ở đàn chim bay đi từ hồ*
*cầm ở những giọt nước mắt ô-buy*
*tình yêu sặc sỡ hai bàn tay*

*cái hôn cuối cùng hơi thở tóc rối*
*đùi la tím bầm la tím bầm*
*cái hôn cuối cùng thịt da sặc sụa gáy*
*nõn mắt nổi lửa em em ơi mạng sườn xanh*
*xanh lam*
*hai hố mắt xâu ngòm họng pháo hồn anh*
*day dứt những hàm răng cửa sổ trời trong*
*họng pháo đen họng pháo đen hồn anh xâu*
*thẳm cái hôn cuối cùng ngực nổ họng pháo*
*đen hôn trời cây nắng mây biển mắt gió núi*
*âm trong hồn cười rực rạo cho nên lần cuối*
*cùng anh cắn môi em chảy ra máu là hoa rỏ*
*trên cát vàng là hồn anh phía bên kia.*

*đầu*
*họng*
*súng*

# anh meaulnes

nguyên tác của
**ALAIN-FOURNIER**
**mặc đỗ**
dịch

## 2

TRONG khi mọi người im lặng chăm chú nghe, ông lên tiếng hỏi :

— Ngày mai ai muốn cùng François đánh xe ra ga đón ông bà Charpentier?

Đó là ông bà tôi. Cụ Charpentier hay khoác một chiếc áo choàng bằng len xám, hồi trước cụ làm khán lâm, nay đã về hưu, đầu đội một chiếc mũ làm bằng lông thỏ cụ quen gọi là chiếc mũ lưỡi trai... Tụi trẻ nhãi đều biết cụ. Mỗi sáng rửa mặt cụ kéo ở giếng lên một thùng nước, rửa mặt bì bõm như các ông lính già, tay vuốt nhè nhẹ chòm râu. Lũ trẻ con vây chung quanh hai tay cắp sau lưng, ngắm nghía ông cụ một cách tò mò, cung kính... Lũ trẻ cũng biết rõ cụ bà Charpentier, một bà cụ quê mùa, bé nhỏ, đầu trùm chiếc khăn bằng len đan, vì Millie, mỗi lần bà cụ tới chơi, đều dẫn ít nhất một lần tới ngồi chơi trong lớp những học trò nhỏ.

Năm nào cũng vậy, mấy ngày trước lễ Giáng sinh, chúng tôi ra ga đón ông bà đến bằng chuyến xe lửa bốn giờ hai mươi. Mỗi khi tới thăm gia đình tôi, hai cụ phải băng ngang qua lãnh thổ của quận, đem theo nhiều bao hạt dẻ cùng những món ăn nguội dành cho đêm Giáng Sinh bọc trong những mảnh vải. Hễ hai ông bà tôi đã bước qua ngưỡng cửa, mình bận kín quần áo ấm, bộ tươi tỉnh và có đôi chú hoảng hốt, là các cửa được đóng kín, thế là bắt đầu một tuần lễ đầy những thú vui...

Cùng với tôi đánh xe đi đón ông bà tôi cần một người cẩn thận không làm lật up xe với chúng tôi xuống hồ, đồng thời phải hiền lành một chút vì cụ ông Charpentier hay chửi thề lắm còn cụ bà tính lại hay nói.

Đáp câu hỏi của ông Seurel có một chục cái miệng cùng la :

— Anh Meaulnes ! Anh Meaulnes!

Nhưng ông Seurel giả đò không lên tiếng.

Bọn họ lại la :

— Fromentin !

Bọn khác :

— Jasmin Delouche !

Thằng con trai nhỏ nhà ông Roy, thằng bé vẫn hay ra đồng cỡi trên lưng một con lợn nái phóng nước đại, cất tiếng the thé la : « Tôi ! Tôi ! »

Dutremblay và Moucheboeuf thì chỉ rụt rè đưa tay lên.

Riêng tôi thì mong anh Meaulnes được cử đi. Chuyến đi ngắn bằng xe lửa có thể trở nên một biến cố quan trọng. Anh xem ra cũng thích đi nhưng làm bộ im lặng, lừng lờ. Lũ học trò lớn đều ngồi đại lên bàn, quay mặt trở lại, chân dậm trên ghế, như kiểu chúng tôi vẫn ngồi những khi có dịp được mặc sức vui chơi. Coffin đã xắn gọn áo ngoài, vạt cuộn tròn giắt ở lưng quần ôm lấy cây cột sắt chống thanh xà ngang ở trên đầu lớp học bắt đầu leo lên ra vẻ khoái chí lắm. Nhưng ông Seurel đã làm mọi người chưng hửng khi ông nói :

— Thôi được, để Moucheboeuf đi.

Ai nấy lẳng lặng lui về chỗ ngồi.

Lúc bốn giờ chiều, tôi với anh Meaulnes chỉ có hai người đứng ở giữa cái sân rộng gió lạnh, mặt đất soi lở vì mưa. Cả hai người im lặng đứng ngó dãy phố bóng loáng nước mưa đang bắt đầu khô nhờ những cơn gió. Lát sau, thằng Coffin, đầu bịt mũ, tay cầm mẩu bánh mì, ở nhà nó bước ra, đi men theo bờ tường, vừa đi vừa huýt sáo, tới trước cửa nhà ông đóng xe. Anh Meaulnes mở cánh cổng lớn, lên tiếng gọi nó, rồi cả ba chúng tôi lủn vào trong cửa hàng ấm áp, ánh sáng đỏ ối, thỉnh thoảng lại có những cơn gió lạnh buốt thổi vào : Coffin với tôi ngồi bên lò than, chân đầy bùn dắm lên mớ vỏ hào trắng bong ; anh Meaulnes hai tay thọc trong túi, lặng lẽ đứng tựa lưng bên cánh cửa ra vào. Thỉnh thoảng có một bà trong làng ở nhà ông hàng thịt về đi ngang ngoài phố, đầu cúi xuống vì đi ngược gió, chúng tôi lại hếch mũi lên ngó xem ai.

Không ai nói chi hết. Ông thợ đóng móng ngựa và chỉ thợ bạn, người kéo bễ, người rèn cục sắt, bóng của họ rọi lên tường rất lớn, cử động ngập ngừng... Tôi nhớ rõ buổi chiều hôm đó là một buổi chiều hệ trọng lắm trong thời niên thiếu của tôi. Trong tôi hòa trộn vừa sung sướng vừa e sợ : tôi sợ rằng anh bạn tôi chẳng cướp mất của tôi nỗi vui bé nhỏ được ra ga bằng xe ngựa. Tuy nhiên, dù chẳng dám nói ra, tôi lại mong đợi ở anh ta một vụ gì thật lạ lùng nó làm đảo lộn hết thảy.

Thỉnh thoảng công việc điều hòa, bình thản trong cửa hàng lại tạm ngưng một lát. Ông thợ đóng móng thả chiếc búa nặng đập từng cái đều và ròn xuống mặt đe, đưa cục sắt đã rèn tới gần tấm da khoác ngoài áo mà ngắm. Rồi, ngẩng đầu lên, ông nói để có dịp thở một chút :

— Thế nào, các cậu ?

Chú thợ bạn, một tay vẫn đưa lên cao nắm sợi xích kéo bễ, tay trái chống nạnh, ngó chúng tôi mà cười.

Rồi công việc ồn ào, âm ỹ lại tiếp tục.

Trong một khoảng ngưng lại đó, qua khung cửa tự động chúng tôi trông thấy Millie ôm mấy gói đồ đi ngang ngoài gió lạnh, mình quấn trong một chiếc khăn len.

Ông thợ đóng móng hỏi :

— Có phải cụ Charpentier sắp tới chơi không ?

Tôi đáp :

— Vâng, đến mai, cùng với bà cháu ; cháu sẽ đem xe đi đón vào chuyến tàu bốn giờ hai mươi.

— Chắc lấy xe của Fromentin.

Tôi vội đáp :

— Không ạ, xe của ông Martin.

— Ồ, nếu thế lắm chuyện ngạc nhiên đấy nhé.

Rồi hai người, cả ông chủ lẫn chú thợ bạn, cùng cười lên.

Cho có câu nói, chú thợ bạn chậm rãi nhận xét :

— Lấy con ngựa của nhà Fromentin có thể đi đón ngay tận Vierzon. Xe lửa ngưng ở ga đó tới một giờ đồng hồ. Cách đây có mười lăm cây số. Mình đón về tới nhà rồi chưa chắc đã thắng xong con lừa của nhà Martin.

Ông chủ nói :

— Con ngựa cái đó hay thật !

— Tôi tin chắc là hồi thì lão Fromentin cho mượn liền.

Mẩu chuyện chấm dứt ở đó. Rồi cửa hàng lại trở thành một nơi đầy những tiếng động và những tia lửa tung tóe, nơi mà ai nấy chỉ nghĩ tới mình.

Nhưng lúc tới giờ về tôi đứng dậy ra dấu cho anh Meaulnes, thoạt tiên anh không thấy tôi nữa. Tựa lưng vào cánh cửa, đầu hơi ngả xuống, anh xem như đang mãi nghĩ tới mẩu chuyện vừa nói. Nhìn anh lúc đó đang suy nghĩ lung, con mắt ngó mấy người ung dung làm việc như ngó qua hàng dậm dầy sương mù, tôi bất chợt nghĩ tới tấm hình trong truyện *Robinson Crusoé* tả cậu thiếu niên người Anh, trước khi khởi cuộc viễn du, « thường tới chơi cửa hàng một ông thợ đan mây »...

Từ sau đó, tôi lại vẫn thường nghĩ vậy.

Hôm sau, lúc hai giờ chiều, giữa khung cảnh tuyết băng, lớp Cao Đẳng trong sáng như một chiếc thuyền ở giữa đại dương. Không ai ngửi thấy mùi nước mắm hay mùi dầu hắc như ở trên một chiếc thuyền đánh cá, nhưng có người thấy mùi cá mòi nướng ở trên mặt lò và mùi len cháy khét do những người mới đến tới sưởi nóng ở gần lửa quá.

Vì gần tất niên cho nên vở thi được phân phát cho học trò. Trong khi ông Seurel viết trên bảng đầu bài toán đố, lớp học không hẳn im lặng, thỉnh thoảng có lẫn tiếng nói chuyện thì thào, bị cắt ngang bằng những tiếng la nho nhỏ đứt quãng và những tiếng đầu của một câu nói nửa chừng để dọa người bạn ngồi cạnh :

— Thưa Thày, anh...

Ông Seurel vừa chép đầu bài toán đố vừa nghĩ tới chuyện khác. Đôi lúc ông quay lại ngó tất cả mọi người bằng con mắt vừa nghiêm nghị vừa lơ đãng. Những lúc đó tiếng ồn ào âm ỹ chợt ngưng bặt một giây để rồi lăn lần lần, nhè nhẹ, tiếp tục, giống như tiếng con mèo khò khè vậy.

Riêng tôi, ở giữa đám ồn ào đó, tôi nín lặng. Ngồi ở đầu một bàn thuộc lớp nhỏ tuổi, ngay gần khung cửa kính, tôi chỉ cần nghiêng lên một chút là ngó thấy ngoài vườn, dòng suối ở cuối vườn, rồi cả khu cánh đồng.

Thỉnh thoảng tôi khẽ nhổm lên và lo ngại ngó về phía trại La Belle-Etoile. Ngay đầu giờ học tôi đã nhận thấy anh Meaulnes sau buổi nghỉ trưa không trở về lớp. Người bạn ngồi cùng bàn với anh chắc cũng đã nhận thấy thế. Mãi làm bài thi, anh ta chưa nói chuyện đó ra : Nhưng đến lúc anh ta xong bài, tin đó sẽ được truyền đi khắp lớp, và đúng lệ thường sẽ có một người không quên nói to lên những tiếng đầu một câu như :

— Thưa thày, anh Meaulnes...

Tôi biết rằng Meaulnes đã đi khỏi. Đích xác hơn nữa, tôi nghi rằng Meaulnes đã trốn đi. Liền sau khi ăn trưa xong, anh đã trèo qua tường rào thấp, đi tắt cánh đồng, lội qua suối chỗ trại Vieille-Planche, để tới trại La Belle-Etoile. Anh chắc đã hỏi mượn con ngựa để đi đón hai cụ Charpentier. Lúc này anh đang nhờ thằng yên cương đây.

Trại La Belle-Etoile ở phía kia, bên sau dòng suối, ở trên sườn đồi, trại đó lớn lắm, mùa hè, những cây sồi, cây du cùng những hàng dậu rậm lá che kín hết. Trại nằm trên một con đường nhỏ một đầu nối với con đường lộ đi về phía ga, đầu kia đưa tới một khu phố ở ngoài làng. Chung quanh có bao bọc bằng những bức tường cao có những trụ ốp chân đụng tới hố phân, ngôi nhà gạch lớn kiểu phong kiến cứ vào khoảng tháng sáu là bị cây lá che kín. Từ bên trường, mỗi tối đến, chỉ nghe thấy tiếng xe chạy lọc cọc cùng với tiếng la của những người chăn bò. Nhưng hôm nay,

ngó qua khung kính cửa, tôi trông thấy giữa đám cây trụi lá, bức tường cao màu xám bạt bao quanh sân, khung cửa ra vào lớp, và giữa từng đoạn hàng rào, một dãy đường băng đóng trắng xóa, chạy song song với dòng suối, đưa tới con đường lộ đi tới ga.

Trong khung cảnh mùa đông trong sáng này mọi sự vẫn y nguyên. Chưa có gì đã thay đổi hết.

Ở đây ông Seurel đang chép gần xong bài toán đố thứ hai. Lệ thường ông vẫn cho ba bài. Nếu, tình cờ, hôm nay ông chỉ cho có hai bài... Liền sau đó ông sẽ quay lên ngồi ở bàn viết và sẽ nhận thấy sự vắng mặt của anh Meaulnes. Ông sẽ sai hai học trò nhỏ đi lùng kiếm anh ta trong khắp phố, chắc chắn chúng sẽ tìm ra được anh trước khi đóng xong con ngựa cái vào xe...

Chép xong bài toán đố thứ hai, ông Seurel thả cánh tay mỏi xuống một lát... Rồi — nhẹ nhõm cho tôi biết bao ! — ông bắt đầu xuống hàng và vừa chép vừa nói :

— Còn bài nầy thì dễ như trò trẻ con !

...Hai gạc đen nhỏ vượt cao quá tường ở trại La Belle-Etoile, chắc hẳn đó là hai cái càng xe đề dựng lên, đã biến mất. Tôi tin chắc là ở bên đó người ta đang sửa soạn cho Meaulnes đi. Kìa con ngựa cái đang thò đầu và cổ ra ở giữa hai cái trụ vuông ở bên cổng, nó đứng khựng lại ý hẳn ở phía sau xe người ta đang buộc hàng ghế thứ hai để dành cho khách mà Meaulnes bảo rằng anh đi đón về. Sau hết cả xe lẫn ngựa từ từ ra khỏi sân, biến mất một lát sau hàng dậu, rồi lại vẫn từ từ như vậy hiện ra ở đầu con đường trắng xóa nhìn thấy rõ ở giữa hai đoạn hàng rào. Khi đó tôi nhận ra ở bóng người bận quần áo đen cầm cương ngựa, một khuỷu tay lơ đãng chống vào thành xe, anh bạn Augustin Meaulnes của tôi.

Lát sau tất cả đều biến mất sau hàng dậu. Hai người dân ông đứng ở cổng trại La Belle-Etoile ngó theo chiếc xe chạy đi bây giờ đang bàn soạn với nhau có vẻ ngày càng hăng. Sau, một người bèn đưa tay bắt loa lên miệng gọi Meaulnes, rồi chạy mấy bước trên con đường nhỏ đuổi theo xe... Nhưng khi đó, trên chiếc xe đang từ từ tiến về phía nhà ga, nếu ta đứng ở con đường nhỏ đã thấy khuất dạng, Meaulnes bỗng đổi thái độ. Một chân đưa ra phía trước, người đứng thẳng như kiểu lái xe chạy đua thời La Mã, hai tay tung dây cương, anh thả cho ngựa chạy nước đại, thoáng đã biến mất ở sau ngọn dốc. Trên đường nhỏ, người vừa lên tiếng gọi thôi không chạy theo nữa ; còn người kia thì vội chạy qua cánh đồng, dường như chạy về phía trường chúng tôi.

Mấy phút sau, đúng lúc ông Seurel rời khỏi bảng đen đang phủi tay cho sạch phấn, đúng lúc mà từ cuối lớp có ba tiếng nói đồng thời la lên :

— Thưa Thầy, anh Meaulnes đã bỏ đi !

Người bận áo ngoài màu xanh tới trước cổng trường, đẩy vội cánh cửa mở toang, rồi ngã mũ và hỏi ngay từ bực cửa :

— Xin lỗi ông, có phải ông cho phép cậu học trò đó tới mượn xe để đi Vierzon đón hai cụ không ạ ? Chúng hơi khả nghi..

Ông Seurel đáp :

— Đâu có !

Liền đó cả lớp học trở nên náo động ghê gớm. Ba người ngồi đầu hàng, ngay gần lối cửa ra, vẫn có nhiệm vụ lấy đá ném đuổi những con dê, con lợn vào trong sân gặm những bồn hoa *corbeilles d'argent*, chạy xồ ra cửa. Tiếp theo tiếng guốc có đóng cá sắt của chúng nện mạnh trên sàn gạch là tiếng bước vội nhưng không âm vang trên nền cát ngoài sân cùng tiếng chân trượt kéo lê đi, khi chúng vòng lại để ra đường phía cánh cửa sắt nhỏ. Những học trò còn lại ở trong lớp chen chúc nhau ở các khung cửa sổ mở ra sân. Có đứa lại trèo hẳn lên bàn để nhìn cho dễ...

Nhưng đã chậm quá rồi. Anh Meaulnes đã trốn thoát. Ông Seurel bảo tôi :

— Con cứ ra ga với Moucheboeuf. Meaulnes nó không biết lối đi Vierzon, gặp ngã tư sẽ bị lạc đường. Nó không đón kịp chiếc xe ba giờ đâu.

Đứng trước cửa lớp học trò nhỏ, Millie nghển cổ lên hỏi :

— Có chuyện gì thế ?

Ngoài phố mọi người bắt đầu tụ họp lại để bàn tán. Bác nông dân vẫn còn đó, im lặng, lỳ lợm, tay cầm mũ, giống như một người tới đòi được xử kiện.

## CHƯƠNG THỨ NĂM

Khi tôi đã đón ông bà tôi ở nhà ga về, khi sau bữa ăn tối, ngồi trước lò sưởi cao, ông bà tôi bắt đầu kể từng chi tiết về những chuyện đã xảy ra từ kỳ nghỉ hè trước, tôi chợt nhận ra rằng tôi không để tai nghe ông bà tôi nói.

Cánh cổng sắt nhỏ ở ngoài sân rất gần với cửa ra vào ở phòng ăn. Mỗi khi mở ra có tiếng cọt kẹt. Thường thường, vào lúc tối, khi chúng tôi thức nói chuyện, tôi vẫn bí mật đợi nghe tiếng kẹt cửa. Tiếp theo là tiếng guốc bước lên hay chùi đất trên bực cửa, đôi khi lại có tiếng thì thào như có ai bàn bạc gì trước khi vô nhà. Rồi có tiếng gõ cửa. Đó là một ông hàng xóm, hay các cô giáo, hay một người quen nào tới làm vui buổi thức đài.

Nhưng tối hôm đó tôi chẳng còn hi vọng gì từ ngoài tới vì bao nhiêu những người tôi yêu mến đều đã tụ họp trong nhà ; ấy thế mà tôi vẫn không ngớt lắng nghe mọi tiếng động trong đêm khuya và ngóng đợi có ai mở cánh cổng.

Ông tôi ngồi đó, với cái vẻ bù xù của một người chăn chiên to lớn ở Gascogne, hai bàn chân đặt nặng ở trước mặt, cây gậy kẹp vào giữa đùi, lưng cúi xuống để gõ mạnh chiếc tẩu vào gót giầy. Bằng cặp mắt hiền từ và ướt, ông tỏ vẻ đồng ý với những lời bà tôi kể về chuyến đi này, về đàn gà của bà, về lối xóm ở nhà quê cùng là những người chưa trả hết tiền lính canh. Nhưng tôi chẳng làm tai nghe.

Tôi đang tưởng tượng nghe thấy tiếng cổ xe chợt đậu ở trước cổng. Meaulnes từ trên xe nhảy xuống và bước vô nhà như không có chuyện gì xảy ra cả... Hoặc không chừng anh đưa con ngựa cái về trả bên trại La Belle-Etoile đã ; rồi tôi nghe thấy tiếng chân anh gõ vang trên đường và cánh cổng mở ra...

Nhưng không có chi hết. Ông tôi chăm chú ngó về phía trước mặt, hai vành mi chớp chậm chậm coi bộ sắp buồn ngủ. Bà tôi lúng túng nói nốt câu cuối cùng mà chẳng ai nghe. Sau cùng bà tôi hỏi:

— Có phải cả nhà đang lo về cậu bé ấy không ?

Quả vậy, khi tới ga tôi ra sức hỏi mãi bà tôi về anh. Bà không trông thấy ai giống như anh Meaulnes, khi xe ngừng ở Vierzon. Chắc hẳn anh bạn tôi đã nhởn nhơ ở dọc đường. Dự định của anh thế là hỏng. Khi ngồi trên xe trở về nhà, tôi ngẫm nghĩ mãi về vụ thất vọng này của tôi, trong khi bà tôi nói chuyện với Moucheboeuf. Trên mặt đường băng đóng trắng xóa, có những con chim nhỏ bay quanh chân con la đang chạy bước một. Thỉnh thoảng, trong sự êm tịnh của một buổi chiều lạnh giá, vang lên tiếng gọi từ xa của một cô gái chăn chiên hay tiếng một thằng nhãi nào gọi bạn từ đồi thông này qua đồi thông khác. Cứ mỗi lần như vậy tiếng gọi kéo dài trên những sườn đồi vắng vẻ lại khiến cho tôi phải giựt mình, khác nào có tiếng anh Meaulnes gọi tôi đi xa theo anh...

Trong khi tôi hồi tưởng lại như vậy thì tới giờ đi ngủ. Ông tôi đã vào trong căn phòng sơn màu đỏ, căn phòng vừa làm phòng ngủ vừa làm phòng khách, ẩm thấp và giá lạnh vì bị đóng kín giữa mùa đông trước tới giờ. Trước khi để ông tôi tới ở tại căn phòng đó những bao bằng dăng ten bọc trên tấm tựa lưng ở các ghế bành đều được bỏ ra, những tấm riềm cửa đều được vén lên và mọi món gì dễ đổ vỡ cũng được đem cất đi. Ông tôi đặt cây gậy trên một chiếc ghế. đôi giầy chắc chắn để dưới gậm một chiếc ghế bành ; ông vừa thổi tắt ngọn đèn, còn chúng tôi đều đứng dậy chúc nhau ngủ ngon và sẵn sàng ai nấy đi ngủ, chợt có tiếng xe làm chúng tôi ngưng bặt.

Tưởng như có hai cỗ xe từ từ chạy thec nhau, nước ngựa thật chậm. Bước xe chậm lại nữa rồi ngừng hẳn ở bên sổ phòng ăn mở ra đường nhưng đã đóng bít lại.

Cha tôi cầm lấy cây đèn, không ngần ngừ mở cánh cửa ra vào đã khóa kỹ. Rồi đẩy cánh cửa sắt, ông bước xuống những bực cửa, đưa cao cây đèn lên trên đầu để xem có chuyện gì xảy ra.

Đúng là hai chiếc xe đậu tại đó, con ngựa của xe sau được cột vào phía sau cái xe trước. Một người trên xe nhảy xuống, bộ ngập ngừng... Ông ta tiến lại gần hỏi :

— Có phải đây là tòa xã trưởng ? Ông làm ơn chỉ cho tôi nhà ông Fromentin, làm tá điền tại trại La Belle-Etoile. Tôi bắt gặp chiếc xe của ông ta cùng con ngựa đang đi trên một con đường nhỏ, không có người cầm cương, ở gần đường đi Saint-Loup des Bois Nhờ có đèn tôi đọc được tên và địa chỉ của ông ta ở tấm bảng. Nhân tiện cùng đường về tôi cột chiếc xe với con ngựa vào sau xe tôi đưa về đây để tránh tai nạn ; kẻ ra cũng làm chậm trễ công việc của tôi quá !

*Còn tiếp*■

*Xác chết nằm xấp*
*Lật ngửa lên*
*Nhìn mặt*
*Nhìn mặt và gọi tên*
*Gọi tên và ngất*
*Đêm Việt Nam ôi đêm Việt Nam*
*Đêm vật vã trên cao*
*Đêm nhục nhằn dưới đất*
*Đêm thất thanh trong tiếng kêu gào*
*Đêm đồng lõa mấy nghìn năm chưa dứt*

*Những dấu hỏi*
*Buông mãi buông mãi*
*Trong tăm tối*

*Đêm Việt Nam ôi đêm Việt Nam*
*Biết bao nhiêu dấu hỏi đã buông*
*Biết bao nhiêu*
*Can cớ chi không nói*
*Đêm không nói*
*Đêm nhất định không nói*

*Trời chi chít đạn lạc*
*Em nghe thấy gì không*
*Tiếng đại bác*
*Em nhìn thấy gì không*
*Bom napan*
*Và em nhận ra không*
*Khuôn mặt anh*
*Khuôn mặt nhăn nhó và hoảng hốt kỳ cục*
*Nhảy múa cùng cái chết*

*Đêm Việt Nam ôi đêm Việt Nam*
*Đêm lột da lốc thịt anh và em*
*Đêm dồi phấn thoa son cho tội ác*
*Em vẫn đi trong đêm*
*Đi trên mìn chông*
*Đi trong đạn lạc*
*Đi giữa bom na pan*
*Đi cùng tiếng đại bác*
*Đi suốt con đường hai mươi năm*
*Đi hai mươi năm cùng xác chết chàng*
*Đi lặng lẽ ngơ ngác*

*Em tỉnh dậy trong đêm*
*Đêm lặng thinh không một lời an ủi*
*Và xác chết trong tay em*
*Cũng lặng thinh*
*Không một lời trăn trối*
*Trừ những ngón tay*
*Những ngón tay từng nầy cò súng và yêu em*
*Co quắp hình dấu hỏi*

*Đêm không nói đêm rình mò em*
*Đêm ở sau lưng*
*Đêm đứng trước mặt*
*Em bước đi trong đêm từng bước một*
*Từng bước một trong đêm*
*Và trong đêm dằng dặc*
*Đêm mà đất nở rặt mình chông*

---

son nam

TIỂU THUYẾT PHONG TỤC

2

# vạch một chân trời

ĐỜI này khác hơn đời xưa ở chỗ loài người ăn cơm nhiều, biết cách cày bừa. Chúng mình ra đi hôm nay cốt là đi tìm nơi cày bừa.

Tư Bá nói :

— Nhưng trước khi cày bừa, mình cần hưởng ơn trời, lộc nước trước. Đất huênh hoang, nhưng mấy năm đều phèn, ruộng nương thất bát, phải có huê lợi gì khác để sanh sống cầm chừng, chờ ngày đất trở nên phì nhiêu.

Theo ý đại ca, chúng ta còn huê lợi gì khác ?

Hình ảnh của vùng U Minh bên kia sông cái Lớn hiện ra lởn vởn trong tâm trí Tư Bá. Phá rừng đốn củi lập rẫy bắt rùa đối với chú là những huê lợi tầm thường, không xứng đáng với công khó nhọc của đoàn người viễn du. Nếu chỉ cần bao nhiêu nguồn lợi đó, chú có thể ra lệnh cho anh em dừng chân tại rạch ông Rầy nầy lập nghiệp. Theo sự phỏng đoán của chú vùng U Minh sẽ dành cho đoàn người nhiều ngạc nhiên mà từ nào đến giờ chưa có người Việt Nam nào hưởng được. U Minh ! Xứ có nhiều vàng... chú sẽ tới đó làm giàu dễ dàng, xưng hùng, xưng bá một cõi. Triều đình nghe đến thanh danh của chú rồi phong chức lớn ngang hàng với ông Mạc Cửu xưa kia ở đất Hà Tiên. Điều đó, chú chưa muốn nói ra e có sự chia rẽ của đoàn người. Họ sẽ tách ra từng nhóm nhỏ, giành nhau đến U Minh trước để thám thính. Nhưng giữ hoàn toàn bí mật có thể làm giảm bớt sự hăng hái của anh em. Chỉ nói úp mở :

— Mình sẽ tới đất U Minh. Đất U Minh phì nhiêu lắm, khỏi cần cày bừa lúa cũng mọc. Một công trên mười giạ. Làm một thang đủ gạo ăn hai năm.

— Tội tình gì mình phí đi xa, chú Tư ! ở miệt nầy, tôi thấy đất hoang còn nhiều, cỏ mọc xanh lắm, chắc là đất tốt.

Rồi chú bơi xuồng vào mé rừng, trèo nhanh lên cây dừa nọ nhìn tứ phía. Phía lưng sau lác đác vài túp lều, tận trong rạch. Trước mặt xa, tít tận ngọn rạch bên kia sông là dãy nhà sàn của người Miên. Bên tả, bên hữu, đất trống hoang ăn dài, cách mí rừng chừng hai dặm. Chú nói :

— Hay là bà con mình hạ trại nơi đây. Xem chừng dễ làm ăn lắm...

Tư Bá cau mày. Nếu dừng bước nơi đây, tất cả kế hoạch của chú sẽ đổ vỡ. Chú cương quyết :

— Mình phải đi thiệt gấp. Xứ này chỗ nào không dễ làm ăn !

Đoàn người hơi lặng vì giọng hơi gắt của người anh cả trong bọn. Bỗng đâu nghe tiếng chèo khoát nước phía trong rừng, tiếng thưa thớt chứng tỏ không phải của đoàn người đi đông đảo. Vì vậy họ không cần chuẩn bị tự vệ. Nhịp chèo khoan thai nọ đưa hơi cho một giọng hát trong trẻo :

*Đố ai quét sạch lá rừng.*
*Để ta khuyên gió, gió đừng rung cây...*

Họ nhìn nhau vui cười, chờ đợi bóng dáng một người đẹp. Đúng như thế ! Kia mũi thuyền ló ra sông cái, sau lái một cô thiếu nữ đứng chèo, vóc hình yểu điệu. Chợt thấy đoàn người quá đông, cô nọ dừng chèo hớt hải không nói lên lời

Đoàn người cười vang :

— Lại đây nhìn bà con nè cô em ơi !

Thiếu nữ đáp :

— Dạ thưa... cha mẹ anh em tôi đều ở trong ngọn rạch này.

Hai Tam thích chí :

— Cho tôi vô đó với. Tôi muốn lập nghiệp ở xứ nầy, được không cô ?

Cô nọ đáp :

— Đó là tùy cậu. Đất nước ở đây ai có công khai phá, người đó làm chủ...

Hai Tam nói :

Bữa nay cô đi đâu một mình không sợ cọp sao ?

— Tôi ra đây để đón ghe buôn của người Triều Châu để mua ngọn mác.

## đêm việt nam trần dạ từ

*Đêm Việt Nam ôi đêm Việt Nam*
*Hãy chỉ cho nàng chỗ chôn chàng*
*Hãy chỉ cho nàng*
*Can cớ chi hẳn học*

*Hãy chỉ cho nàng*
*Nàng đâu có thể vùi chàng dưới đất*
*Vì đất nào hiểu nổi*
*Tại sao chàng giết người*
*Hãy chỉ cho nàng*
*Nàng đâu thể bón chàng cho cây*
*Vì cây nào hiểu nổi*
*Tại sao chàng bị giết*
*Hãy chỉ cho nàng*
*Nàng đâu thể táng chàng trong lửa*
*Vì lửa cũng nào hiểu nổi*
*Tại sao giết người tại sao bị người giết*
*Giết lặng lẽ trong đêm*
*Giết không cho xuôi tay*
*Giết không cho nhắm mắt*
*Đêm Việt Nam ôi đêm Việt Nam*

*Đêm, đêm rồi đêm*
*Rồi vẫn đêm cùng cực*

*Đêm hai mươi năm và hai mươi năm đêm*
*Đêm quần quanh đêm hoàn toàn bất lực*
*Đếm không thể chỉ nàng chỗ chôn chàng*
*Và nàng đành tiếp tục ôm xác chàng trong tay*
*Đành tiếp tục bước đi*
*Đi cho tới chỗ tận cùng của đêm*
*Đi đi mãi cùng xác chết rữa nát*

*Xác chết rữa nát xác chết đang rữa nát*
*Nhưng không không không thể mất.*
*Không thể mất không thể mất*

*Đêm Việt Nam ôi đêm Việt Nam*
*Đêm đui mù què quặt*
*Đêm nhìn thấy gì chăng*
*Trong khi xác chết chàng rữa nát trên tay nàng*
*Nàng thấy chàng sống lại và bắt đầu ca hát.*

---

Tư Bá nẫy giờ bực mình, không muốn trì hoãn ở đấy nữa. Nhìn sắc mặt của cô nọ và Hai Tam, chú cảm thấy nó bắt đầu triều mến nhau. Để sanh hại, không khéo Hai Tám châm rễ tại rạch này, đoàn người diễn hành sẽ thiếu một tay quan trọng. Nghĩ vậy chú Tư nói :

— Chú Hai biếu cô nọ cây mác đi. Mình về phía sông Cái Lớn sẽ có dịp mua cây khác. Trưa rồi chúng ta cần lên đường. Mà này cô ôi ! Hồm rày có nghe động tịnh gì về phía sông cái không ?

Cô nọ đáp :

— Hồm rày, nghe tin tàu buôn Hải Nam vô sông Vàm Cái Lớn bốn chiếc. Họ tính sửa sang miếu ông Cậu. Dường như đụng chạm với người Việt Nam và người Thổ, hai bên đều có người thiệt mạng. Rốt cuộc, tụi tàu Nam Hải phải rút lui. Sau đó người Thổ hiệp lực với người Việt Nam để trấn thủ hai bên bờ sông...

Nghe qua, Tư Bá hừng chí thêm. Thật là dịp may. Đến đó vào lúc này chú dễ dàng thâm nhập vào địa phận ven sông Cái Lớn, tức là vùng U-Minh. Hơn nữa lúc này người Việt Nam người Miên đang nương tợ vào nhau, chú tìm dễ dàng mấy người Miên có tuổi cao để dò chuyện hỏi đường đi, nước bước trên vùng U Minh.

Cây mác đã trao cho thiếu nữ. Hai Tam bịn rịn nhìn cô nọ như luyến tiếc lắm.

Cô ấy nói :

— Cám ơn mấy cậu. Tôi biết lấy gì đền ơn lại.

Hai Tam nói nhỏ :

— Thế nào tôi cũng trở lại. Cô ráng đợi chờ.

Cô hỏi :

— Chừng bao lâu nữa ?

Hai Tám chưa suy nghĩ kịp để trả lời thì đoàn xuồng đã lướt tới. Chú cất mái chèo ra đi, ruột tằm bối rối như tơ vò. Phía Tây Nam, nắng lên sáng rực. Phía sau kia cô thiếu nữ đăm đăm nhìn theo, cất tiếng hát vừa thục dục vừa làm bịn rịn lòng người :

« *Đố ai quét sạch lá rừng,*
« *Để ta khuyên gió...*

●

Muốn vượt qua sông Cái Lớn phải đến miếu ông Cậu cúng trước. Thường thường, ghe xuồng phải hạ lèo, đốt pháo hoặc thả gà lên rừng. Việc phóng sanh ấy giúp kẻ qua sông khỏi bị sóng thần.

Gần đến miếu, Tư Bá hạ lệnh cho đoàn xuồng đậu lại, nấu cơm. Ăn cơm xong chú khuyên anh em nên dạo chơi lối xóm để dò xét thái độ của dân chúng đối với đoàn người mới đến nầy như thế nào.

Hai Tam được giao phó một nhiệm vụ quan trọng vì chú biết chút ít tiếng Miên. Chú phải lân la nơi miếu, giả đò cúng, luôn dịp làm quen với mấy cụ lục có uy tín.

Hai Tam mượn cây đoản đao của Tư Bá nhưng chú cản lại :

— Đi tay không tốt hơn. Không khéo họ nghi kỵ.

Chạng vạng tối mà vào nhà người để làm quen là chuyện rất khó. Tuy nhiên Hai Tam yên trí rằng mình sẽ thâu lượm được nhiều kết quả. Ban đêm ai nấy trở về nhà để bàn tán công việc làm ăn, chú có thể rình nghe được tâm sự của họ.

Đằng Miếu ông Cậu dường như có tiếng xôn xao.

Hai Tam đi tắt phía trong rừng. Đến miếu chú leo lên cây nằm trên nhánh cây nọ lắng tai nghe. Miếu không có cửa không có vách. Nhờ vậy mà thấy được cảnh bên trong. Hai thếp đèn dầu cá cháy lờ mờ. Trên bệ cao, rõ ràng tấm nhiều đỏ phủ trên tấm đá lớn. Lau sậy mọc lưa thưa dưới bệ nọ như cho một mô đất giống như hang rắn.

Hai Tam rùng mình như lo sợ. Tại sao vùng nầy dân cư khá đông mà họ không chịu săn sóc bên trong miếu ? Chắc chắn họ cố tình dưỡng nuôi con rắn họ dưới hang. Mùi nhang bốc lên ngào ngạt thơm gắt đến nhức đầu. Phía sau tượng đá thô sơ một cái ô đồng đầy nước. Nước trong rung rinh. Vài giọt nhểu trên đá còn ướt mèm chứng tỏ nẫy giờ có người vào đây cúng kiến hay làm bùa phép gì đó.

Thời khắc nặng nề trôi qua. Đàn dơi bay tới lui kêu chót chét điểm từng đốm đen ngòm linh động trong miếu.

Nằm trên này quá lâu, Hai Tam bắt đầu thối chí, muốn trở về ngủ.

Bỗng phía trước sáng rực lên. Hai người cầm đuốc đi xâm xâm vào miếu.

Đi đầu là một thanh niên Việt Nam chừng hai mươi lăm tuổi.

Theo sau là một ông người Miên mặc quần áo đen nhưng đầu cạo trọc.

Họ vào miếu thắp nhang, xá bốn phía, chập sau chàng thanh niên quỳ xuống bên tay mặt người Miên nọ thì lạy hai lạy.

Người Miên nọ đi vòng ra sau bê đem ra ô nước, nhúng tay vào rảy khắp chàng thanh niên. Chàng nọ nói :

— Thưa lục cụ, hôm nay có chuyện gì cần, con hứa sẵn sàng. Bấy lâu nay nhờ ơn lục cụ luyện rèn, chưa có dịp nào con trổ tài.

Lục cụ trả lời giọng trong trẻo, nói tiếng Việt Nam thật rành rẽ :

— Con đừng nóng nảy. Rồi đây ta quyết một mất một còn với bọn tàu buôn Hải Nam. Mình phải cẩn thận mới được. Tụi nó giỏi nghề võ, mình có mưu mẹo, sức chịu đựng mới thắng được.

— Thưa lục cụ, tụi nó muốn gì Kỳ nầy vô đây dường như tụi đó không chú ý mua bán. Con theo rình thấy có chừng mươi đứa chống chiếc tam bản lần vô rạch Thầy Quơn.

— Phải ! Tụi nó muốn dò xét đường đi săn chim để khai thác. Bấy lâu nay tụi nó mua lông chim đem về Quảng bán lại để kết quạt. Nhưng ngoài chuyện xâm chiếm Sân chim của người mình, con biết tụi nó âm mưu gì khác không ?

còn nữa

## việt nam mai đỗ quí toàn

*Bởi vì máu đã chảy*
*Máu chảy phung phí và vô ích*

*Bởi vì đã có những người chết*
*Nên còn lại chúng ta phải sống*

*Bởi vì đã có những người chết*
*Uất ức oan khiên*
*Bởi vì đã có những người chết*
*Chết bầy quơ*

*Nên chúng ta càng phải sống*
*phải thở hàng ngày, mở mắt hàng ngày*
*trên gạch ngói vỡ vụn*
*trên tro than ngổn ngang*
*trên thịt xương vỡ nát, cháy xém*

*Nên nhất định chúng ta phải sống*
*Phải đốt lửa đầy mình bước tới.*

*Bởi vì sự sống nhất định phải đến*
*Như mặt trời phải mọc buổi sáng*

*Bởi vì đêm tối tăm đêm hãi hùng*
*Đêm quá dài đến phải chấm dứt*

*Bởi vì cỏ cây nhất định phải mọc*
*Cỏ cây xanh ca ngợi sự sống*
*Sẽ vươn lên bất tận trên trời*

*Chúng ta phải tiến tới như biển*
*Sóng hùng vĩ đập vỡ trở lực*
*Chúng ta phải bền bỉ như cỏ mọc*
*Cỏ bất tử sẽ phủ ngập trái đất*

*Bởi vì sự khổ đau đã quá dài*
*Nước mắt chảy đã cạn khô như ruộng nẻ*

*Bởi vì thịt xương phung phí đã quá nhiều*
*Cháy vỡ nát rải rác khắp rừng núi*

*Chúng ta phải tiến tới như lửa*
*Lửa nung nấu không bao giờ nguội*
*Chúng ta phải bền bỉ như mặt trời*
*Mặt trời bao giờ cũng vẫn trở lại*

*Bởi vì đã chót nhắm mắt làm bóng tối*
*Bởi vì đã giả ngây thơ làm gian dối*

*Bởi vì chúng ta đã im lặng đồng lõa*
*Với những tên buôn xác đồng loại*

*Phải quật dậy như gió lốc*
*Phải hồi sinh trong giông bão*
*Phải bền bỉ và nỗ lực*
*Chúng ta nhất định làm người.* *Đ Q.T.*

TRUYỆN DÀI

2

# viên đạn đồng chì nổi

CUỘC hội kiến đổi thay giòng sống một đời. Cái cảm giác kỳ lạ, nửa trang nghiêm nửa riễu cợt diễn ra trong tâm trạng Vinh lúc chàng bước qua cánh cổng sắt đen bóng uy nghi đầy vẻ cách biệt âm u dọa nạt của phủ Thủ Hiến Bắc Việt. Những đời lá chết đầu tiên của một mùa đông dài đầy những kinh hoàng sờ sợ của chiến tranh kín trùm. Những phiến lá lạo sạo tan vỡ dưới đế giầy. Lối đi trải cuội trắng. Phòng đợi lạnh lẽo, im sững nóng rưng không đoán được. Một vài khuôn mặt xa lạ đăm chiêu ngượng ngập ngó nhau. Bàn giấy ông Thủ Hiến. Ghế bành bọc gấm. Bản đồ Việt Nam ba miền chiếm hết chiều cao vì tường. Những lá cờ nhỏ xíu gài đính trên những điểm son chi chít gợi lên cái ấn tượng rối rắm không phân định của lãnh thổ thời chiến. Cờ vàng : những vùng còn thuộc chủ quyền và kiểm soát quốc gia. Cờ đỏ : những vùng đã tạm mất vào tay « chúng nó » Sàn đá hoa sáng loáng soi gương. Bên ngoài, gió rít soáy trong những gờ mái. Trời Hànội rào rào những âm thanh khô lạnh đuổi nhau miên man trên những khoảng trống không vô tận.

Vinh kính cẩn cúi đầu chào người cầm đầu nền hành chính Bắc Việt im lặng quan sát chàng, sau cặp kính đen lớn, sau một cái bàn thênh thang hồ sơ từng tập dầy cộm chất đống. Vinh nghĩ : « Người đàn ông kia đang nắm trong tay y vận mệnh mình » Và chàng ngồi xuống ghế đối diện.

— Ông quận bao nhiêu tuổi !

— Dạ, Hai mươi sáu.

Tôi là Vinh. Trần bảo Vinh. Mới hai mươi sáu tuổi. Một vợ. Cha mẹ già. Nhà đông anh em. Cảnh ngộ thảm sầu của một gia đình điền chủ thất thế và trắng tay. Quá khứ tôi là những dấu chân nhảy nhót trên rười rượi lúa vàng, muôn triệu thân lúa nặng chĩu, nảy hạt, như một vòng đai an toàn đời đời vây quanh một khu trại mười mẫu chạy dọc theo một bờ sông đào bốn mùa nước đầy. Giòng nước đầy ắp là hình ảnh một dĩ vảng mầu hồng sáng láng. Thừa mưa đến trắng trợn. Thỏa thuê đến hỗn sược. Tắm giặt toàn bằng nước mưa. Cơm không loại gạo nào ngoài gạo tám thơm. Đồ biên sén của tá điền mùa nào thức đó, chất đống như núi. Ăn không hết, đem cho. Dùng không hết đồ đi. Không biết thế nào là thiếu. Là đủ. Chỉ có thừa. Lớn lên, em sau theo anh trước ra Hà Nội học. Nhà riêng. Bồi bếp riêng. Những cậu công tử con cụ điền chủ, loại điền chủ như thượng đế một vùng, còn được kính nể hơn cha sứ, quyền thế hơn quan huyện. Hét ra lửa. Làm một chuyện công bằng đã như ban một ân huệ. Rồi là biến động lịch sử kinh hoàng bốc cháy. Đảo chính Nhật. Đoàn quân viễn chinh đi ủng hộ, đeo gươm dài lê thê quét đất xuất hiện. Một trật tự tưởng vững chắc đời đời thoắt bị xáo trộn.

Rồi đến tấn thảm kịch không tiền khoáng hậu của Ất Dậu địa ngục. Người chết đầy đồng. Ngã xuống, ngã xuống. Từng chùm, từng xâu, từng đợt, ngã xuống, ngã xuống. Thần chết lia cái lưỡi hái mênh mông, phất cánh tay áo huyệt đen thăm thẳm. Ngã xuống, ngã xuống. Cuộc đời dời khủng khiếp. Những đoàn người rã rời, tay chân khẳng khiu, thân hình khô đét, miệng há hốc, mắt đờ dẫn thất thểu như những oan hồn, và những ảnh hình không bao giờ sóa bỏ được trong trí nhớ ấy in lên một nền trời tận thế. Những ngày tháng đen tối, gió mưa, bất hạnh bắt đầu. Ruộng đất bỏ hoang. Trên những đồi lúa vàng vắng khuất là cái ngút ngàn của cỏ dại ngạo nghễ trùm lấn. Đất không nuôi được người nữa. Làng xóm thôi chẳng còn là cõi thiên đường mầu hồng sáng láng của tuổi nhỏ bông hoa. Bỏ ấp, bỏ trại. Ra tỉnh. Nền tảng xã hội xụp đổ kéo theo sự lung lay tan vỡ của nền tảng gia đình. Cậu công tử con cụ điền chủ bắt đầu nhìn thấy những gai lửa đời sống mọc lên dưới chân. Thực tế phủ phàng quật đập tàn nhẫn. Vấn đề mưu sinh đặt ra. Thảng thốt và hoang mang bất ngờ. Như một riễu cợt tàn ác của định mệnh.

— Hai mươi sáu tuổi. Trẻ quá. Ông quận trưởng có biết mình là người quận trưởng trẻ tuổi nhất của nền hành chính Bắc Việt bây giờ không.

Tôi biết. Hồn đầy mộng tưởng, lòng đầy tin yêu, chưa một chút kinh nghiệm về đời sống phản phúc muôn mặt, chưa một thấu hiểu nhỏ nhoi nào về kẻ khác, tôi biết tôi vào đời không một vũ khí phòng thân. Tôi biết tôi đang khởi cho tôi một cuộc hành trình không đoán trước được những vùng sắp qua những miền sắp tới. Biết tôi đang

*Diễn đã chết, Diễn đã chết,*
*Chúng tôi nhảy múa hò reo*
*Như những người da đen*
*Chúng tôi nhảy múa hò reo*
*Thế là nó thoát, thế là nó thoát!*

*Thế là nó thoát, đúng rồi, thế là nó thoát*
*Thoát khỏi ngủ, thoát khỏi ăn, khỏi thở*
*Khỏi đêm, khỏi ngày, khỏi tháng, khỏi năm*
*Khỏi chờ, khỏi đợi*
*Khỏi nhìn tình ái đội nón ra đi*
*Khỏi hy vọng ban mai, khỏi buồn thiu buổi tối*

*Thế là nó thoát, thế là nó thoát*
*Khỏi phải đi, khỏi phải đứng và khỏi phải ngồi*
*Khỏi bốn mươi giờ dạy học mỗi tuần*
*Khỏi viết ban đêm khỏi đến nhà in buổi sáng*
*Hào quang danh vọng thả trôi sông, này nhìn vai nó nhẹ*
*Chiếc lưới mở rồi, nó thoát anh em ơi*
*Chiếc lưới mở rồi, thế là nó thoát*
*Khỏi phải nhìn, khỏi phải nghe, khỏi phải thấy*
*Những sự dơ bẩn và mặt*
*Và mặt*
*Những thằng ghen tuông, những thằng chụp mũ*
*Những thằng ăn không nói có*
*Đã chém tổ quốc nát bằm hai vai*

*Thế là nó thoát, thế là nó thoát*
*Cuồng lưu dẫn vặt đã trôi đi*
*Khỏi phải nghĩ, khỏi lo âu, sợ hãi*
*Sự thật có phải bao giờ cũng tối như đêm*
*Tình ái có phải suốt đời là canh bạc lận*
*Lịch sử, rút lại, có phải là thằng mù sờ soạng*
*Ném tất cả rồi, ném xuống biển sâu*
*Này nhìn hai vai nó nhẹ*
*Chiếc lưới đã mở rồi*
*Thế là nó thoát anh em ơi!..*

**đám tang nguyễn duy diễn nguyên sa** ■

*N·S.* ■

đánh một canh bạc lớn. Ngồi vào cái chiếu bạc của thời thế, giữa một thời kỳ nhân tâm sa đọa chỉ còn là sự phản phúc của hai mặt đồng tiền, con người chỉ còn là một con bài. Chẵn hay lẻ. Trắng hay đen. Được hay mất. Được gì. Còn gì để mất? Không biết được. Cho nên mới vượt Hồng Hà. Cho nên mới làm quận trưởng. Cho nên mới làm bất cứ một việc gì. Miễn là có tiền. Thật nhiều tiền. Tiền rơi. Tiền hát. Tiền cất cao điệu cười sống sượng.

— Không một chút kinh nghiệm. Đó là điều tôi lo cho tôi nhất.

— Thực tế và công việc hàng ngày sẽ đem lại cho ông quận trưởng những kinh nghiệm quý báu.

Chiếc kính thuốc đen thẳm được nhấc ra khỏi sóng mũi cao của người cầm đầu nền hành chính Bắc Việt. Một đôi mắt xâu trũng, mệt mỏi, ở đó lắng đọng những ưu tư chồng chất, ở đó có tất cả những vùng bất an đầy nguy hiểm của tình hình. Tất cả. Tất cả những bất an không đếm được, đang nảy nở, đang gia tăng, ngày lại ngày, trầm trọng và lớn lao thêm mãi.

— Ông quận trưởng phải thương dân. Thương dân như con. Tìm đến với đám đông đau khổ không tên. Hiểu họ. Giúp họ. Làm sao cho dân nhận mình hiểu mình, làm tai mắt cho mình trong một trận giặc mà kẻ thù của chúng ta là ma quỷ vô hình. Tôi hy vọng ông quận trưởng sẽ cướp lại được nhân dân trong tay địch.

Dân. Có phải là những người hiền lành như những người tá điền hiền lành của cha tôi những ngày bình yên cũ: Hiền như đất. Như lúa, thật thà và trung hận. Hay đó là cái khối người khiếp đảm, chạy trốn, ngờ vực khép kín, thu mình như những con ốc trong vỏ cứng trước những luồng nước ngầm chảy siết của chiến tranh.

— Quận trưởng thời chiến phải là một con người hành chính lỗi lạc. Đồng thời còn phải là một chỉ huy quân sự thao lược và dũng cảm. Ông tân quận trưởng có hội được đủ hai điều kiện ấy?

Vinh có cảm tưởng chàng là một con chuột ngồi trước một con mèo. Và con mèo đang dịu dàng vờn đầy con chuột trong một trò đùa tai quái. Chàng lựa chọn sự thành thật. Nhìn thẳng vào mắt thượng cấp, can đảm chịu đựng cái nhìn soi suốt ý nghĩ, Vinh đáp:

— Thưa ông Thủ Hiến, tôi thiếu cả hai điều kiện ấy.

— A. Nhưng không sao. Trước kia, ông quận làm gì?

— Tôi đi học.

— Rồi sao?

— Tản cư.

— Ông quận làm gì trong thời kỳ ở hậu phương?

— Tôi đi buôn.

Một con thuyền mũi nhọn, cột buồm cao vút. Bãi bờ và những con nước lên xuống mỗi tuần trăng. Những ngày tháng lênh đênh trên khắp các giòng sông chảy qua những miền tàn phá được gọi là khu Ba, khu Bốn. Sông Đáy hiền và lặng, bãi mía, nương khoai ruộng bắp trên hai hờ san sát làng xóm sầm uất. Tiếng hát khuất nẻo của bầy thôn nữ trong những thân lúa rậm rạp trùm đầu. Sông Mã dữ dội. Sông Cha xanh biếc. Hồng Hà đục dơ. Cửa biển Tuần Vường còn mênh mông ngút ngàn hơn cả khơi xa vô tận. Đi chín cửa biển còn phải về cửa Tuần Vường Con thuyền như một thế giới bồng bềnh cách biệt, những tháng ngày róc rách chảy dưới mạn thuyền buồm căng phồng đựng gió chiều lên. Thời kỳ của hai câu thơ Huy Cận:

*« Canh khuya tạnh vắng bên cồn*
*« Trăng phơi đầu bãi nước dồn mênh mang.*

— Năm nào ông quận trưởng về thành?

— Dạ, cuối năm ngoái.

Mùa đông sám ngắt trên đất tề hui quạnh. Chuyến đi đầu bất trắc gian lao qua vùng giáp giới. Sự xuất hiện đầu tiên nhìn thấy sau một lựa chọn đầy phân vân và chia xẻ đau đớn: đồn bót, giây thép gai, những đoàn xe thiết giáp rầm rộ, lá cờ tam tài kiêu hãnh trên một tháp canh, khúc bánh mì thứ nhất, chai la-ve thứ nhất, chiếc xe hàng thứ nhất trên đường Đồng Văn Hà-Nội, cái thân phi cơ thứ nhất bạc trắng, óng ánh dưới nắng chiều rực rỡ của phi trường Bạch Mai, chiếc đồng hồ lớn trên nóc ga Hàng Cỏ, tầu điện leng keng, những ánh lửa điện đầu tiên vụt sáng trước tầm mắt núi rừng bỡ ngỡ trong buổi chiều trở về thành sau bốn năm lưu động không ngừng kể từ ngày giã từ Hà Nội. Lên đường trở về. Trời đất không bao dung. Đời sống sua đuổi không kiếm tìm được một bến đậu thỏa đáng. Chiến tranh bao trùm. Cái cảm giác lưu đầy vĩnh viễn không phá vỡ được của tâm linh nghẹn ngào ngột ngạt giam kín trong khối hình hài nhọc mỏi, rã rời, choáng váng đè nặng trên những bước chân không chỉ định. Tôi đã đi hàng nghìn con đường. Con đường nào cũng là một ngõ cụt. Đường lầy. Mưa bay. Bùn, hầm hố, chướng ngại. Tôi là một con người cũ đi trên những con đường mới. Và tôi đã trở về. Rồi là Hà Nội của những năm 1950-1951. Chiến tranh chặt đứt với tương lai mịt mùng không ngó thấy, sống biết từng ngày, sống biết từng phút, bản năng thả buông vào những cuốn hút mê đắm của khoái lạc hưởng thụ. Người ta sống như thế trong chiến tranh. Như giây phút nào cũng là giây phút cuối cùng.

Ông Thủ Hiến đứng lên và Vinh biết là cuộc hội kiến đã chấm dứt.

Bỗng một câu hỏi đột ngột:

— Ông quận trưởng đã gây nên cái chết cho ai một lần nào chưa?

Vinh tròn mắt:

— Tôi không hiểu.

— Tôi muốn nói, ông đã... giết ai một lần nào, trong đời?

— Thưa chưa, và tôi cầu nguyện không bao giờ phải làm việc đó.

— Không nên nói chắc một điều gì. Nhất là thời thế này, thời thế của chém giết là một sự thực không chối cãi. Tôi mong cho lời cầu nguyện của ông quận trưởng được thành sự thật.

Những viên đá hoa dưới chân sáng loáng soi gương trên khoảng cách từ bàn giấy đến cửa. Một cái bắt tay chặt chẽ. Một bàn tay đặt lên vai và vỗ nhẹ như một niềm khích lệ.

— Chúc ông quận trưởng thượng lộ bình an.

Ở Phủ Thủ Hiến ra, Vinh không về thẳng nhà. Chàng lững thững đi dưới những hàng cây sào sạc động gió của Hà-Nội đầu mùa lạnh. Vần trời thấp. Mây sám đùn đùn chất núi như báo hiệu một trận mưa lớn. Gió thổi vang vang dọc theo những vỉa hè trống trải. Ra tới Hồ Hoàn Kiếm, Vinh ngồi xuống một cái ghế đá. Mặt đá lạnh ngắt. Nước hồ khép mắt. Ông đã giết ai một lần nào trong đời chưa? Nhớ lại câu hỏi kỳ lạ, Vinh bất giác đưa hai bàn tay lên nhìn ngắm. Những ngón tay mềm mại, chưa từng cầm một khẩu súng, một lưỡi nhọn, chưa hề làm cái động tác tiêu hủy hoặc chấm dứt đời sống một sinh vật nào. Câu hỏi như một điểm gở lạ.

**còn nữa** ■

CHIẾC xe lôi vụt qua làm những đám bụi bốc lên mờ mịt sau hàng giây thép gai và múa lượn uể oải trong ánh nắng chói chang của một buổi trưa không gió.

Phía bên kia đường, dãy hàng quán vắng khách như càng bị đẩy xa thêm sau lớp bụi đó để tạo thành một khoảng cách rõ rệt giữa cuộc sống bên ngoài và bên trong trại nhập ngũ. Ở giữa khoảng cách đó, hình ảnh chiếc chòi canh sừng sững hiện ra với người lính gác cầm súng đứng nghiêm trang như một pho tượng.

Người thanh niên, bây giờ ngồi bó gối trên thềm, cặp mắt lơ đãng ngó ra phía ngoài. Thân hình y mệt mỏi tựa vào bờ tường còn lợ mờ những vệt máu rệp và những xác rệp chết khô. Không khí trong trại nhập ngũ lúc này thật là yên tĩnh. Những tiếng cười đùa, văng tục, chửi thề gây lộn ầm ĩ hồi nãy đã tắt tự lúc nào. Chỉ còn những nhịp thở đều đặn và ngổn ngang đây đó, những thân hình đen đúa có, trắng trẻo có nằm ngổi hỗn độn cạnh nhau.

Từ phía góc phòng ngủ, trên chiếc giường gỗ ba tầng, một thanh niên khác ngồi ở tầng cuối cùng, đang nghiêng đầu trên một chiếc rương gỗ tạp dụng áo quần và lúc này dùng làm chiếc bàn để viết thư. Y viết một cách khó khăn, chốc chốc lại ngừng bút, ngẫm nghĩ và ngước cặp mắt nhìn lên khoảng không như mơ màng, tưởng tượng lại chuyện gì rồi đột nhiên lại cúi xuống hăm hở viết tiếp. Tiếng ngòi viết kéo trên giấy mỏng phát ra những âm thanh đều đều buồn nản.

Người thanh niên ngồi ngoài thềm chợt thọc tay vào túi quần lấy ra một gói thuốc lá đã nát, rút một điếu và bật diêm châm hút.

Tiếng que diêm quẹt mạnh làm người thanh niên ngồi trong phòng đang viết thư phải ngừng bút nhìn ra. Y ngẫm nghĩ giây lát rồi xếp lá thư đang viết dở lại cất vào trong rương và rời khỏi giường bước ra thềm, ngồi xuống cạnh thanh niên đang hút thuốc.

— Ê, ngồi nhìn cái gì mà nhìn hoài vậy, bồ ? Xuống Câu Lạc Bộ kiếm cái gì uống không ?

Người thanh niên ngồi hút thuốc, mắt vẫn ngó mông lung ra ngoài, không trả lời bạn mà chỉ khẽ lắc đầu.

— Việc gì mà nghĩ ngợi cho buồn thêm. Trông gương mặt đó, từ bữa vô đây, tao có thấy mày buồn bao giờ không ?

Người ngồi hút thuốc vẫn im lặng, chỉ khẽ nhếch mép cười. Anh kia thấy y không bắt chuyện với mình, lên tiếng rủ xuống Câu Lạc Bộ một lần nữa rồi nhún vai bỏ đi.

Phía ngoài, những chiếc xe lôi vẫn vụt qua và những đám mây bụi vẫn mù mịt bốc lên. Điếu thuốc trên môi cháy gần hết, người thanh niên dùng tay búng mạnh ra giữa sân cát rồi ngả hẳn đầu vào tường, hai chân duỗi thẳng ra, cặp mắt từ từ khép lại...

●

...Ông là ai, hiện giờ ở đâu, làm nghề nghiệp gì và bao nhiêu tuổi... tất cả những câu hỏi đó chợt hiện trở lại và đã khiến cho tôi phải bâng khuâng, nghĩ ngợi từ chiều hôm qua. Phải, chiều hôm qua. Lúc đó là bốn giờ, ngồi trước một xấp giấy kê khai lý lịch cá nhân khi tôi đặt bút điền hai chữ *vô danh* vào phần dành để khai tên họ người cha.

Rồi từ những băn khoăn mỗi lúc trở nên thôi thúc, dằn vặt trong đầu óc, ý nghĩ viết gởi đến ông lá thư này đã đến với tôi. Viết một lá thư gởi cho một người mà từ lúc mình sanh ra đến giờ chưa một lần gặp gỡ, đó quả là một việc làm ngu muội, điên rồ. Bởi vì trước hết, tôi phải biết *ông là ai, ông ở đâu*, tôi mới có thể chuyển được lá thư này đến tay ông và như vậy công việc làm này mới không vô ích. Nhưng, nếu tôi biết được ông là ai rồi thì sợ là sẽ không có lá thư nay nữa bởi vì điều khiến tôi phải viết ra đây chỉ có thể nói với một người mà mình chưa biết mặt. Và tôi đã viết những giòng chữ này do một sự đòi hỏi, vừa hữu lý và cũng hết sức vô lý đó.

Khởi đầu lá thư, tôi đã định bắt chước mọi người, dùng cái danh từ cha con để xưng hô với ông nhưng khi viết hai chữ : *Thưa cha*, tôi cảm thấy ngay một sự mỉa mai, một nỗi bẽ bàng. *Thưa cha*, ông là ai ? Cả một đời tôi từ lúc sanh ra cho tới giờ phút này và có lẽ tới khi từ giã cõi đời nữa, tôi nghĩ rằng sẽ chẳng bao giờ mình có dịp được dùng đến hai tiếng thiêng liêng, cao đẹp đó.

Vậy thì tốt nhất, cứ coi như là giữa chúng ta không có sợi giây thiêng liêng cao quý là mối tình phụ tử thông thường ràng buộc để phải nhìn nhau và trong lá thư này tôi chỉ viết cho ông với tư cách là một kẻ tình cờ đã được sinh ra gởi cho một người đã ngẫu nhiên đóng góp, tạo dựng đời sống cho mình.

Ông là ai ? Giờ này ông đang làm gì ? Khuôn mặt ông ra sao ? Cả đêm qua, tôi không ngủ bỏ ra ngồi ở thềm cửa nhìn ánh trăng đậu nơi sân cỏ và nghĩ về những điều đó.

Tôi tin rằng, không bao giờ ông có thể ngờ được là giờ phút ấy, trong đêm đó, ông đã được một đứa con ngồi trong trại nhập ngũ, nhắc nhở đến ông, không phải bằng nỗi phẫn nộ, oán trách mà với những ý nghĩ

Phải rồi, tôi biết rồi, tôi đã nhìn thấy ông rồi. Hai mươi năm về trước, một đêm đẹp trời nào đó - cũng có thể là giữa một buổi trưa nóng nực — khuôn mặt ông hí hởn, xác thịt ông bừng bừng lửa đốt, ông đi cùng với vài người bạn cũng cùng một tâm trạng như ông, tìm đến một nơi bán dâm và ngủ với một người đàn bà mà sau này là mẹ tôi. Tôi nghĩ rằng sau giây phút ái ân đó, ông không còn nhớ rõ gì nữa. Ông vội quên ngay cái thể xác vừa làm ông thỏa mãn kia để chạy mau ra

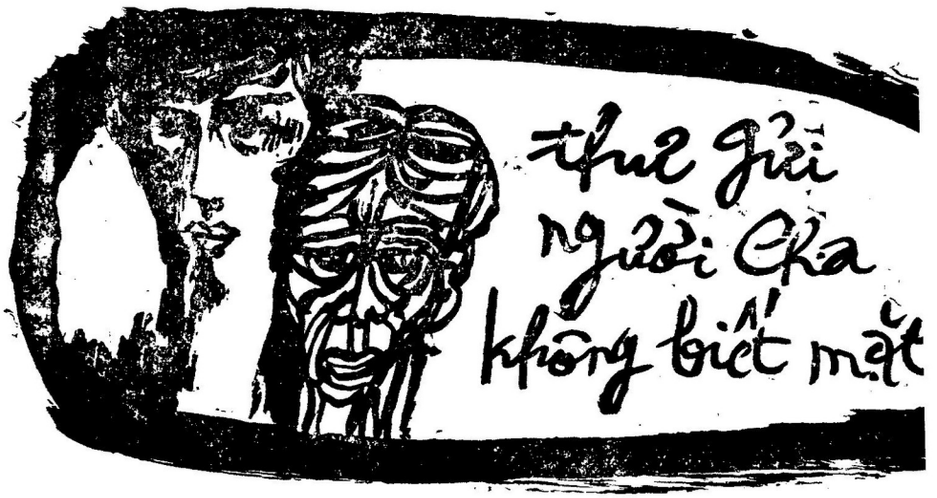


buồn rầu cộng với niềm sót đau thành kính khi nhớ lại cả một tuổi thơ sầu thảm, tối tăm của mình.

Ông là ai ? Sự bí mật đó đi trọn một cuộc đời này, chắc chắn tôi cũng không thể biết được. Nhưng điều mà tôi biết được rõ ràng là sự có mặt của tôi trong kiếp người này. Vậy thì tôi phải có một người cha. Người cha đó đã cho tôi tiếng khóc chào đời và cho tôi hai mươi năm trời khốn nạn, thương đau.

khỏi cái ổ nhện bẩn thỉu, hôi hám, trở về gia đình để lại thành một người chồng hiền lành, một người cha gương mẫu. Ông cũng không bao giờ nghĩ đến chuyện là ông vừa khai sinh thêm cho xã hội này một nhân số nữa. Giản dị quá — như mọi cuộc trao đổi, buôn bán sòng phẳng khác — có gì đáng phải thắc mắc, trách nhiệm gì buộc ông phải nhận lãnh thêm, khi mà ông đã trả tiền đầy đủ ? Ông tới đó để tìm một thứ gái

thuê — chắc gì trước khi tới đó ông đã có ý lựa chọn mẹ tôi? — Và về phía mẹ tôi cũng vậy, người bán cũng giống như người mua đều đã thản nhiên thỏa thuận với nhau những điều kiện để làm chuyện ân ái đó.

Nhưng điều bất hạnh đã xảy ra là sự có mặt của tôi, một sự có mặt hết sức gượng gạo, ngoài ý muốn của mẹ tôi cũng như của... chính tôi! Thật vậy hai mươi năm nhọc nhằn, những ngày tháng tối tăm, cả một tuổi thơ tủi nhục, những cái đó đâu có phải do sự lựa chọn để ra đời của tôi?

Vậy mà tôi vẫn sống. Hai mươi năm... sống lăn lóc nơi xó chợ, hè đường như một loài cỏ hoang hoa dại, với đủ mọi thứ nghề nào có thể đem lại miếng cơm cho mình.

Nhiều lúc tôi lấy làm ngạc nhiên hết sức mà tự hỏi rằng tại sao tôi lại còn sống nổi đến ngày hôm nay — và lại sống khoẻ mạnh là đằng khác nữa. (kết quả cuộc khám sức khoẻ hồi sáng cho tôi biết: Hai lá phổi tốt. Tim khoẻ. Mắt sáng. Cao một thước sáu mươi tám. Nặng sáu mươi ký.) Vâng, tại sao tôi lại còn sống được đến ngày hôm nay? Sao tôi không chết ngay khi mới còn là một cái bào thai ba tháng trong bụng mẹ? Thiếu gì người cùng làm một cái nghề với mẹ tôi đã hành động như vậy và có ai phiền trách gì họ đâu? Tại sao tôi không bị bóp mũi ngay từ lúc mới cất tiếng khóc chào đời? Và tại sao cuộc sống thiếu thốn thời thơ ấu và những bịnh hoạn không thuốc thang chạy chữa đã không cướp tôi ra khỏi cuộc đời này?

Tôi nghĩ rằng thà như vậy có lẽ còn là một điều may mắn cho tôi hơn. Tôi sẽ không bị sự thắc mắc dày vò, thôi thúc để phải tìm biết xem *ông là ai?*

*Ông là ai?* Hiện tại ông đang làm nghề gì trong xã hội? Một người dân thường hay là một công chức cao cấp. Để tôi đoán thử coi. Không hiểu sao, tôi lại nghĩ rằng ông sống một cuộc đời giầu sang, không phải bận tâm lo lắng đến chuyện tiền bạc. Và những đứa con của ông — những anh em cùng cha khác mẹ với tôi, sao lại không thể gọi như vậy được?— được nuôi dưỡng tử tế, được sặn sóc cẩn thận và có lẽ chúng không thể nào ngờ được rằng chúng lại có một người anh hay là một đứa em khốn nạn như tôi...

Nhớ lại hồi còn nhỏ, khi tôi hỏi mẹ tôi về ông, bà đã mỉm cười chỉ một ông khách béo mập, tròn trịa như một con heo và bảo tôi: Bố mày đó. Tôi lắc đầu không nhận. Không nhận không phải vì tôi đã ý thức được đó là một chuyện đùa giỡn mà là bởi tôi không ưa cái bộ vó của người đàn ông kia. Trông y bừa bộn đáng ghét. Và tự nhiên tôi nghĩ đến ông với một niềm mơ ước ngây thơ rằng người cha của mình phải đẹp hơn, giàu hơn lão khách béo mập kia. Rồi trong những giấc ngủ tối tăm phiền muộn, tôi phải phóng lớn những ước mơ đó thành những giấc chiêm bao tuyệt diệu. Tôi đem hình ảnh một người công chức ở ngôi biệt thự đầu hẻm nhà tôi vào những giấc chiêm bao đó để nắn nót, tô điểm tạo thành hình ảnh một người cha trong tưởng tượng của mình. Những mơ ước trẻ thơ hồi đó còn đẩy tôi đi xa hơn nữa. Tôi mơ thấy một ngày nào đó, ông sẽ lái xe hơi tới kiếm tôi cho tôi đi chơi như là viên công chức có biệt thự và xe hơi sang trọng kia vẫn thường làm vậy đối với mấy đứa con ông. Và càng ngày tôi lại càng giàu có thêm trong tưởng tượng những gì mà một đứa trẻ được hưởng nơi người cha thương yêu ruột thịt của nó.

Những niềm mơ ước đó chỉ thật sự chấm dứt năm tôi mười hai tuổi khi mẹ tôi bị đuổi khỏi căn nhà bé nhỏ, nơi tôi đã sinh ra và đã sống ở đó. Người ta không muốn nhìn thấy một vết bẩn trong cái xóm hiền lành thơ mộng gồm toàn những gia đình làm ăn tử tế. Mẹ tôi bị bắt và sau đó ít lâu được thả về thì bị đuổi nhà. Tôi đau khổ vì tình cảnh làm ăn suy sụp của mẹ thì ít mà đau khổ vì phải rời cái xóm có người công chức ở biệt thự kia thì nhiều. Xa khu vực này, tôi mất luôn sự say mê được nhìn ngắm hình ảnh người cha của mình qua người công chức kia...

Rời khỏi nhà cũ một thời gian, mẹ tôi lâm bịnh rồi chết. Từ đó, tôi bắt đầu cuộc sống của một con thú rừng phải tự săn mồi lấy. Những ngày tháng kiếm sống chật vật, những lo âu sinh kế chồng chất ngày ngày đã thay thế cho hình bóng một người cha trong giấc mơ êm đẹp tuổi nhỏ của tôi. Năm đó, tôi mới mười ba tuổi, ông biết không, một đứa trẻ mười ba tuổi đã phải dùng cái khối óc tối tăm với hai bàn tay bé nhỏ của mình để tự tìm lấy miếng cơm trong khi những đứa trẻ khác cùng lứa tuổi với tôi có gia đình, có mẹ cha đầy đủ thì cái tuổi đó là tuổi sung sướng nhất, hạnh phúc nhất vì chưa phải lo gì đến cuộc sống. Nói vậy, không phải là tôi có ý oán trách gì ông đâu. Không. Tôi thề là không có một ý gì nhắc đến hai chữ trách nhiệm trong lá thư này. Bởi vì khi mà tuổi thơ và những giấc mơ đẹp nhất về một người cha không bao giờ được gặp đã bị tan vỡ sau cái chết của mẹ tôi thì tôi đã bắt đầu hiểu biết. Như đã nói nơi đầu lá thư này, hai bắt đầu hiểu biết được hoàn cảnh bị ra đời của mình, tôi đã vùi chôn ngay hình ảnh của ông, không băn khoăn không thắc mắc tìm hiểu thêm nữa. *Ông là ai? Thưa ông, ông là ai?* Tôi đã nguyện với lòng nhất định không tìm hiểu gì về người đàn ông lạ mặt này nữa.

Bởi lẽ, ông cho tôi cuộc đời nhưng cuộc đời đó dùng để làm gì và đã được hưởng những gì? Mười ba năm, mười ba năm sầu thảm. Và còn tương lai? Tương lai? Đứa trẻ mười ba tuổi là tôi lúc đó đã tự hỏi như vậy. Ông hiểu vì sao tôi không muốn nghĩ đến ông nữa và đã chôn theo hình ảnh của ông cùng với cái chết của mẹ tôi.

Như vậy, bảy năm trôi qua đứa trẻ mười ba tuổi, kết quả của một kiếp tình ái đi hoang hai mươi năm về trước của ông đã thành một thanh niên khoẻ mạnh và đang ngồi trong trại nhập ngũ này. Bất chợt, tôi nghĩ tới ông, nghĩ tới những người đàn ông đã tìm đến với mẹ tôi hai mươi năm trước. Không hiểu ông là ai trong số những người đó? Ông là ai, hỡi người cha không biết mặt của tôi!

— Ê, bồ! Ngủ say vậy! Không nghe thấy tiếng còi tập họp ngoài sân cờ sao?

Người thanh niên ngồi trên thềm giật mình chong dạy. Hắn ngơ ngác nhìn lên. Tiếng còi tập họp của viên trung sĩ già từ phía sân cờ thổi ré từng nhịp. Hắn chống tay ngồi dạy, cảm giác bàng hoàng, mệt mỏi. Mình vừa ngủ thật sao? Người thanh niên tự hỏi và không tin mình đã ngủ. Nhưng đó là sự thật, thật như sự có mặt của hắn ở đây, thật như như là sự ngẫu nhiên ra đời của hắn trên cuộc đời này, hai mươi năm trước.

Người thanh niên lầm lũi đi theo đám đông về phía sân cờ.

Phía ngoài, những chiếc xe lôi, vẫn vụt qua và những đám bụi mịt mù vẫn bốc lên

T.N. ■

# NGUYỄN DU

## từ cuộc sống hôm nay

THẾ là đã hai trăm năm Nguyễn Du, và thủ đô Saigon hôm nay sau hai trăm năm ấy bỗng khăn đóng áo dài tưởng niệm người quá cố. Một tuần lễ Nguyễn Du được gọi tên. Phòng triển lãm Nguyễn Du được mở cửa. Diễn thuyết về Nguyễn Du được tổ chức. Hát bội về Nguyễn Du, các đặc san về Nguyễn Du. Dường như chưa bao giờ — hay ít nhất là chưa bao giờ kể từ 28 năm nay, kể từ khi một người yêu văn hóa là tôi ra đời, — chưa bao giờ một văn hào được chúng ta tưởng niệm như vậy.

Cái bóng của Nguyễn Du trên thân thể và tâm hồn chúng ta từ bao nhiêu năm nay có khác gì cái bóng mát của cây đa đình làng, có khác gì cái bóng mây của trời giữa hạ ? Cái bóng của Nguyễn Du đối với những người làm văn học nghệ thuật Việt Nam có khác gì cái bóng của một chiếc đại bàng đối với những con chim cánh ngắn ? Thế hệ rũ rượi nhất là thế hệ tiền chiến đã nói về ông, thế hệ hung dữ nhất là thế hệ hậu chiến đang nói về ông. Có Huy Cận ở đằng kia, có Thanh Tâm Tuyền ở chốn này, tất cả đều đã lên tiếng về con người một xe, « một xe trong cõi hồng trần như bay ». Nói một cách khác, trong những năm qua, khi mà những người văn hóa đã nhớ đến Nguyễn Du, khi mà cả dân tộc đã tìm tới Nguyễn Du thì những nhà chính trị không hề ngó đến ông. Là một công dân Việt Nam, tôi vẫn thường nhủ thầm rằng khi nào còn có những chế độ không biết đến Nguyễn Du của Việt Nam thì tôi coi như không cần biết đến chế độ ấy về mặt tinh thần. Tôi nghĩ thêm rằng một nước không có Bộ Văn Hóa, không có Viện Văn Nghệ, không có một André Malraux trong chính quyền thì những người làm Văn học Nghệ Thuật chưa thể tìm thấy ở chế độ đó một nghị sĩ tự do, một đại biểu chính thực. Vậy nhân tuần lễ Nguyễn Du, vấn đề đặt ra là nói về Nguyễn Du như thế đã đủ chưa, là chính quyền phải làm gì đối với nền văn học nghệ thuật Việt Nam đối với những người làm cũng như những người thưởng ngoạn và cho văn học nghệ thuật Việt Nam trước thế giới ?

●

Đấy là một câu hỏi, và những người có thẩm quyền trả lời câu hỏi ấy không phải là những người nêu lên. Tuy nhiên những người này cần được tham khảo ý kiến. Trong một bài viết ngắn, tôi không thể trình bày tất cả những ý kiến về vấn đề đặt ra, mà chỉ có thể nói đến một cách sơ lược.

Việt Nam có hàng triệu người đọc, nhưng chưa có liên hiệp những người được đọc. Một Hội nhà văn chẳng hạn. Tự nó Hội nhà văn không thể thành lập trong những điều kiện vững chắc. Một liên hiệp các nghệ sĩ sẽ đương nhiên thành hình khi mà nhà nước tỏ ra cần sự cộng tác của họ, khi tiếng nói của họ được lắng nghe không vì để thưởng thức, để giải trí, mà đã hướng tới sự thực hiện những tiếng nói ấy. Tôi nhớ trong một cuộc thảo luận về thơ, ông Thanh Tâm Tuyền có nói một câu đại ý cho tôi hiểu rằng Thực Tế xã hội vẫn thường chê các Thi sĩ là vô ích mơ mộng viển vông, mà thực ra Thi Sĩ nên chê Thực Tế xã hội là bất lực, không thực hiện được những điều mà thi sĩ nói ra. Tôi muốn khai triển câu nói này. Tôi nghĩ rằng khi nặn óc, khi ép xác, khi khơi tâm hồn để viết ra câu văn lời thơ, người làm văn học nghệ thuật không viết vì thiên vị, không viết vì trong những ý hướng mờ ám mà viết vì lương tri trong những ý hướng trong sạch. Dĩ nhiên câu văn lời thơ ở đây là câu văn lời thơ của những con người chân chính, làm văn học nghệ thuật chân chính. không xúc cảm bằng ái tình mà bằng tâm trí, bằng phẩm vật cao nhất của con người, của nhân loại.

Chúng ta thử thực hiện những lời thơ Nguyễn Du. Thực Tế xã hội thử cải thiện theo lời thơ Nguyễn Du. Nói một cách khác : hãy không coi Kim Vân Kiều, từ mấy trăm năm nay, như một tác phẩm nhàn dư tửu hậu, hãy không coi Nguyễn Du như một kẻ lả lướt súng sính, hãy không nghĩ rằng đọc Kim Vân Kiều để giải trí. Nếu một thế kỷ qua người ta quan niệm ông là một lương tri sáng suốt, là một kẻ sĩ khỏe mạnh nếu người ta coi tác phẩm ông như nỗi ao ước cao cả của con người thì một thế kỷ qua tinh thần Việt Nam đã khác nay.

Nhưng hôm nay, hai trăm năm đã tròn, chúng ta chính thức nhớ đến công ơn của ông sớm được một trăm năm. Đương thời bày ra những cảnh tượng không biết làm sao để ông nghĩ rằng phải ba trăm năm tinh thần Việt mới tới tinh thần ông. Nay có hai trăm năm thôi, giờ thức tỉnh đã điểm. Vậy vấn đề của 1965, từ 1965 văn học nghệ thuật là vấn đề liên hiệp, tổ chức lại, và lên tiếng, giúp nhau lên tiếng trong sinh hoạt tinh thần của Đất Nước. VIÊN LINH ■

# VỪA XẢY RA ĐANG NÓI TỚI

## Người ca sĩ cô đơn Barbara

TỪ KHI thành lập vô tuyến truyền thanh tại Pháp đã trên 40 năm nay, đây là lần đầu tiên radio Pháp dành riêng một hệ thống truyền thanh cho một người. Không phải cho De Gaulle nói về đường lối quốc gia không phải để tưởng niệm một vĩ nhân nào, mà dành cho chương trình đặc biệt Barbara. Lời ca tâm sự của người ca sĩ cô đơn Barbara đã nhẹ nhàng, êm ái đi sâu vào tâm hồn thính giả.

Nhưng thật sự, nghe Barbara thôi không đủ. Phải đi xem Barbara trình diễn. Hàng đêm Barbara xuất hiện tại quán Bobino, riêng rẽ một mình, bên chiếc dương cầm trên sân khấu tối đen. Một làn ánh sáng mơ hồ chiếu một khuôn mặt đàn bà đau thương, đài các, đang kể lể tâm sự cô đơn của mình trong phòng kín, bên hàng phím ngà của chiếc dương cầm. Đây là phòng riêng của một người đàn bà mà tuổi thanh xuân, tình yêu đã bắt đầu tàn phai, đã trở thành kỷ niệm. Người đàn bà ấy không trình diễn, mà nàng đang âm thầm kể lại chuyện riêng : tập thư tình cũ, buổi đi chơi đầu xuân, sự chia ly, lòng thù hận :

« Mai sau dù có bao giờ
Đốt lò hương cũ xe tơ phím này
Trông ra ngọn cỏ lá cây... »

. . . . . .

● Nghe Barbara mỗi người đều tìm thấy một chút tâm sự của mình trong đó. «Đúng là chuyện của tôi» «Sao tâm sự của Barbara giống tôi thế nhỉ.» Khán giả sống với lời kể lể của Barbara.

● Barbara là một cơn gió trữ tình thổi vào khu vườn tâm sự lãng mạn của Pháp. Nàng vừa ca hát, vừa kể chuyện, vừa ngâm thơ, vừa thầm thì, vừa cười cợt, vừa khóc than. Những sợi dây tình cảm của khán giả đã được Barbara làm thành rung động. Và từ đó, nàng trở thành một khuôn mặt của mối tình thầm kín suốt đời đang dở...

● Barbara, như đã nói, không trình diễn, không đóng kịch. Ở ngoài đời, nàng cũng là một khuôn mặt, sầu thảm, băn khoăn. Barbara năm nay đã 34 tuổi, cái đẹp bắt đầu tàn nhưng như thế càng thêm sầu muộn Barbara góa chồng, sống bình dị, kiều bình dị nén những đớn đau vào nội tâm. Nàng đã học ca hát tại Âm nhạc viện. Nàng trình diễn trên sân khấu như bị người ta từ chối. Dĩa của nàng in ra bán được chừng 10 dĩa. Nàng là mẫu của một tài tử lớn, bị bỏ quên rất lâu trong một quán nhỏ trên bờ sông Seine.

● Trong lúc nàng chìm dần vào thất vọng, bỗng nhiên như một kẻ hồi sinh nàng muốn ca hát trở lại. Nàng được biết đến qua một đĩa hát chiếm giải Grand Prix du Disque và sau đó nàng hát ở Bobim. Và nàng đã thành công, cả Paris đến nghe nàng tâm sự.

● Nhưng đối với Barbara, sự thành công đó có nghĩa gì ? Barbara nói «Tôi may mắn hơn những người nghệ sĩ khác nhiều—như các các họa sĩ chẳng hạn, chết đi rồi mới được người ta nhắc đến.

Hàng đêm tôi được các khán giả chờ đợi, đón nghe. Nhưng sự thành công cũng giam hãm tôi vào những điều bất lợi khác. Những người bạn cũ xa lánh tôi. Tôi không muốn trở thành một mẫu người đặc biệt, tôi chỉ muốn là một người đàn bà như mọi người đàn bà khác, khổ đau và kiêu hãnh với nỗi buồn của riêng mình! Tôi không muốn sự thành công của tôi làm chia rẽ với những người bạn cũ và cũng không muốn «bán đi» những nỗi khổ đau sầu muộn của riêng tôi». P.L.P. ■

## bãi cỏ

☐tiếp theo trang 17

tiếng gió lùa từ tứ phía tới trên cao và dưới thấp. Những ngọn cỏ chung quanh chỗ Phượng ngồi reo rì rào. Phượng bảo tôi ngồi xuống cạnh nàng. Anh ngồi xuống đây mà nghe cỏ nói thầm với nhau. Câu nói của Phượng làm tôi buồn cười, vì nhìn ra những sợi cỏ bị gió thổi làm cho chúi đầu vào nhau có một ve ngộ nghĩnh dễ thương. Tôi bảo, thôi Phượng đi về chứ, không sương xuống lạnh. Phượng nói, phải về chứ. Chẳng lẽ em ngồi đây mãi sao. Tôi nghe tiếng Phượng hơi lạ. Tôi ngó hẳn vào mặt nàng, cỏ đã thức dậy chưa chứ. Nàng ngước lên nhìn tôi, hai mắt nàng rất buồn. Lần đầu tiên tôi thấy hai con mắt Phượng buồn như thế. Nàng bảo, anh tháo kính ra em lau hộ cho, kính của anh mờ hết rồi. Sao anh lười thế. Tôi đưa kính cho Phượng làm hộ việc này. Đeo kính quen, bỏ ra, tôi không nhìn rõ gì hết. Cả Phượng ngồi bên cạnh tôi nhìn cũng thấy nhòa nhoẹt. Bỗng nhiên tôi nhìn thấy cái hình ảnh nhòa nhạt ấy kề rất gần vào mắt mình. Và tôi nghe tiếng Phượng hỏi rất ấm áp, anh có sợ em không? Sợ? Có lẽ nàng muốn nói đến căn bệnh của mình. Nếu em yêu anh, chỉ yêu anh một chút thôi, nếu em khuyến khích anh một ít, ngày còn nhỏ chắc anh đã có đủ can đảm để nói với em... Phượng ghé miệng hôn trên môi tôi lấp câu nói. Hôn xong, Phượng bảo, anh nhát như vậy thật sao? Lúc ấy tôi nghĩ : đàn bà thật tinh quái.

Tôi thường có hai điều ao ước là được nằm với người yêu một lần trên cỏ và một lần ngoài bãi biển. Buổi chiều hôm đó Phượng dâng cho tôi cơ hội thứ nhất. Thân hình nàng mảnh dẻ và tuyệt vời trên đám cỏ non. Nhưng có lẽ tôi chẳng bao giờ thực hiện được điều thứ hai với Phượng. Bởi vì đêm đó trở về nhà Phượng bị thổ huyết đến chết ngất. Tôi thức suốt đêm với Phượng sau khi đã cho nàng uống đủ các thứ thuốc cầm máu và một viên thuốc ngủ. Sớm hôm sau tôi đánh điện gấp cho Thiện trở lại mang Phượng về nhà thương. Tôi nói có lẽ sẽ chẳng bao giờ có dịp gần Phượng lần thứ hai không phải vì sau đó Phượng bị chết. Hiện giờ nàng vẫn còn sống. Phượng vẫn còn bệnh. Mặc dầu nàng đôi lúc rất khỏe mạnh và đi lại như người thường. Nhưng sau cơn vất vả của Phượng, và cái cảm tưởng không hiểu được tại sao mình thích những người đàn bà hơi có vẻ bệnh, làm tôi sợ hãi. Cũng có thể tại chính tôi không còn muốn thực hiện điều thứ hai với Phượng. Và sau hết cũng cũng có thể, thực ra, đó không phải là những điều mơ ước thật của tôi vậy

## THƠ NGUYỄN NGHIỆP NHƯỢNG

**Trang 14**

Hôm nay sắp là sinh nhật em, anh trở về thời phục hưng mua một vật kỷ niệm nhỏ ngồi khắc chữ để tặng và trao nó cho em. Em thấy những hàng chữ nhỏ đó chăng? Rồi nó sẽ phai mờ trên tấm xa cừ lóng lánh, như chúng ta có những ý nghĩ nào đó về đời sống. Năm tháng sẽ phai dần những ước vọng, sẽ phai dần tuổi trẻ, sẽ phai dần công trình tạo dựng, anh đi trên đường, mùa đông rét mướt trở về trong lời chuyện trò, nỗi bi thảm của mùa đông này như vì có sinh nhật của em mà lớn thêm. Một đôi khi anh muốn trở thành vĩ nhân, và anh thường khóc lóc, đó là gì, đó là gì, đó là sự thật của một kiếp người chăng? Trí óc anh bắt đầu rung chuyển, vũ trụ và xã hội cũng rung chuyển, du mình trong những âm điệu cuồng nộ và tàn bạo, thân nhỏ bé em lớn lên trong tâm hồn và thân nhỏ bé em yêu đương, anh không muốn chỉ hiến dâng em chừng ấy. Ta là sự vinh hạnh khổ nhọc, ta là con ốc mà đời sau sẽ lấy vỏ làm quà tặng cho những tình nhân nào đó.

**Ngày 8 tháng 12 năm 1962**

Ta luôn luôn khóc, như một giây đàn tự nhiên. Từ bước đi đầu tiên, một chờ đón. và hàng phục, ta gọi tên ta.

Em luôn luôn khóc, và liên tiếp vỡ, để ta tiếc và quý.

**Trang 17**

Em đau ốm thở nhiều trong chăn dầy, mùa đông lướt qua trên hình hài khó nhọc. Em ngủ trong vòng tay ấm áp của tử thần, ngủ ấm áp trong tay tôi, em nằm đó, gắng nói và cười, ôi nơi đâu tôi đã bỏ quên quê hương mình tôi không còn biết. Mỗi chúng ta có một cái xác phải theo cho đến chết. Ít khi tôi thấy điều đó. Tươi như hoa, non xanh và thơm ngát, em ủ rũ như con chó. Em nghĩ gì? Em nghĩ tới tôi chăng? Tôi không tiếc gì, nhưng tôi chỉ đứng ngó, đó là cuộc vật lộn lặng lẽ mà em yếu ớt mong manh, cái cây già có nói được gì đâu, cánh đồng khô có nói được gì đâu, quả núi hùng vĩ của sự sống và của hy vọng có nói được gì đâu, chỉ có hồng vân một mình lướt đến một cách to lớn làm rõ mặt chúng ta. Ban đêm này sẽ đi qua và đã đi qua rồi, bây giờ nó trở thành vắng vẻ lạ lùng trong trí óc tôi, giữa gian phòng thiếu không khí và cửa sổ Khi tôi mang hình ảnh chết chóc của em đi về nhà, một vùng rộng lớn chìm ngập hối tiếc. Bây giờ em đã đi đâu mất rồi, tôi ngồi nơi em đã nằm đêm qua, tấm màn đã vén lên, một chút ánh sáng từ cửa sổ. Nếu đêm qua em đã chết, bây giờ em cũng vắng bóng như thế. Mùa đông vẫn lướt qua cái bóng nặng nề của nó, của gió lạnh lẽo và của những đám cây hơi lay động, lá đời mầu vô vị. Mùa đông vẫn lướt qua như tôi từng lướt qua sự giận dữ của tôi. Còn gì đâu ngoài cảnh lặng lẽ đó, nhưng cũng như tiếng chân em lén đi giữa đêm khuya, lén đi như mất vĩnh viễn tôi hình dung. Em nằm xuống ốm đau và thở dều, thở nóng và nghẹn ngào, một cây già có nói được gì đâu, cánh tay có nói được gì đâu, chắp nối mộng và thực nhưng cũng không chắp nối được, tôi cúi xuống thân thể em, tôi cúi xuống cơn đau đớn của em, thân thể xa vời nhỏ bé trước mắt mình, nhìn nhìn, nhìn, nhìn mãi, một vùng sáng trưng mà tôi có thể cầu nguyện thượng đế ban cho em nhưng biết chắc là tôi không hề muốn em sống trong đó, bé nhỏ và đau ốm, mất mát đối với kẻ già nua và hấp hối từng tràng, tôi muốn khóc được lúc này để được em xoa đầu tôi bằng cánh tay gầy yếu của em. Tôi không nói gì về đời sống, về sự kết hợp giữa hai ta, nhưng nếu có thì em chính là biển lớn đã ru tôi mê ngủ. Sự đau đớn của kiếp người, nghĩa là của em bây giờ, nếu có tôi vào, quả thật vô nghĩa. Chúng ta làm gì cho đời sống tương lai.

Chỉ còn em, bé nhỏ và nằm đó, thân vừa một vòng ôm yêu dấu, chỉ còn em mặc áo len hồng choàng khăn kín đầu và co ro, chiếc gáy trắng mà tôi từng hôn lên với râu ria tua tủa, xin ở đâu được lửa ấm. Lủi mình như con chim đen về phòng tôi nằm dài nghĩ tới anh em, nghĩ tới nghệ thuật, nghĩ tới hủ tíu và mùa đông hay mùa thu, hỡi anh em chúng ta dính theo đời sống từ từ, dính theo mỗi bước đi, năm tháng cũng dính theo, khốn khó dính theo, và những chữ bao vây ta, phá hoại sự trắng trẻo của thanh niên. Còn nói sao cùng em nhỏ. em ơi hãy thức dậy để anh xoa đầu cho em bớt đau đớn, ôi anh em mai sau chúng ta sẽ là gì? Bom nguyên tử ở thượng không, vệ tinh lửng lơ, chúng ta biết nguyên tắc chế tạo nó nhưng chúng ta không hiểu chi hết nó bay lửng lơ và sẵn sàng mà chúng ta không thể nói gì với người tình được hết. Chúng ta hình như chỉ xin một chút thương yêu để trôi nổi bập bềnh cho qua ngày tháng. Cũng đừng cười hay nói làm gì. Thôi hãy ngủ đi. Thật ra tôi đã hết sức rồi và ngày mai sẽ nhận thấy lại điều này. Chúng ta cũng chỉ như thế. Lịch sử cũng chỉ như thế, Con người, con người vô tri và dũng cảm, thôi, thôi, tái bút, thôi.

**Trong Luân-Ca**

# NGÔN NGỮ KỊCH của NGUYỄN VĂN TRUNG

☐ tiếp theo trang 5

Tính cách « sáng tạo » trong tuồng, chèo biểu lộ rõ rệt hơn cả qua nhân vật hề. Nhưng vai hề thường thường chỉ là vai phụ, bổ túc nhưng nhiều lúc có thể trở thành vai chính, một mình diễn xuất trên sân khấu, đôi khi hằng giờ. Không một vở chèo, vở tuồng nào diễn mà lại không có vai hề ra trò tài, đôi khi làm mưa làm gió lôi cuốn khán giả vào những chuỗi cười lý thú bằng những lời nói pha trò bóng gió, xỏ xiên, đả kích hoặc là dựa vào những tình huống đang diễn của vở tuồng, chèo, hoặc chẳng liên quan gì đến tích tuồng, chèo. Do đó vai hề có thể *độc lập hẳn* với tích tuồng, chèo, không những độc lập, mà đôi khi còn đối lập nữa. Dĩ nhiên mức độ hoạt kê, châm biếm của những lớp hề hoàn toàn tùy thuộc vào *tài ba*, khả năng sáng tạo của vai hề. Một lý do nữa cho thấy việc trình diễn là cốt yếu trong tuồng chèo : cốt truyện. Tích tuồng ai cũng đã biết trước khi xem hát tuồng nghe hát chèo. Chuyện Lưu Bình Dương Lễ, chuyện Tam Quốc, Quan Âm Thị Kính,.. ai cũng đã biết cả. Vậy khi xem hát tuồng, nghe hát chèo, thì mục đích không phải là để tìm hiểu tích chuyện vì đã biết, nhưng là để thưởng thức sự trình diễn ; và không phải chỉ một lần trình diễn, mà càng nhiều càng hay, và không chán, vì càng xem càng thích, càng nghe càng mê. Mỗi tối cùng một vai đó có thể đóng khác, hay hơn lần trình diễn một tối khác. Hoặc cùng một tích chuyện đó, gánh này, phường này đóng khác, độc đáo hơn gánh, phường kia.

Phim ảnh hay tiểu thuyết thì không thể xem, đọc nhiều lần, nhất là phim, tiểu thuyết phiêu lưu, trinh thám. Vì cái thú khi xem phim, đọc tiểu thuyết là chờ đợi cái *sắp đến, chưa biết*. Vậy nếu cái sắp đến đã biết, không còn cái bất ngờ, thì hết thú vị. Nếu phim truyện thật hay, có lẽ cũng chỉ có thể xem, đọc hai ba lần, không thể đọc, xem đi xem lại mãi mãi.

Cũng vì xem tuồng chèo không phải để tìm hiểu cốt chuyện ý chuyện, như trong phim, tiểu thuyết, mà chỉ là để xem trình diễn, nên phản ứng sau khi xem trình diễn của khán giả cũng khác nhau. Sau khi xem phim, đọc truyện, khán giả độc giả có thể thảo luận về nghệ thuật diễn xuất phim, bố cục truyện, nhưng không thể không thảo luận về cốt chuyện, ý truyện (luân lý triết lý, xã hội v.v... Trái lại khán giả của tuồng chèo, sau khi ra khỏi rạp, kịch trường không ai thảo luận về tư tưởng vì đã biết cả nội dung đạo đức hay tâm lý của tích truyện, mà chỉ tranh luận với nhau về vai nào đóng hay vai nào hát, múa giỏi.., nghĩa là tranh luận về sự trình diễn vở tuồng chèo mà thôi. Người ta đi xem hát tuồng, nghe hát chèo chớ không đi xem *vở tuồng* nghe *tích* chèo.

Tuy nhiên tuồng chèo cũng rất chú trọng đến văn thơ : « Vạn sự tùng văn giả xuất », nghĩa là phải căn cứ vào văn thơ mà gây dựng tuồng chèo; Lời nói trong tuồng chèo không phải là lời nói thường, nhưng là lời thơ, lời hát dựa vào định luật của thơ. Vậy tính chất thơ văn cũng là thiết yếu của tuồng chèo. Nhưng thơ văn ở đây không phải hoàn toàn một tác giả sáng tạo và qui định, trái lại diễn viên có quyền sáng tạo, cải biên, thích nghi, nghĩa là diễn viên cũng làm văn, cũng ít nhiều giữ vai trò « tác giả » vở kịch.

Căn cứ vào những nhận xét trên, người ta có thể dễ dàng quả quyết tuồng chèo cốt yếu ở sự trình diễn và trong trình diễn, người diễn trò đã đóng một vai quan trọng, không những là diễn xuất mà còn cả sáng tác : về chi tiết tích trò, về lời văn, điệu hát:... tuy nhiên sự tự do ứng biến, sáng tạo ở đây, nếu một mặt phản ánh tinh thần phóng khoáng tôn trọng nghệ sĩ, không khỏi đôi khi bày tỏ một mặt khác, thói quen luộm thuộm, cẩu thả, « thế nào xong thôi » rất hại cho nghệ thuật, một thói quen rất Việt Nam do đời sống nghèo túng, đơn giản của xã hội nông thôn xưa của ta.

Do đó, tuồng chèo đã có những hạn chế nếu nhân đang những đòi hỏi nghệ thuật mà xét kỹ thuật xây dựng và trình diễn sân khấu của tuồng chèo. Chẳng hạn về sân khấu chèo. Có thể nói tổ chức sân khấu chèo thường rất đơn sơ đến mực độ thô sơ : một cái chiếu, hai cái chiếu là đủ, nhưng ba, bốn cái cũng chẳng sao. Đàng khác, diễn chèo ở chỗ nào cũng được. Vì thế, xét phương diện mỹ thuật, trang trí, sân khấu, kể là không có gì. Và những ngành nghệ thuật liên hệ như kiến trúc, hội họa v.v... đều không được chú ý.

Còn lời hát, lời thơ, thường không thống nhất. Trừ một số vở đã được cổ động, xây dựng tập thể và được trình diễn nhiều, nên bản văn, điệu hát có phần được thống nhất và đạt tới mức độ hoàn thiện như ca dao tục ngữ. Còn đa số kịch bản văn thơ chèo tuồng cổ đều rất khác nhau do tính chất tùy tiện ứng biến đã nói trên kia, hoặc ngược lại lẫn lộn lung tung cả. Cùng một đoạn văn, một lớp tuồng chèo có thể gặp ở nhiều trò khác nhau. Tính cách lẫn lộn hoặc giá trị nghệ thuật khác nhau giữa nhiều bản văn quả thật là một hạn chế đáng tiếc. Sự thiếu xót đó đòi hỏi có một kịch bản nhất định hay những lớp tuồng rõ rệt không dẫm chân lên nhau.

Do đó, cần *cải thiện* và *chỉnh lý* tuồng chèo cũ (1).

Về nội dung, cá biệt hóa những lớp tuồng, tránh hiện tượng lẫn lộn tên tuổi. Về hình thức, cố gắng tiến tới thống nhất vở chèo, tuồng thành một kịch bản, hoặc hai ba kịch bản có giá trị nhất. Sự thống nhất bản văn không chống lại truyền thống sáng tạo của diễn viên mà chỉ nhằm duy trì và bảo đảm cho vở chèo tuồng ở mức độ những đòi hỏi nghệ thuật hiện tại *cao nhất* của nó. Nếu diễn viên có tài nghệ sáng tác *hay hơn* bản văn, vở tuồng đã được quy định không ai cấm diễn viên trổ tài nghệ. Nhưng nếu diễn viên không đủ tài nghệ sáng tạo hay hơn, ít ra vẫn có thể cố gắng trung thành với bản văn, vở kịch đã cải biến, chỉnh lý ở mức độ cao nhất hiện nay của nó.

còn tiếp ■

(1) *Xem bài : « Về mặt kịch bản văn học chèo cổ, cần viết lại một số tích cũ». Lộng chương. Tập chí Văn học. Viện văn học Hà Nội. Số tháng 2-1963.*

# nghệ thuật việt nam...

tiếp theo trang 11 ☐

Nhưng nếu chấp nhận sự quan trọng của nghệ thuật như cứu cánh sau cùng của đời sống, chúng ta không thể không thấy rõ rằng giữa Tây Phương bê bối, Cộng sản quá trớn, miền Nam Á và Nam Phi mang nhiều thần tích huyền bí, dân tộc Việt Nam có đầy đủ điều kiện nhất trong các dân tộc để làm một cuộc tổng hợp văn minh. Và người sẽ làm xong công việc lớn lao đó sẽ chắc chắn là người nghệ sĩ : không bao giờ vụ lợi — những thứ quyền lợi nhỏ nhen — không bao giờ tính đến trong thương yêu, không bao giờ chấp nhận giới hạn hay chỉ huy trong sáng tạo.

Và sau cùng chỉ có nhà nghệ sĩ mới có trí tưởng tượng vượt xa hơn trăng sao ; vào sâu hơn tế bào, nguyên tử. Bằng tấm lòng của một mình hắn, nghệ sĩ sống cả cuộc sống của loài người. Hắn có thể biết hết, thấy hết, cảm thông được hết. Hai mươi nhăm thế kỷ trước đây, Thái tử Tất-đạt-đa, Lão-tử, Khổng-tử, đều là những nghệ sĩ. Rồi đến thế kỷ của chúng ta đây, Einstein với Chardin đều là những nghệ sĩ. (Bạn thử nghĩ xem, nếu cứ bị kìm hãm trong cuộc sống nhỏ nhen, một Einstein có bao giờ khám phá ra phương trình tổng quát $e = mc2$ !) Tôi nói thế để bầy tỏ niềm tin không-đổi-rời của tôi vào tương lai nghệ thuật. Trước hết là nghệ thuật của thế giới nói chung, rồi đến nghệ thuật nói riêng của dân tộc ta. Về hết thảy mọi phương diện, nhất là về những cảnh huống điêu linh cùng những nỗi niềm thống khổ, chúng ta đã có một hành trang đầy đủ trong nội thân. Chúng ta chỉ còn có việc *xác nhận* và *tiến tới*.

Tôi hy vọng các bạn nghệ sĩ đồng ý với tôi. Để một vấn đề mới được đặt ra, là nghệ thuật có một phần thiên phú tự do, nhưng cũng có một phần trau dồi căn bản. Lẽ tự nhiên, vào thời đại mới này, bất cứ ai muốn được như Thái tử Tất-đạt-đa hay Einstein cũng đều phải học ! ☐

*HÀNG NGÀY ĐỌC*

NHẬT BÁO

**Tiếng Vang**

Bạn sẽ có đầy đủ tin tức cần biết nhất trong ngày.

*HÀNG TUẦN ĐỌC*

TUẦN BÁO **KỊCH ẢNH**

TUẦN BÁO CỦA NHỮNG NGƯỜI LƯU TÂM TỚI ĐIỆN ẢNH, KỊCH NGHỆ VIỆT-NAM VÀ THẾ GIỚI.

**Chủ nhiệm kiêm chủ bút**

**QUỐC PHONG**

**nghệ thuật**

TUẦN BÁO RA NGÀY THỨ BẢY

Mỗi số . . . . . 7 đồng

Sáu tháng . . . . . 180 đồng

Một năm . . . . . 300 đồng

Công sở giá gấp đôi

Thư từ bài vở gửi **THANH NAM**

**Tiền bạc, ngân phiếu xin đề Ông TỪ NGỌC TOẢN**


## Giới thiệu sách báo mới

**ĐÊM TÓC RỐI**

của Dương Nghiễm Mậu, Thời mới xuất bản

**GIÓ MÙA**

tiểu thuyết Ngô Thế Vinh, Sông Mã xuất bản.

**BÁN TRẦM LẶNG**

Tiuyện dài của Dương Kiều, Đông Phương xuất bản.

**BÁN TUẦN SAN ĐỢT SÓNG MỚI**

Khai thác đặc biệt về điều tra phóng sự, do Mai Anh cùng một nhóm ký giả chuyên nghiệp chủ trương biên tập.
Sẽ ra mắt bạn đọc trong tháng này.

**NĂM SẮC DIỆN NĂM ĐỊNH MỆNH**

*ký sự nhận định của Du Tử Lê*

Khuôn mặt thực chủ 5 nhà thơ : Đinh-Hùng — Bùi-Giáng — Tô-Kiều-Ngân — Thanh-Tâm-Tuyền — Thế-Phong.

## NHỮNG SỐ ĐẶC BIỆT ĐANG ĐƯỢC SỬA SOẠN THỰC HIỆN

### 1 ■ Số Nghệ Thuật trình diễn

Bộ mặt thực của sân khấu, âm nhạc và điện ảnh Việt Nam hiện nay. Từ những tiền trường rực rỡ đến những hậu trường tối tăm. Thảm kịch, hy vọng và những vấn đề sinh tử của ngành trình diễn. Đánh giá những khả năng trình diễn tiêu biểu nhất trên những tiêu chuẩn phê bình và nhận định mới.

**Phỏng vấn ● Phê bình ● Nhận định ● Nói chuyện**

### 2 ■ Số Thơ văn thế giới

Mở những cửa ngõ đúng hướng vào những miền sinh hoạt phồn thịnh nhất của văn học nghệ thuật quốc tế hiện đại. Giới thiệu những tác phẩm tiêu biểu của các tác giả lớn, Những tìm hiểu mới lạ về tâm hồn và đất nước người. Liên hệ giữa nghệ thuật thế giới và nghệ thuật Việt Nam.

**Phiên dịch ● Giới thiệu**
**● Tóm tắt tác phẩm và phê bình khuynh hướng**

### 3 ■ Số Văn nghệ Việt Nam thời kỳ tiền chiến

Những trở lui cần thiết về một thời kỳ văn học nghệ thuật quá khứ. Thâm Tâm, Nguyễn Trần, Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam, Trần Huyền Trân, Nam Cao, Xuân Diệu, Huy Cận. Vũ Trọng Phụng. Nguyên Hồng .. trước đây hai mươi năm, Từ Tự Lực Văn Đoàn đến Xuân Thu Nhã Tập. Những đại diện cuối cùng của tiểu thuyết và thi ca tiền chiến.

**Trích đăng ● Tổng kết ● Chân dung tác giả**
**● Phê bình sáng tác ●**


TẤT CẢ NHỮNG NGƯỜI LỊCH SỰ, NHỮNG KHÁCH HÀO HOA, ĐỀU GẶP GỠ NHAU TẠI :

# VÂN CẢNH

184, Calmette Saigon — **Đ.T. 20.963**

*KHIÊU VŨ TRƯỜNG — PHÒNG TRÀ CA NHẠC*

LẦU NHÌ : **Sàn nhảy toi tân.** Không khí ấm cúng. Ban nhạc điêu luyện. Mỗi tuần 1 chương trình **biểu diễn** mới lạ do những **nghệ sĩ ngoại quốc** đem tới.

LẦU BA : Phòng trà ca nhạc tập trung đủ hết những giọng ca quen thuộc của thính khán giả. Thức ăn ngon, thanh khiết — Đủ cả cơm Tây cơm Tàu.

**CÓ MÁY LẠNH và CÓ ĐIỆN RIÊNG**

# Cái nóp nguyên tác Tuuli Reijonen Duy Thanh dịch

■ tiếp theo trang 13

trường hợp này, đồng thời, tim anh lại bồng đập thình thịch như bánh xe quay nước.

Đến lượt anh được tiếp, đứng trước quầy, anh như người câm. Câm ? Thật ra cũng không phải, anh chỉ hỏi mua những thức cần mua thôi. Như một khách hàng thường. Không khác tí nào, không cả xao xuyến, nào vẹt ni, nào bản lề, chốt cửa, đinh sáu phân và nùi giẻ. Nhưng câu hỏi mua đồng thời cũng là câu anh ngụ ý hỏi nàng đấy. Câu gì nhỉ ? « Cô có biết rằng tôi mua tất cả những thứ này, có phải cho mình tôi đâu, cũng không phải cho ai khác ? mà là cho cô đấy. Tôi làm một cái nhà, trong ấy có gian phòng chính, đẹp không thế tạ ! Không một phần cây cũ, đâu đâu cũng mới tinh chưa hề dùng đến, từ trên xuống dưới.

Chắc chắn nàng đã hiểu rồi, chắc chắn nàng ngờ ngợ điều gì. Bởi vì khi anh rời hiệu, nàng khẽ cuối đầu và cười với anh, cười thật sự. Cái cười ấy đam chắc là chưa đựng một lời hứa hẹn.

Chiều hôm ấy, có dạ hội ở Tòa Thị-Sảnh. Người ta nói với anh, một trong những người bạn trong làng. Thế nào cũng có cô ban hàng tóc đỏ của hiệu buôn đến dự. Nên anh nhất định, anh cũng đi nữa. Chiều hôm ấy, anh không trở về như đã định trước. Như mọi người, anh đến tòa đô sảnh. Lẽ nào một người cục mịch của miền rừng núi lại không được dự lễ trong làng sao ? chỉ một lần thôi ?

Những người trẻ tuổi đứng chật cả phòng. Nestori bị đoàn người dồn mãi đến bên lò sưởi. Anh đứng đấy nhìn kẻ khác nhảy. Riêng anh không biết tí gì. Chưa từng học bao giờ. Nhưng mắt anh bỗng đầy tủi nhục. Người đẹp tóc đỏ của anh đang quay cuồng trong vòng tay của một kẻ khác, một gã trẻ tuổi, cao lớn, hoạt bát. Gã ngả người đang trước, thân mình dán sát vào cô gái. Nestori không rời mắt một phút, anh tiếp tục nhìn cho đến khi điệu nhảy chấm dứt. Hai người bước ra ngoài cho thoáng. Netori cũng đi theo.

Anh không hiểu được, Anh không tài nào hiểu vì sao cô gái tóc đỏ lại đi với người khác được trong khi anh đang sờ sờ đây. Bởi vì anh đến đấy vì nàng, nói với nàng, kể cho nàng nghe dự tính của anh, Tất nhiên, dù anh chưa nói gì với nàng cả, nhưng chắc chắn nàng phải hiểu rồi chứ. Nàng biết anh sắp nói chứ. Nàng đọc trong mắt anh những điều anh muốn nói chứ. Hơn nữa, không tình ý gì sao nàng lại để cho anh cái nóp. Và đôi mắt nàng lúc bay giờ ngời lên, ấm áp lạ. Lẽ ra nàng phải hiểu không lý gì anh lại đi cả đoạn đường dài thế. Bởi có nhiều hiệu buôn gần nhà anh hơn. Không, anh đến đây chỉ vì nàng. Để đem nàng về nhà. Như vậy mà nàng đành nhảy với người khác hơn anh ? Và Nestori không làm sao hiểu được.

Hai người nhảy xong, buông nhau và ra ngoài, đi dài theo bờ sông hóng mát. Nestori nghe gã con trai nói với nàng sẽ đi uống cái gì, sau những bụi lùm, tiếng chai cọ nhau rủng rẻng, nhiều người đàn ông cười. « Em đợi đây» người đẹp tóc đỏ nói và cô đến ngồi cạnh bờ sông. Nestori nhìn cô, nhìn hai bàn tay, khuôn mặt, đôi chân ruỗi dài trên cỏ, đôi chân nàng sẽ đặt lên nền ngôi nhà mà anh đã tự xây nên bằng hai bàn tay mình.

Thế nào nàng cũng phải ở trong ngôi nhà ấy, ngày lễ Saint Jean tới.

Cô gái bỗng giật mình vì vừa nghe một tiếng động trong bóng tối Cô thấy một người đàn ông đang nhìn cô, đôi mắt nồng nàn. Anh ta có vẻ không phải người trong làng. Không thật hẳn chính là người, mùa thu qua, đến hiệu nàng và mua cái nóp còn sót lại cái không có nhan. Cô nhớ rõ ràng như vậy. Con người thật kỳ quặc. Khó có cách nào cưỡng lại hắn. Hắn không nói lời nào. Chỉ yên lặng nhìn, nhìn mình và nhìn mình mãi...

Cô gái không động đậy. Cô cũng nhìn lại hắn. Cô muốn nói, nhưng không thốt được lời nào. Và hắn vẫn không chịu nói lời gì cả...

●

Bỗng dưng, hắn bước lại gần cô, đến bên và hắn bắt đầu lắp bắp những gì. Hắn nói những lời lạ lùng. Hắn nói gì có chân, có sàn gỗ bóng láng, và một ngôi nhà có được là vì nàng, cả cái nóp hắn mua ở hiệu nàng. Đôi tay hắn y như búa thợ rèn, hai bàn tay thật to và mạnh, nhưng cũng thật dịu dàng, lúc hắn đặt lên hai cổ chân nàng và đưa những ngón tay vuốt ve từ chân lên tới gối. Hắn có bàn tay nóng như lửa. Đúng là một con rắn lửa đang quấn chân nàng.

Và rồi, niềm khoái cảm bỗng tan vỡ. Nàng vụt hét lên, cô bán hàng tóc đỏ ở cửa hàng anh mua nóp. Nestori nhảy vụt đi nặng nề chạy trốn. Trên đường nhỏ có tiếng chân người chính là gã đàn ông tầm thước, tóc vàng, Cô gái chạy lại bên anh và kể lể ! Có một người ở trong rừng... hắn đến bên em... hắn vuốt ve chân em... có vậy thôi... Rồi, hắn chạy đi thật nhanh... Hắn nói toàn những chuyện ngu xuẩn gì đâu.

Nestori chạy vắt giò lên cổ. Anh chỉ bớt tốc lực khi về làng nơi gửi cái bị. Anh mang bị lên vai. Rồi tiến lên ! Anh chạy nữa, không ngoái đầu lại. Đêm trong suốt. Không hoàng hôn, không cả thứ ánh sáng mập mờ. Rồi đây sẽ đến mùa đầy ánh sáng chói chang, gay gắt, chết chóc làm cho nhức cả mắt. Và mặt trời xuống đến chân trời không xuống nữa mà trái lại vừa, đụng chân trời là trở lên ngay.

Nhưng, mùa ấy chưa đến. Đêm về còn lạnh lẽo và ướt át, rét mướt. Nestori có đặt một lò sưởi ngay trong phòng, thứ lò người ta thường dùng trong thời kỳ chiến tranh. Thứ lò ngun ngút cháy tất cả những gì người ta đút vào. Lúc nào cũng phải nghĩ đến nuôi nó không ngừng. May mà củi không thiếu chi. Những cánh cửa sổ chưa mắc kính. Anh còn thiếu gì thời giờ. Không có gì gấp lắm. Vả lại, anh chưa rảnh đến gặp người thợ kính. Anh đặt một miếng cát tông trong khung đặng ngăn sương đêm và muỗi mòng. Ánh trời bên ngoài xuyên qua một cái lỗ tròn nhỏ, anh có thể bít lại, cái lỗ ấy, nhưng anh thích để thế hơn. Như vậy có vẻ dễ thở. Và cái lò lửa kêu lách tách.

Ngôi nhà thơm mùi cây tươi. Anh sắp một chỗ nằm trên đống dăm bào. Bên trong những tấm cát tông, hương đêm trên mặt hồ tràn ngập cả phòng, mùi xanh, đen và chát chát. Một con chim kêu lên... trên từng cao. Những cành cây nổ răng rắc. Gió hình như cũng đang lên. Nesteri cho thêm một ôm củi vào lò, phủ thêm một lượt mạt cưa đặng giữ ngọn lửa. Và anh đóng cửa lại.

Nhưng giấc ngủ không chịu đến. Trái với tối khác, giấc ngủ không buồn về. Nestori trằn trọc mơ đến ngày lễ Saint-Jean, đến ngôi nhà ấm cúng và sáng sủa. Người đời là thế, khổ sở đuổi mãi một mái nhà Không ai có thể làm khác được. Chính ngay anh, anh cất biết bao nhiêu nhà và sẽ còn cất nhiều nữa cho thiên hạ mà không có chút gì cho riêng anh. Không ! không ! không ! không còn lâu la gì nữa. Anh sẽ có một mái nhà của anh, có lẽ sẽ xong trước ngày Saint Jean, trước thời gian ấn-định.

●

Lò rừng rực đỏ. Một tia lửa bắn ra, bắt vào những mảnh củi rải rác dưới nền. Tia lửa lan dần lan dần, gây niềm vui khắp những khúc củi rải rác chung quanh, nhảy múa nhẹ nhàng như giấc ngủ, trong suốt màn sương phủ trên hồ. Nó tiến lên rồi lùi lại, chạy dài theo sàn gỗ, leo lẫn lên chỗ người nằm ngủ. Rồi dừng lại, như định lùi ra, nhưng, bỗng dưng nó lại bùng lên theo ngọn gió từ cửa sổ thổi vào. Tìm lại được tự do, nó sung sướng siết bao. Nó nhảy cửa bùng lên, reo lên, kêu răn rắc với một niềm vui man dại nó trải ra như mái tóc một người đàn bà đang cười. Người đẹp tóc đỏ... Phải rồi người đẹp tóc đỏ đang ở bên anh. Mái tóc nàng hòa lẫn mái tóc anh, nàng sờ hai tay anh, nàng sờ mặt anh. Nhưng ở đây nóng quá ! Hạnh phúc và đau đớn đang cùng lúc bóp nghẹt anh

Nestori nhướng hai mắt lên. Mới đầu, anh nghẹt thở, cháng váng. Ngày đã lên rồi. Rồi, anh vụt rơi về thực tế, bừng tỉnh thấy như có ai đang cắt anh ra làm hai đoạn. Hai tay anh sờ soạng quanh cái mấu « Femeture », như hàng trăm lần trước. Anh vừa chợt hiểu rằng mình đang ở giữa một biển lửa thực sự. Anh định ngồi phắt lên, thúc hai khuỷu tay cho bung cái nóp nặng nề, xé rách nó cho hai vai được tự do. Nhưng hai lần vải thật chắc. Không hề suy suyển. Lớp lông dán sát vào mình anh như lớp sắt. Anh cố hết sức. Hai tay bấu vào cái « Fermeture ». Nhưng anh không tìm được chốt mở. Không tài nào tìm được ! Trời ! Lẽ nào anh bị chết ngộp vì cái chết ngu xuẩn ấy ? Mái tóc của người đẹp tóc đỏ liếm vào hai má anh. Quanh anh nóng như địa ngục. Những tay ngón cô gái đẹp siết cứng cổ họng anh. Cô bán hàng đang ở bên anh trong nóp, nằm sát vào anh, sát mãi. Anh đã biết chắc thế nào rồi nàng cũng sẽ đến với anh. Có phải ngày Saint Jean đã đến rồi sao ? Nhưng vì sao nàng lại định giết anh ? Tại sao lại siết cổ anh ? môi nàng trên môi anh, không tài nào thở được nữa Nestori cố gắng hít vào tìm một ít không khí mát mẻ, vô hiệu ! Anh không muốn chết. Anh muốn sống vì bây giờ nàng đã đến rồi. Anh hét lên, tìm đủ mọi cách để thoát khỏi nóp.

Nhưng cái túi không chịu buông tha anh. Cái « fermeture » chống chọi lại. Những mấu răng sắt cái này cài vào cái kia, đúng như đã định. Một trong mấy cái mấu sắt, chỉ một thôi, hơi hơi cứng hơn những cái răng khác. Vì nó có hơi vẹo đi khi người ta kéo. Cái chốt vướng đúng vào đấy và nó cắn cứng lại không chịu nhả ra.

Kim khí thật tốt. Thép cũng bền. Anh có cố trì, kéo, vặn vẹo cách nào. Cuối cùng đến mệt lả. Cũng không làm sao được. Cái « fermeture » vẫn không nhượng bộ.

Nó chắc lắm. Vì đúng là thép của Mỹ có bảo đảm hẳn hoi. ■

●●●●●●●●●●●

## một câu chuyện rất ngắn

■ tiếp theo trang 15

Chàng đáp tầu ở Gênes để về Mỹ. Luz trở lại Padoue, để làm việc cho một nhà thương sắp mở. Một nơi hẻo lánh và hay mưa. Một đại đội đóng tại đó. Mùa đông trong cái thành phố lầy lội và ẩm thấp ấy, vị thiếu tá theo tán tỉnh Luz ; nàng chưa hề quen người Ý nào. Cuối cùng, nàng viết thư sang Mỹ nói rằng mối tình của họ chỉ là một điên cuồng của tuổi trẻ. Nàng rất ân hận, nàng biết là có lẽ chàng sẽ không hiểu, nhưng có thể một ngày nào đó, chàng sẽ tha thứ cho nàng, sẽ mang ơn nàng là khác... Trái với mọi sự chờ đợi nàngsẽ lấy chồng vào mùa xuân tới. Nàng vẫn yêu chàng nhưng nàng bỗng nhận-thức được rằng đó chỉ là một mối tình thoáng qua. Nàng mong mỏi chàng sẽ có một sự nghiệp rực rỡ và đặt hoàn toàn tin tưởng ở chàng. Nàng biết như thế là hơn.

Vị thiếu tá không cưới nàng vào mùa xuân, hay mùa nào khác

Luz không bao giờ nhận được thư phúc đáp từ Chicago. Ít hôm sau đó, chàng mắc bệnh lậu với một cô gái bán tạp hóa tại một cửa hàng lớn, trong khi đi tắc-xi qua công viên Lincoln. ■

NHÀ XUẤT BẢN

# TIA SÁNG

*ĐÃ XUẤT BẢN :*

| | |
|---|---|
| NẮNG SỚM MƯA CHIỀU | *Ngọc-Linh* |
| CHO MƯỢN CUỘC ĐỜI | *Thanh-Nam* |
| BƠ VƠ | *An-Khê* |
| NHỮNG KẺ NGOẠI TÌNH | *Văn-Quang* |
| TUỔI TÌNH YÊU | *Hoài-điệp-Tử* |
| YÊU TRONG HOÀNG HÔN | *Ngọc-Linh* |

*SẮP PHÁT HÀNH :*

**ĐỪNG HỎI TẠI SAO**
*Truyện dài của Bình nguyên Lộc*

**DANH GIÁ**
*Truyện dài của bà Tú Hoa*

*ĐANG IN :*

| | |
|---|---|
| MƯA ĐÊM TỈNH NHỎ | *Thanh-Nam* |
| GIÒNG ĐỜI | *bà Tùng-Long* |

*TÌM ĐỌC HAI SỐ* **VĂN** *ĐẶC BIỆT 43 và 44*

# 200 NĂM SANH NGUYỄN-DU

● **Những tiểu luận có giá trị của :**

*Giản-Chi — Nguyễn-Hiến-Lê — Trương-Văn-Chình — Võ-Hồng — Nguyễn-văn-Xung — Vũ-Hạnh — Lê-Ngọc-Trụ Bửu-Cầm — Tạ-Quang-Phát — Đặng-Tiến — Lê-Khắc-Quyến...*

● **Những truyện đặc sắc của :**

*Dương-Nghiễm-Mậu — Nguyễn-Mạnh-Côn — Thanh-Tâm-Tuyền — Bình-Nguyên-Lộc*

● **Dòng thơ lục bát qua thời gian :**

*Những bài lục bát tiêu biểu cho dòng thơ sáu tám thời tiền-chiến và bây giờ.*

● **Sinh hoạt văn nghệ :**

*Trần-Thiện-Đạo — Đặng-Tiến — Trần-Thanh-Phong — Mõ-Làng-Văn...*

DƯ NGUYÊN XƯƠNG

# U. GUAN CHHIAN & CIE

MARCHAND DE TEINTURE

Chuyên buôn các loại Phẩm nhuộm, Phẩm ăn, Bột Sơn và đủ thứ nguyên liệu hóa học

*456, B.D. Đồng-Khánh, 456*
(gần Tửu Lầu Ngọc-Lan-Đình)
**CHOLON VIETNAM**

*128, Rue Ang-Eng, 128*
(Ex, Rue d'Ohier)
**PHNOM-PENH**

NHỮNG BẠN TRẺ HOẠT ĐỘNG YÊU ĐỜI ● SÀNH NHẠC ĐỀU CHỌN MUA NHẠC DO TINH HOA MIỀN NAM XUẤT BẢN

***nhà sách***

**tinh hoa**

PHÁT HÀNH ĐẦY ĐỦ NHẠC MỚI CỦA CÁC NHÀ XUẤT BẢN

●

SAIGON THANH LỊCH, SAIGON BAN ĐÊM

HỌP MẶT ĐÔNG ĐẢO TẠI

# PARAMOUNT NIGHT CLUB

*DƯỚI SỰ ĐIỀU KHIỂN CỦA CÂY TRỐNG SỐ MỘT*

## HUỲNH ANH

- MỘT BAN NHẠC GỒM TOÀN NHỮNG DANH TÀI QUEN THUỘC
- *VỚI NHỮNG GIỌNG CA CHIẾM ĐƯỢC CẢM TÌNH NỒNG NHIỆT NHẤT*
- KHÔNG KHÍ TAO NHÃ, SÀN NHẢY TÂN KỲ
- **TRANG TRÍ LỘNG LẪY, MÁY LẠNH TỐI TÂN.**


In tại THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN 223 Phạm ngũ Lão Saigon

GPXB số 4260/BTTTLC/BC. 1 ngày 29-7-65 K.D. số 1929 ngày 7.

## ▶ CÔNG CHÚA THỦY TỀ

Phim của hãng SHAW chiếm giải thưởng, Điện Ảnh Á Châu 1965

**Với ảnh hậu 1965 : LÝ THANH trong hai vai : Công chúa cá đa tình và nàng tiểu thơ đài các.**

**Với ảnh hậu 1964 : LĂNG BA trong vai : Anh học trò nghèo nhưng hào hoa phong nhã.**

## ▶ LINH MIÊU TRÁO CHÚA

BAO CÔNG XỬ ÁN QUÁCH QUÌ

**Với ảnh hậu 1964 : LĂNG-BA**

**Một cố gắng vượt bực của hãng SHAW**

**Sau phim Hoa Mộc Lan được nhiệt liệt tán thưởng**

EASTMANCOLOR SHAWSCOPE

## NGỌN ĐÈN NHƯ LAI

Trong phò truyện : MỤC LIÊN THANH ĐỀ

Một duy tác chót của HOA HẬU LÀM ĐẠI

Trong hai vai : { NGƯỜI MẸ TỘI LỖI VÀ ĐỨA CON HIẾU THẢO

Một thành công của hãng SHAW

Sau phim ĐẮC-KỶ

**EASTMANCOLOR** **SHAWSCOPE**

BỐN KIỆT TÁC CỦA ĐIỆN ẢNH HOÀN VŨ SẼ TƯNG BỪNG MỞ ĐẦU

# Chiến dịch sau mùa mưa của hãng Mỹ Vân

◁

## *Baley Doll*

MỘT PHIM CỰC KỲ HẤP DẪN VÀ TÁO BẠO CỦA HOLLYWOOD LÀM CHẤN ĐỘNG DƯ LUẬN ĐIỆN ẢNH HOÀN VŨ

● *với cô đào nguyên tử*

**CARROLL BAKER**

*cùng*

**KARL MALDEN**

*và*

**ELI WALLACH**

● Phỏng theo tiểu thuyết danh tiếng của đại văn hào **TENNESSEE WILLIAMS.**

● **Một thực hiện độc đáo của ELIA KAZAN.**